

Eric-Emmanuel Schmitt

Một mối tình ở
ĐIÊN ÉLYSÉE *

Trần Thị Khánh Vân dịch



nh

nhà nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Eric-Emmanuel Schmitt

Một mối tình ở
ĐIÊN ÉLYSÉE

Trần Thị Khánh Vân dịch



[ebook©vctvegroup]

MỤ ĐẦU ĐỘC

- Cẩn thận đấy, mụ đầu độc kìa!

Đám trẻ bỗng dừng đứng khựng, co cụm lại hết một bàn tay nắm chặt. Chúng chạy trốn títt đằng sau khu giặt, chui dưới một băng ghế đá, một góc mát mẻ, rợp bóng, cho phép chúng quan sát mà không bị phát hiện; ở đó, để cảm thấy khiếp sợ hơn nữa, lũ trẻ bèn nín thở.

Dưới cái nắng giữa trưa, Marie Maurestier đi sang đường. Đó là một mụ đàn bà bảy mươi tuổi, cao lớn, chậm chạp, nhăn nheo, sạch sẽ, cứng nhắc và hay cáu kỉnh. Cứng đờ người trong bộ cánh màu đen bó chặt ở eo, mụ dè dặt bước, hoặc là vì sợ cái nóng, hoặc là vì mấy cái khớp bị viêm khiến bước chân mụ trở nên ngập ngừng. Mụ lão đảo bước đi với vẻ oai phong vụng về làm mụ trông càng đồ sộ.

Lũ trẻ thì thảo:

- Mà mày có nghĩ mụ nhìn thấy bọn mình không?

- Hay mình hét toáng lên cho mụ sợ đi!

- Đừng ngu xuẩn thế. Mụ không sợ gì, cũng chẳng sợ ai bao giờ. Có mà mày sợ thì có.

- Tao không sợ.

- Mà mày mà làm gì khiến mụ phật lòng thì mụ sẽ giết mày! Giống như mấy người kia.

- Tao đã bảo là tao không sợ mà...

- Mấy ông chồng của mụ, ông nào chẳng to khỏe hơn

- Hừm! Tao vẫn không sợ...

Chúng thận trọng chờ Marie Maurestier đi xa hẳn, tránh mọi lời gọi khiếm nhã hay những câu đùa cợt ác ý.

Hai mươi năm trước đây, sau hai vụ kiện, tòa án đã tuyên bố miễn truy tố và thả Marie Maurestier ra khỏi nhà lao nơi mẹ bị tạm giam. Tại Saint-Sorlin, hầu hết dân làng đều xem Marie Maurestier là vô tội, chỉ trừ có lũ trẻ là vẫn thích được gặp một kẻ giết người hơn, để cuộc sống của chúng thêm phần nguy hiểm và tuyệt vời. Thế nhưng, lý do khiến đám người lớn kia cho rằng Marie Maurestier vô tội cũng chẳng hợp lý hơn là bao: dân làng chối bỏ ý nghĩ phải sống cạnh một kẻ sát nhân đang được tự do, phải chào hỏi kẻ đó, phải chia sẻ đường phố, cửa hàng cửa hiệu, nhà thờ với một mẹ giết người; để được thanh thản, họ cần mẹ là một người lương thiện, giống họ.

Trong làng không ai thực sự yêu quý mẹ, bởi người đàn bà tự mãn, dè dặt, có khả năng tung ra những lời đáp trả cay độc ấy không hề gây được thiện cảm hay sự quý mến nơi mọi người nhưng ai ai cũng lấy làm hoan hỉ trước danh tiếng mà mẹ mang lại cho dân cư nơi đây. Suốt một vài mùa, những cái tit ồn ào như “Mẹ đàn bà đầu độc ở làng Saint-Sorlin”, “Con quỷ dữ vùng Bugey” hay “Messalina”^[1] của Saint-Sorlin-en-Bugey” đã mở đầu cho ấn bản của các nhật báo, cho các chương trình phát thanh và truyền hình.

Chừng ấy ồn ào đã lôi kéo những kẻ hiếu kỳ; dù họ đánh giá đây là mối quan tâm thiếu lành mạnh thì cái tên Saint-Sorlin vẫn đứng ở vị trí trung tâm, và sự nổi tiếng bất thành linh kia đã khiến mọi tay lái phải rời đường cao tốc đến làm một ly tại quán cà phê, nhấm nháp một món ăn ở quán trọ, mua bánh mì ở cửa hàng bánh, lướt nhanh vài tờ báo mong được nhìn thấy Marie Maurestier. Đám người hiếu kỳ ấy lấy làm ngạc nhiên vì một ngôi làng xinh đẹp, hiền hòa đến vậy, rải rác những khu giặt lấy nước từ các con suối, một ngôi làng với những bức tường đá mà vào những ngày đẹp trời, được phủ kín bằng hàng ngàn hàng ngàn những đóa hồng thơm và cả hồng dại, một xã nằm thu mình dọc theo một nhánh sông Rhône nơi sinh sôi nảy nở đầy những cá hồi và cá chóc, lại có thể che chở một tâm hồn đen tối đến vậy. Đúng là một màn quảng cáo ngược đời! Nếu cái thị trấn một nghìn dân này có hẳn một văn phòng phát triển du lịch thì

nó đã có thể sáng tác ra điều gì đó tốt hơn mẹ Marie Maurestier để quảng bá cho mình; vả lại, một ngày nọ, ông thị trưởng, hí hửng trước dòng khách du lịch lũ lượt kéo đến kia, chẳng phải đã bưng bưng phần khích tuyên bố với Marie Maurestier rằng ông ta là “fan số một của mẹ” đó sao? Chẳng cần phải nói toét ra rằng người đàn bà ấy đã đập ngay cơn hào hứng của ông ta bằng ánh mắt lạnh lùng cộng với thái độ im lặng thù địch. Tay khoác giở liều, Marie Maurestier, đi ngang qua quán trọ mà không thèm liếc mắt nhìn vào bên trong bởi mẹ biết rất rõ, đằng sau mấy cái cửa sổ có những ô kính nhỏ màu lục nhạt kia là đám khách đang gí mũi vào lớp kính để soi mói mẹ.

- Mẹ giết người kìa!

- Trông rõ là kênh kiêu...

- Vênh vênh vào vào như cái gáo múc phân! - Làm sao lại có đàn ông bỏ xác vì cái thứ ấy cơ - Mẹ ta được xử trắng án rồi...

- Anh bạn ạ, phải có án thì mới xử trắng được chứ! Ông chủ cửa hàng, người mà lúc này tôi cố tìm cách moi tin bảo tôi rằng không có lửa thì làm sao có khói...

Dù dân làng đã xóa tội cho mẹ, nhưng họ vẫn để mặc cho mối ngờ lan tỏa, bởi không thể có chuyện làm nản lòng đám khách tham quan bằng việc tước đi của họ trò vui ấy. Chẳng cần phải được năn nỉ, họ vẫn kín đáo chỉ cho du khách thấy con đường mà Marie Maurestier thường đi, thời gian biểu, những thói quen, ngôi nhà trên đỉnh đồi của mẹ... Và khi được hỏi liệu họ có tin mẹ là thủ phạm hay không, họ đều trả lời bằng câu “Ai mà biết được?” đầy thận trọng.

Vả lại, họ đâu phải những người duy nhất thù ghét nên bí ẩn ấy: các chương trình truyền hình vẫn thường lật lại số phận của Marie Maurestier bằng cách nhấn mạnh những chi tiết nhập nhằng và cả những góc tối của mẹ; dù buộc phải thuật lại quyết định của tòa án - nếu không luật sư của Marie Maurestier sẽ bắt họ phải trả những khoản tiền phạt rất nặng -, song cánh nhà báo vẫn úp mở ám chỉ rằng việc “miễn truy tố” được đưa ra dựa trên tình trạng “thiếu bằng chứng cụ thể” hơn là đã chứng minh được mẹ thực sự vô tội.

Cách đó mười mét, Marie Maurestier dừng lại trước biển hiệu của hàng bán thảm và kiểm tra xem kẻ thù lớn nhất của mẹ có ở đó không. Đây rồi! Raymond Poussin, lưng quay về phía cửa kính, đang ba hoa chích chòe, tay cầm mấy mẫu vải chần ra trước một cặp vợ chồng mang ghế bành đến sửa.

“Thằng ngu này còn thô kệch hơn cả thứ xơ nhồi ghế và xấu chẳng kém gì thứ cước hần dùng”, mẹ nghĩ. Mẹ chăm chăm nhìn lão với vẻ hằn học, ném vào gáy lão tất cả nỗi căm thù dù mẹ chẳng nghe thấy lão nói gì.

- Maurestier ư, thưa ông bà? Mẹ ta là tội phạm lớn nhất không bị trừng phạt mà nước Pháp này đang che chở. Mẹ từng cưới ba người đàn ông già hơn và giàu hơn mẹ. Cả ba người họ đều chết chỉ vài năm sau đám cưới. Đúng là không may phải không? Và mẹ được thừa kế từ cả ba người! Phải đấy, sao phải từ bỏ các thói quen tốt kia chứ? Phải đến người thứ ba là Georges Jardin, ông bạn thân của tôi, thì mới nghi ngờ của năm đứa con mới dẫn đến một cuộc điều tra: cha chúng vốn hoàn toàn khỏe mạnh, vậy mà ngay sau khi cưới con quái vật đó, ông ấy trở nên tiêu tụy, ốm liệt giường, và hai tuần trước khi chết đã truất quyền thừa kế của chúng để trao toàn bộ gia tài cho con mẹ xa lạ kia. Thật quá đáng! Cảnh sát đã khai quật tử thi hai người chồng đầu và các chuyên gia đã phát hiện ra dấu vết đáng ngờ của chất độc asen trên cơ thể họ. Mẹ bị tổng giam trong lúc chờ xét xử nhưng đã quá muộn rồi, cả với người chết lẫn với tiền bạc. Con mẹ góa hờn hở ấy đã làm gì với đồng tài sản? Mẹ dành hết cho một gã người tình, Rudy, hay Johnny, hay Eddy nào đó, một cái tên đại loại thế, một cái tên Mèo thì phải. Tay này ấy hả, hần còn trẻ chứ không già nua như những người trước - một gã bộ trai, một tay lướt ván đến từ Biarritz, kẻ đã vung toàn bộ tiền bạc của mẹ vào áo quần, xe hơi và cờ bạc. Một thằng đĩ đực, một kẻ ngu dần, ngu hơn cả bò. Suy cho cùng người ta cũng chẳng trách móc gì hần đâu, ít ra là hần chỉ lấy đi của mẹ những gì mẹ từng cướp của người khác mà thôi. Ông bà hần sẽ nói rằng thế là công bằng rồi? Nhưng không hề! Mẹ khử luôn cả tay chơi ấy đấy. Không phải vì tiền, mà vì hần đã căm thù mẹ. Không ai gặp lại

hắn nữa. Mụ Maurestier thế là hắn đã cuộn gói ra nước ngoài. Tôi thì lại nghĩ xác hắn đang thối rửa dưới đáy biển với một tảng đá buộc vào chân. Chỉ một người duy nhất hắn là biết tội ác của mụ, em gái mụ. Blanche. Một cô gái xinh xắn, hơi ngây thơ, bấy lâu nay vẫn luôn được chị gái mình là Marie Maurestier bảo vệ. Vậy là ngay cả một thứ rác rưởi cũng có thể nuôi dưỡng một tình cảm chân thành; như kiểu có những loài hoa vẫn mọc được trên đồng phân vậy. Phải, chỉ có cô em, nhưng cô ta cũng chết rồi! Ngay trong quá trình điều tra. Vâng, thế đấy, đúng là chẳng còn cách nào để vạch tội mụ, mụ Maurestier này, bởi khi mụ đang bị tạm giam thì em gái mụ lại ngoẻo mất, mà lại ngoẻo trong một vụ tai nạn máy bay khiến một trăm ba mươi hai hành khách tan thân trong vòng có một giây. Bằng chứng ngoại phạm hoàn hảo... Dù sao mụ cũng thật may mắn! Dường như vẫn có một vị Chúa nào đó phù hộ những kẻ gian ác! Bởi kể từ lúc em gái mụ, cô nàng khờ khạo ngốc nghếch, cô nàng mà khi bị thẩm vấn đã trả lời đầy mâu thuẫn, lúc thì như nhân chứng buộc tội, lúc lại như nhân chứng gỡ tội, biến mất, mụ Maurestier và luật sư của mụ bắt đầu cảm thấy yên tâm, rồi lần tới với những câu chuyện được kể theo chiều hướng giải tội cho con quỷ dữ ấy.

Từ ngoài đường nhìn vào, Marie Maurestier đoán ngay được Raymond Poussin đang nói về mình qua khuôn mặt càng lúc càng đỏ và những động tác rối tinh của lão.

Hai vợ chồng người khách mê mải nghe câu chuyện mà không hề nhận ra người đàn bà được nhắc tới đang đứng trước mặt họ, ngay sau lưng kẻ đang tung ra hàng tràng những lời nguyên rửa.

- Mụ Maurestier ấy, mụ đã khai thác triệt để cái chết của chính em gái mình! Mụ khóc như mưa, rồi nhắc đi nhắc lại rằng dù sao cũng thật may vì em gái mình lại chết trong cái vụ tai nạn máy bay khủng khiếp ấy, nếu không người đời lại kết tội mụ đã trừ khử cô ta. Dường như mụ luôn giết những người mụ yêu quý, mấy ông chồng, cô em gái; thậm chí người ta còn nghi mụ là thủ phạm của một vụ giết người rồi phi tang xác, vụ giết Rudy, Johnny hay Eddy gì đó - tên một rocker - kẻ được cho là người

tình của mụ, trong lúc gã này bỏ ra nước ngoài để trốn nợ hay những vụ làm ăn phi pháp ngập đầu ngập cổ. Người ta buộc tội mụ, người ta muốn mụ là kẻ phạm tội bất kể chuyện gì xảy ra đi chăng nữa. Luật sư của mụ vin vào điểm này và đã thành công. Nhiều phân tích đã chỉ ra rằng, tại các nghĩa trang trong vùng, người ta thường dùng một loại thuốc diệt cỏ có chứa arsen, nên chỉ sau vài năm chôn cất, xác chết nào khai quật lên cũng sẽ bị nhầm tưởng là bị đầu độc, nhất là khi trời mưa nhiều. Mụ và luật sư của mụ đã thắng trong cả hai vụ kiện. Ý tôi là mụ và luật sư của mụ ấy, ông bà ạ. Không phải công lý. Cũng không phải sự thật.

Đúng lúc ấy, lão thợ cảm thấy nhói đau sau gáy. Lão sờ vào gáy, sợ mình bị côn trùng đốt, rồi quay người lại.

Marie Maurestier đang trừng trừng nhìn lão. Tim lão đập hoảng loạn, hơi thở như ngừng lại.

Hai bên nhìn nhau vài giây, mụ thì khắc nghiệt, lão thì sợ hãi. Bấy lâu nay, Raymond Poussin luôn có những cảm xúc cực mạnh khi đứng gần người đàn bà này; trước đây lão cứ tưởng đó là tình yêu, đến mức tán tỉnh cả mụ; còn giờ lão đã biết đó chính là lòng căm thù.

Được khoảng hơn một phút thì Marie Maurestier quyết định chấm dứt việc chiêm ngưỡng nhau ở đây bằng cách nhún vai đi tiếp như thể chưa có chuyện gì xảy ra.

Dáng thẳng, cứng nhắc, mụ đi dọc quán cà phê ngoài trời, nơi mà sự xuất hiện của mụ làm ngưng bật mọi câu chuyện, sau đó mụ bước vào cửa hàng thịt.

Lại một lần nữa người ta ngừng tán gẫu. Mụ khiêm nhường xếp hàng sau những khách khác, và, cứ như có một thỏa thuận ngầm nào đó, tay chủ cửa hàng bỏ công việc đang làm dở để tỏ ý sẽ ưu tiên phục vụ mụ.

Không một ai phản đối. Mọi người không chỉ thừa nhận vị trí đặc biệt này của Marie Maurestier, mà họ còn trở nên suy tư, suy tư một cách đau khổ khi mụ xuất hiện. Không dám chuyện trò thân mật trước mặt mụ, thậm chí cũng chẳng dám nói với mụ

lời nào bởi truyền thuyết về mù không chỉ gây tai tiếng cho riêng mình mù, họ đều mong sao mù biến đi càng nhanh càng tốt.

Tại sao người ta không quên mù? Tại sao, dù đã được tuyên bố vô tội, mù vẫn trở thành một huyền thoại? Tại sao người ta vẫn bàn tán đến trường hợp của mù sau những mười hay hai mươi năm?

Bởi lẽ Marie Maurestier sở hữu tính nước đôi thiết yếu vốn khiến công chúng mơ ước và tính hai mặt vốn tạo ra các ngôi sao: bề ngoài của mù chẳng ăn nhập chút nào với cung cách cư xử của mù. Đời thường, một nữ y tá cưới những bệnh nhân giàu có nhiều tuổi làm chồng thường là một cô gái xinh đẹp, hấp dẫn, biết ăn mặc sexy để tôn lên đường cong cơ thể. Ấy vậy mà Marie Maurestier, ngay cả khi còn trẻ, chẳng bao giờ có vẻ gì là trẻ, thân hình thì tong teo, mãn kinh dù chưa đến tuổi; con ngựa cao lớn ăn vận khắc khổ có khuôn mặt lầm lũi ấy trông thật khó coi trong những chiếc sơ mi kín cổ cao tường, cặp kính to choán hết cả mặt và những đôi giày thô kệch. Người mà đám phóng viên chuyên đưa tin vật vẫn mô tả như một ả ăn thịt đàn ông lại mang vẻ ngoài của một người đàn bà chẳng có ham muốn hay bản năng giới tính gì hết. Đây là mối liên hệ giữa vẻ mặt đức hạnh ấy và liên tiếp các cuộc hôn nhân kia, hay niềm đam mê dành cho Rudy, gã người tình tóc rậm, hút cần sa, vận động viên thể thao lúc nào cũng phanh áo để lộ làn da ngực rám nắng? Một điều ngược đời khác: đối với người bình thường, một mù đàn bà chuyên đầu độc, nhất là lại tái phạm nhiều lần, phải có nét mặt sắc lẹm, gai gạnh, biểu lộ sự xấu xa, hằn thù hay ác độc; thế mà Marie Maurestier lại khiến người ta nghĩ đến một giáo viên tiểu học tận tụy, thậm chí đến cả một giáo viên dạy giáo lý Cơ đốc bởi mù rất sùng đạo, phô ra cả đức tin của mình. Tóm lại, dù người đời nói thế nào về mù thì vẻ ngoài của mù cũng không bao giờ giống thế: nó chẳng ăn nhập với những mối tình của mù hay những tội ác mà mù gây nên.

- Chẳng có lý do gì mà tôi lại được phục vụ trước các quý ông quý bà ở đây, Marie Maurestier thì thầm bằng giọng khiêm

nhường, ướt át, như thế đây là lần đầu tiên người ta dành cho mẹ sự ưu ái đó.

- Cửa hàng nhà tôi, tôi thích sao thì làm vậy, thưa bà Maurestier, gã bán thịt bình thường trả lời. Ông bà ở đây đều đồng ý cả chứ?

Các khách hàng gật đầu.

- Vậy thì, gan bê cho tôi và phổi bê cho con mèo của tôi.

Dù không muốn, đám khách vẫn dỏng tai lên nghe yêu cầu của mẹ như nghe công thức pha chế một loại thuốc độc sắp tới.

Marie Maurestier không đơn thuần là có vẻ ngoài vô hại ư?

Vừa nhìn thấy mẹ người ta đã nghi ngờ... Đôi mắt màu xám của mẹ lóe lên vẻ khắc nghiệt khó mà chịu nổi. Tại tòa, nếu một ánh mắt có thể giết người, thì chắc hẳn mẹ đã hạ gục được thẩm phán, tổng công tố viên và đám nhân chứng buộc tội! Lời mẹ nói sắc lẹm và không thể phản bác: mẹ gọi một số kẻ là dốt nát, ngu dần, tự phụ, rồi bẻ vụn những lời chứng của họ; trong các trường hợp như thế, mẹ càng tỏ ra đáng sợ hơn vì mẹ đã nhắm đúng mục tiêu. Sau đó rất khó để có thể khôi phục danh dự cho những kẻ bị mẹ xé nát, bởi không gì có thể mọc lại trên mặt đất mà mẹ đã đốt cháy. Trí khôn ngoan của người đàn bà không có vẻ gì là khôn ngoan này khiến mẹ trở thành quỷ dữ. Dù giữ thái độ thế nào thì mẹ vẫn khiến người ta bối rối. Thủ phạm ư? Gương mặt nghiêm trang của mẹ không đủ gian xảo. Vô tội ư? Gương mặt mẹ thiếu nét dịu dàng. Bán thân mình cho những lão già ư? Không, nếu thế thì cơ thể mẹ cũng phải đáng khao khát, được khao khát, hay - ít nhất - cũng phải tỏ ra khao khát. Yêu chân thành những lão chồng già nua kia ư? Người ta đâu thấy tình yêu ở mẹ.

Mẹ già cầm hai gói đồ người bán hàng đưa ra.

- Cảm ơn, Marius.

Tay bán thịt rung mình. Đằng sau quầy thu ngân, vợ gã cố nén một tiếng nấc. Việc gọi ai đó bằng tên thân mật từ mồm Marie Maurestier trở nên nguy hiểm. Ngoài gia đình và bè bạn ra, không ai ở cái làng này gọi gã bằng tên nào khác ngoài Ông

Isidore, bởi gã không phải típ người cho phép những biểu hiện thân mật như thế. Choáng váng, gã chịu đựng cú đòn trong khi vợ gã nghiêng rằng trả lại tiền thừa cho Marie mà không dám buông lời bình luận: vợ chồng họ sẽ tranh luận với nhau sau.

Marie Maurestier đi ra, chúc mọi người một ngày tốt lành. Một lời thì thào vội vã và ngưỡng ngừng đáp trả theo phép lịch sự.

Ra vỉa hè, mẹ gặp Yvette đi cùng con. Không thềm chào người mẹ, mẹ chăm chú vào đứa trẻ sơ sinh.

- Chào bé yêu, cháu tên là gì? mẹ ngọt ngào hỏi. Mới có bốn tháng tuổi thì đương nhiên đứa bé không thể trả lời, nên Yvette phải nói thay con. - Marcello.

Vẫn giữ thái độ khinh khỉnh với người mẹ, Marie mỉm cười với đứa bé như thể chính nó vừa nói chuyện với mẹ.

- Marcello ư? Tên cháu hay quá... Hay hơn Marcel nhiều.

- Tôi cũng thấy thế, Yvette đồng tình vẻ mãn nguyện. - Cháu có mấy anh chị em?

- Hai chị, ba anh.

- Vậy cháu là con thứ sáu? Tốt đấy, số này đẹp đấy. - Vậy sao? Yvette ngạc nhiên thốt lên.

Không để ý đến câu hỏi đó, Marie tiếp tục cuộc trò chuyện với đứa bé:

- Thế tại sao lại là Marcello? Có phải vì bố cháu là người Ý không?

Người mẹ đỏ mặt. Cả ngôi làng này đều biết tổng chuyện Yvette ngủ với bất cứ người đàn ông nào nên hẳn phải lờ tịt danh tính cha của đứa bé này cũng như cha của những đứa trước đó.

Marie cuối cùng cũng quay sang Yvette, nở một nụ cười tươi và đi vào cửa hàng Bánh kẹp vàng. Từ cửa hàng thịt, mọi người vẫn theo dõi cuộc nói chuyện và cảm thấy ái ngại.

Marie Maurestier vừa tử tế hay ác độc? Không thể nói được. Khi Marie Maurestier đưa ra một ý kiến, người ta luôn cho là nó

không chân thành, và tin rằng mục đang vờ vĩnh. Dù có thể hiện điều gì bằng lời nói hay cử chỉ thì điều trên hết mục bộc lộ vẫn là khả năng kiểm soát: làm chủ được cả những cái chớp mắt khẽ nhất, uốn giọng một cách tài tình, mục như thể đang chế tạo ra những động lòng, những giận dữ, những nức nở, những im lặng, những xúc động của mình. Mục là một diễn viên đầy lôi cuốn bởi người ta nhìn thấy mục đang diễn. Ở mục, nghệ thuật không bị che đậy để tạo cảm giác tự nhiên; mà ngược lại, nghệ thuật khẳng định tính chất giả tạo của nó. Mang trong người chất kịch, mục không bao giờ buông xuôi và luôn ý thức được bản thân mình. Một số người nhìn thấy ở đó bằng chứng của giả tạo, số khác lại thấy mục đang thể hiện phẩm cách của mình.

- Cho tôi nửa chiếc baguette!

Thời buổi này làm gì có ai mua nửa chiếc bánh mì bao giờ, trừ mỗi Marie Maurestier; và nếu ai mà có ý định đó thì tay bán bánh trẻ tuổi sẽ điên tiết tổng cổ ngay kẻ hà tiện đó đi. Ấy vậy mà, vào cái ngày hắn đang định giải thích cho Marie rằng hắn chỉ bán hoặc cả cái bánh mì dài, hoặc không gì cả, thì mục đã đáp trả ngay rằng:

- Tốt thôi. Khi nào anh đủ khả năng làm một cái bánh mì không cứng đơ ra sau ba tiếng thì cứ hai ngày tôi lại đến đây mua một lần. Nhớ báo trước cho tôi đấy. Còn từ giờ đến lúc ấy sẽ chỉ là nửa cái thôi.

Trong lúc đang đứng chờ nhận lại tiền thừa, một bà khách du lịch không nén nổi bèn nói to:

- Thưa bà, liệu bà có thể vui lòng cho tôi xin một chữ vào sổ được không?

Marie chau mày như chuẩn bị lên cơn tức giận, nhưng lại nói rành mạch:

- Tất nhiên là được.

- Ôi, cảm ơn bà, cảm ơn! Bà biết không, tôi ngưỡng mộ bà lắm. Tôi đã xem tất cả các chương trình về bà trên vô tuyến.

Marie ném cho người phụ nữ đó một cái nhìn như thể muốn nói “Đồ đàn độn thảm hại”, đặt bút ký, trả lại cuốn sổ rồi đi ra.

Bằng cách nào Marie Maurestier lại sông được với sự nổi tiếng không phai nhạt theo thời gian ấy? Nếu mẹ có công khai tỏ ra phải mang trên mình sự nổi tiếng ấy như một gánh nặng, thì qua một vài chi tiết người ta vẫn đoán rằng mẹ cũng lấy làm sung sướng vì nó lắm; với cương vị một công dân đáng chú ý, mẹ nghiêm nhiên chấp nhận ngồi ở vị trí danh dự trong những buổi lễ hội, đám cưới hay tiệc tùng. Mỗi khi giới truyền thông đề nghị được phỏng vấn hay chụp hình, ngay lập tức mẹ liên hệ với luật sư riêng để đàm phán một khoản thù lao. Mùa đông năm ngoái, dù phải nằm liệt giường vì bệnh cúm quái ác, mẹ vẫn mừng thầm trong bụng khi thấy dân làng, vì lo lắng sẽ mất đi tượng đài lịch sử của mình, lũ lượt kéo đến nhà mẹ để nghe ngóng tin tức. Còn mùa hè này, vào một buổi chiều nóng như thiêu như đốt, lúc dừng chân uống một cốc trà bạc hà trong quán cà phê, vì thiếu tiền lẻ, mẹ không xin lỗi chủ quán lấy một câu mà hài lòng nói: “Với số tiền mà tôi mang về cho anh, thì anh hoàn toàn có thể cho tôi một cốc miễn phí.”

Chậm chạp, lưng hơi còng, như bị cả sức nặng của cơ thể chất lên, mẹ quay ngược trở lại và bắt đầu leo lên con dốc dẫn về nhà. Thời gian trôi qua, mẹ đảm nhiệm vai nạn nhân ngày càng xuất sắc; từ giờ trở đi, mẹ biết rất rõ cách giữ vẻ mặt của một kẻ bị án oan. Tất nhiên lúc đầu mẹ có mắc một vài sai lầm: tỉ dụ như ngay khi mẹ mới ra tù, một tờ tạp chí có lượng phát hành lớn đã đăng hình mẹ đang tươi cười, vui vẻ, vô tư, vừa hái hoa hồng vừa vuốt ve con mèo cái của mình trong vườn; tác dụng thật tai hại; với vẻ tươi vui gây sốc, mẹ chẳng có nét gì giống với một bà góa thân phận hiện tại của mẹ - cũng chẳng giống gì một người đàn bà tan nát cõi lòng sau nhiều năm bị tù oan - tâm trạng đáng ra mẹ phải có; ngay khi phóng sự ấy được đăng tải, các bài báo đậm chất hận thù ồ ạt dội về, nêu lên những nghi vấn, tập trung vào những góc khuất, cố gắng gợi lại giả thiết về tội lỗi của mẹ. Vậy là tiếp sau đó, mẹ chuyển sang một thái độ khiêm nhường, hình ảnh một con chim lớn bị thương, và không bao giờ bước ra khỏi hình ảnh ấy nữa.

Mụ leo lên con đường trung tâm của làng. Trên đồi, phía trên các mái nhà và những cây tiêu huyền trụi lá, những ruộng nho phô ra vẻ đều đặn nhằm chán, xơ xác, buồn bã giống như hàng rào chắn, vào tiết tháng Ba này, khi chỉ còn trơ những dây leo ngoằn ngoèo giữa những hàng dây thép.

Lúc đi ngang qua nhà thờ, mụ khẽ rùng mình.

Một giai điệu từ đó vọng ra. Gì đây? Có lẽ nào... Marie lao lên bậc thềm, với tốc độ nhanh nhất mà chứng viêm khớp và những cục chai chân còn cho phép, đẩy cánh cửa khiến ổ khóa kêu rít lên, rồi đứng như trời trồng trước cảnh tượng trước mắt, để mặc cho những làn sóng âm nhạc vây lấy mụ như một mùi hương lan tỏa, lướt qua mụ, mơn trớn mụ, thấm vào mụ.

Một linh mục trẻ đang chơi đàn.

Anh đẹp, một vẻ đẹp thuần khiết và bất nhã. Một mình giữa gian chính giáo đường, làn da nhợt nhạt như đánh phấn, đôi môi tạc hình trái tim, anh tỏa sáng, được bao bọc bởi một thứ ánh sáng vàng đồng tỏa chảy từ ô cửa kính xuống đôi vai. Sáng hơn cả ban thờ, hấp dẫn hơn cả Chúa trên thập tự giá, là khởi nguồn của những âm thanh tinh tế cuộn dâng lên tận mái vòm, anh trở thành tâm điểm của nhà thờ. Bị đôi tay trắng nõn đang vuốt ve phím đàn mê hoặc, mụ lặng ngắm anh, cảm xúc giống như khi người ta đứng trước ma quỷ hiện hình, cho đến khi có tiếng xe máy nổ bành bịch bên ngoài xoay sự chú ý của họ về phía cửa.

Phát hiện thấy có khách, vị linh mục ngừng chơi đàn, đứng dậy chào mụ.

Marie Maurestier tí nữa thì ngất xỉu. Gầy gò, cao không tưởng, vóc dáng như một thiếu niên, anh rạng rỡ khi nhìn thấy mụ, như thể một kẻ đang yêu được gặp lại người tình. Chỉ còn thiếu mỗi việc anh dang rộng tay đón mụ vào lòng nữa mà thôi.

- Chào con. Ta rất vui được cử đến Saint-Sorlin này. Ta vừa rời tu viện, và đây sẽ là giáo xứ đầu tiên của ta. Thật may mắn khi được đặt chân đến một ngôi làng xinh đẹp nhường này, phải vậy không?

Choáng váng trước giọng nói trầm âm mượt như nhung của linh mục, Marie ấp úng nói rằng chính thị trấn này phải lấy làm vui mừng vì điều đó.

Anh tiến lại gần hơn, sống động.

- Ta là linh mục Gabriel.

Mụ rùng mình. Một cái tên thiên thần đối lập hẳn với chất giọng trầm trầm của anh.

- Ta đang hân hạnh được nói chuyện với ai đây? anh hỏi, ngạc nhiên khi thấy mụ không giới thiệu bản thân. - Marie...

Mụ ngập ngừng khi nói họ của mình. Mụ sợ rằng cái tên từng xuất hiện ở nhiều trang báo trong mục tội phạm của mụ sẽ nhuộm màu tang tóc lên gương mặt này, làm hoen ố nụ cười trẻ thơ này. Tuy nhiên, mụ vẫn liếc mình.

- Marie Maurestier.

- Rất hân hạnh được biết con, Marie Maurestier.

Mụ ngưng thở, nhận thấy anh không lùi lại - không hốt hoảng cũng chẳng chút phản đối - khi nghe họ tên mẹ: thật đáng kinh ngạc! Chuyện này chưa từng xảy ra... Anh bắt chuyện với mụ như chính con người mụ mà không hề phản xét, không giam cầm mụ trong một cái chuồng nhốt con thú lạ.

- Thỉnh thoảng con có ghé nhà thờ không, Marie?

- Ngày nào con cũng đến.

- Con chưa từng khứng hoảng đức tin?

- Chúa Trời chắc sẽ không chịu được những thói đỏng đảnh của con đâu. Nếu con không xứng với Chúa, Chúa sẽ chỉnh đốn con ngay.

Mụ những muốn thể hiện một ý nghĩ khiêm tốn nhưng chợt nhận thấy mình vừa buột ra một câu nói đầy kiêu ngạo. Đặt mình ngang với Chúa Trời! Lại còn được Chúa Trời gọi đích danh! Linh mục Gabriel sau một giây phân vân đã biết cách tiếp nhận ý nghĩa cốt yếu của thông điệp.

- Đức tin là một ân huệ.

- Đúng vậy thưa cha! Khi đức tin của ta giảm sút đi, Chúa sẽ thúc vào đít ta để ta tin trở lại.

Ngay chính mẹ cũng bất ngờ về điều mình vừa nói. “Thúc vào đít”! Sao mẹ lại dùng câu nói xa lạ với vốn từ của anh kia chứ? Anh sẽ nghĩ gì đây? Mẹ rống lên giống như một anh lính trong cuộc thao diễn, sỗ sàng, hăng máu. Liệu mẹ có cần phải đóng vai đàn ông trước một con người dịu dàng là thế? Bối rối, mẹ cụp mắt xuống, sấn sàng nhận lỗi.

- Vậy thì hẹn con bảy giờ ở buổi lễ nhé?

Mẹ há hốc mồm, rồi gật đầu đồng ý. “Cha đã tha thứ cho mình, mẹ nghĩ thầm. Một con người tuyệt vời làm sao!”

Ngày hôm sau, mẹ là người đầu tiên đến nhà thờ dự lễ misa buổi sáng.

Lúc linh mục Gabriel bước ra khỏi phòng để đồ thờ, với chiếc khăn lụa xanh lục quàng trên áo lễ trắng, Marie ngây ngất mất một lúc: anh vẫn tươi tắn và đẹp như trong ký ức của mẹ. Mẹ xắn tay cùng anh đẩy những chiếc bục cầu nguyện, xếp riêng những chiếc ghế bị lung lay chân, sắp lại những bó hoa, xếp sách kinh lễ thành chồng, như thể họ đang cùng nhau sửa soạn tiếp đón bạn bè của cả hai vậy.

Các con chiên trong làng đã đến. Tất cả đều tầm tám mươi tuổi, vận đồ đen, tóc muối tiêu, đứng tùm tùm trước cổng, ngập ngừng chưa muốn tiến lên, không phải vì phản đối người kế nhiệm, mà qua thái độ dè dặt họ muốn thể hiện rằng mình đã rất yêu quý người tiền nhiệm.

Như hiểu được suy nghĩ của các con chiên, linh mục Gabriel tiến đến trước mặt họ, tự giới thiệu, tìm những lời lẽ hợp lý nhất để tôn vinh vị linh mục trăm tuổi đã khuất núi, sau đó mời họ đến ngồi ở hàng ghế ngay sát dàn thánh ca.

Trong lúc linh mục bước lên phía ban thờ, Vera Vernet, người không bao giờ Marie nghĩ đến với tên gọi gì khác ngoài biệt danh “dê cái già”, lăm bằm qua hàng ria mép:

- Thật chẳng ra sao, tòa giám mục coi thường chúng ta: anh ta quá trẻ. Họ cử một học viên trường dòng đến!

Marie mỉm cười không đáp. Mẹ có cảm giác lần đầu tiên được dự một buổi lễ cầu kinh. Bằng lòng sùng đạo và sự dấn thân thể hiện qua từng lời nói từng cử chỉ, linh mục Gabriel đang sáng tạo lại một buổi thánh lễ Cơ đốc. Anh run lên khi đọc kinh Phúc âm, đôi mắt nhắm nghiền đắm chìm trong những lời cầu nguyện như thể sự giải thoát của anh phụ thuộc cả vào đó. Cách anh thực hiện nghi lễ cho thấy sự hồi hã, chứ không phải làm theo thói quen.

Marie Maurestier đưa mắt nhìn những giáo dân đáng kính đang đứng quanh mình, họ có vẻ bối rối trước những gì đang diễn ra; trông họ không giống như đang ngồi trên ghế nhà thờ mà là trên ghế một chiếc máy bay đang vượt qua bức tường âm thanh. Dù sao họ cũng để lòng nhiệt tâm của linh mục chinh phục, và rồi dần dà, họ cảm thấy cần phải từ bỏ lối cư xử như những tín đồ Thiên Chúa giáo lãnh đạm. Họ hét đứng lên, ngồi xuống, rồi lại quỳ mà không hề nhăn nhó, khiến các khớp xương bị hành hạ rít lên trèo treo; họ cất tiếng hát vang; họ xướng lên Lạy Cha chúng con bằng những từ ngữ thật kêu và những mẫu câu đầy ý nghĩa. Chừng được nửa tiếng, không ai biết bên nào lời cuốn bên nào nữa - linh mục khiến các con chiên của mình mê đắm hay các con chiên mê hoặc linh mục -, tất cả đều đầy nhiệt huyết; ngay cả con dê cái Vera Vernet kia cũng mang nét mặt đầy cảm hứng để đón nhận bánh thánh.

- Hẹn gặp cha ngày mai, Marie khẽ nói trong lúc bước xuống bậc thềm nhà thờ.

Mẹ rùng mình. Quả là thú vị khi gọi một thanh niên trẻ nhường ấy là “Cha” trong khi mình đã gần này tuổi! Ra khỏi nhà thờ, Marie nở một nụ cười tươi rói mà mẹ định mang về giấu ở nhà. Sung sướng vì sự có mặt của linh mục tại làng, mẹ cảm thấy một niềm tự hào kỳ cục: thắng lợi của Gabriel dường như cũng là thắng lợi của chính mẹ.

Gabriel không mất nhiều thời gian để lấy lòng dân làng. Chỉ trong vài ngày, khi thì ở ngoài phố, lúc thì trong quán cà phê, hay ở chính nhà mình nơi anh mở lớp dạy chữ bên cạnh những bài giảng giáo lý, anh đã khẳng định được những bước đi đúng

dẫn đầu tiên: anh khiến mọi người hài lòng, anh chinh phục được họ. Chẳng bao lâu sau, các buổi lễ của anh đã lôi kéo được cả những tín đồ sùng đạo từ các xã khác. Cả Saint-Sorlin đều hoan hỉ vui mừng có được một vị linh mục như thế. Ngay đến những kẻ ngoại đạo cũng thấy anh là một người tuyệt vời.

Marie lắng nghe những lời đồn đại ngày một tăng như một người mẹ đón nhận những lời khen dành cho đứa con trai của mình. “À ra vậy, cuối cùng thì họ cũng phải mất thời gian mới hiểu được điều mà mình cảm nhận được ngay tức thì.”

Mụ không hề nhận ra rằng con người mụ đã thay đổi khi tiếp xúc với linh mục. Tất nhiên giờ giấc và thói quen - vốn cứng nhắc - vẫn không thay đổi, nhưng mụ có thêm những xúc cảm lạ thường.

Buổi sáng, khi chuông điểm đúng sáu giờ, mụ nhảy phắt ra khỏi giường, nghĩ ngay rằng Gabriel cũng dậy cùng giờ với mình. Trong lúc tắm rửa, trên người không mảnh vải đứng trước gương ở lavabo, mụ tưởng tượng anh cũng đang sửa soạn, cũng không mảnh vải che thân, để đến cuộc hẹn sắp tới của hai người. Rồi khi hần hển bước qua ngưỡng cửa nhà thờ, mụ bước vào nhà Chúa cũng như bước vào nhà Gabriel. Dưới thời linh mục trước, nhà thờ Saint-Sorlin bốc mùi Chúa như một lò giết mổ bốc mùi xác chết, thoảng mùi hôi thối và lộn mửa của sự phân hủy; nhưng từ khi Gabriel làm chủ nơi này, chỉ còn thấy mùi hoa ly, mùi hương trầm, mùi sáp ong, cửa kính luôn sạch sẽ, sàn nhà được lau chùi, khăn phủ ban thờ được là lượt, tóm lại, người ta có cảm giác Chúa và chàng trai trẻ tuổi ấy đã cùng dọn đến ở chung trong một căn nhà sang trọng.

Vào lúc Gabriel đẩy cánh cửa phòng để đồ thờ, tỏa rạng trong chiếc khăn choàng lụa xanh và cất lời “Chào các con gái của ta, cha rất vui được gặp các con”, mụ luôn nghĩ câu nói đó dành riêng cho mình. Mụ làm theo mọi mệnh lệnh, “Quỳ xuống”, “Đứng lên”, “Hãy cùng hát”, “Hãy cầu nguyện”, phục tùng cả con người lẫn nghi lễ. Mụ sùng bái, nuốt lấy từng lời của linh mục. Thái độ của mụ đã khác xa so với trước, vào những buổi thuyết giáo, mụ thuộc lòng những cái tên và ngày tháng được ghi trên

bia đá cẩm thạch dọc theo lối đi dành cho những nhân vật tên tuổi đã mất của thị trấn! Nhờ có Gabriel, mẹ đã cảm nhận được sức mạnh và sự tinh tế trong sách Phúc âm bởi anh không chỉ kể lại theo cách đặc biệt của riêng mình mà mẹ còn thấy anh là hiện thân của Chúa Jesus, đẹp đẽ, mong manh, bị giày vò bởi tình yêu dành cho đàn ông và đàn bà. Mẹ nhiều lần hóa thân thành Thánh Marie-Madeleine, và đứng trước đức Chúa Jesus-Gabriel, mẹ run lên vì tình cảm trỗi dậy khi cho Chúa ăn uống, rửa chân cho Chúa rồi sau đó lau chúng bằng mái tóc buông xõa của mình; những câu chuyện thiêng liêng mang đầy ý nghĩa bởi chúng đã có hiện thân bằng xương bằng thịt.

Ngược lại, mẹ không chịu nổi khi cứ đến Chủ nhật là lại phải gặp những kẻ bình thường trước đó chẳng bao giờ đến nhà thờ. Một buổi sáng, khi chỉ còn một mình với anh, mẹ thấy cần phải tổ giác những con người này.

- Cha biết không, gia đình nhà Dubreuil, Morin, Desprairies và Isidore trước đây không khi nào đến nhà thờ đâu.

- Càng tốt, không bao giờ là quá muộn đâu. Con hãy nhớ lại câu chuyện về những người công nhân bắt đầu làm việc vào giờ cuối ngày^[2].

- Con tự hỏi liệu Chúa có tính đến suy nghĩ của những công nhân làm việc từ sớm khi phát hiện ra sự hào phóng mà Chúa dành cho những công nhân đến muộn không.

- Chúa có nghĩ đến đó con ạ: Chúa biết những người sùng đạo làm việc đầu giờ đã có niềm vui được khai mở lòng tốt trong mình.

Mẹ đâu hiểu được rằng câu trả lời đó là nhằm vào mẹ để khuyến khích mẹ tỏ ra tốt hơn nên đã lờ đi kết luận:

- Vâng thì... Những vị khách du lịch ấy, họ đến buổi lễ chẳng qua là vì bị cái mới thu hút. “Chỗ mới quét sạch”, bà của con vẫn thường nói thế.

- Nếu họ đến vì tò mò, thì trách nhiệm phải níu giữ họ lại sau đó là của cha. Cha hy vọng sẽ làm được điều đó. Mẹ nhìn không chớp mắt, anh say mê, tốt bụng, không hề để tâm đến những ý

nghĩ nhỏ mọn. Mụ đỏ mặt, tỏ ra lầy lăm tiêc về sự bi quan của mình và khẳng định một cách chân thành:

- Thừa cha, chắc chắn cha làm được ạ. Con tin cha sẽ cảm hóa được họ thành những con chiên trung thành.

Thực ra cái mà mụ khao khát chính là một sự ưu ái dành cho mụ; mụ tha thứ việc linh mục chăm sóc tất cả mọi người, tạo ra những sự thay đổi, thậm chí là những điều kỳ diệu, vào lúc mà anh dành cho mụ một sự quan tâm đặc biệt. Chưa khi nào mụ nghĩ đến việc cắt nghĩa những tình cảm phức tạp đó bằng một từ đơn giản là ghen tuông.

Cũng vì thế nên mụ không hề có ánh mắt thiện cảm khi thấy Yvette xuất hiện tại nhà thờ.

Yvette, là một cặp đùi. Nếu như có những người đàn bà khiến người ta chú ý ngay đến đôi mắt, cái miệng, hay gương mặt, thì Yvette lại phô ra cặp đùi. Người ta sẽ không tài nào mà tập trung được vào nét mặt của ả khi ả nói chuyện, bởi chỉ cần không bị buộc phải nhìn vào mặt là người ta lại chăm chăm ngắm cặp đùi của ả. Hai cột thịt, nóng bỏng, mỡ màng, với làn da mềm mại khiến người ta chỉ muốn được sờ vuốt, kiểm nghiệm sự êm dịu của chúng bằng chính tay mình. Dù ả có mặc gì đi chăng nữa thì cặp đùi vẫn luôn nổi bật nhất; trên người ả, một chiếc váy ngắn sẽ tạo cảm giác nó được cắt để làm lộ ra cặp đùi, những chiếc jupe cũng xòe rộng để cặp đùi phơi ra, những chiếc quần soóc rút ngắn lại thành những cái hộp chứa cặp đùi, thậm chí ngay cả đến quần dài cũng trở thành chiếc khuôn ôm lấy cặp đùi. Marie khẳng khẳng tin rằng Yvette chính là một cặp đùi nên khi ả cất lời nói với mụ, mụ không buồn trả lời người đàn bà được cấy ghép phía trên cặp đùi ấy.

Cũng phải nói thêm rằng Yvette là con điểm của làng. Một con điểm thời vụ. Cứ mỗi khi nhả túi vào dịp cuối tháng - mà tháng nào cũng thế -, là Yvette, cô nàng có sáu đứa con phải nuôi, lại bán mình cho đám đàn ông. Vả lại đó cũng là vấn đề của ả: ngoài ả ra, ai cũng coi ả là một con điểm; ngoài ả ra, tất cả mọi người đều chấp nhận ả là một con điểm - bởi cần phải có một con điểm, như bà của Marie vẫn thường nói thế. Vậy nên, chỉ cần

nghe thấy những lời chê nhạo được phun ra hay bị những ánh mắt dâm dăng ve vuốt là ả lại lấy làm đau khổ, tỏ vẻ bị xúc phạm ghê gớm, phô trương lòng kiêu hãnh bị tổn thương, cài lên ngực áo sự xúc phạm cuối cùng phải chịu đựng, như tấm mẽ đay của kẻ tử vì đạo.

Marie thấy ả thật lồ bịch nhưng lại lo sợ khi thấy cặp đùi dơ dớp ấy đang lảng vảng quanh linh mục.

- Đồ lợn bẩn thỉu!

Marie không thể chịu nổi nữa khi thấy linh mục trẻ mỉm cười với Yvette như đối với những người khác, bắt tay ả, quan tâm đón tiếp ả.

- Khổ thân chàng trai, anh ta ngây thơ đến nỗi không nhận ra thủ đoạn của ả. Nhưng dù sao thì anh ta cũng là đàn ông. ả cuối cùng cũng sẽ làm được...

Bởi với mẹ, không còn nghi ngờ gì nữa: Yvette muốn cửa đồ bằng được linh mục.

Thế rồi vào một buổi chiều, lúc đến thay hoa trên ban thờ, mẹ thấy Yvette lao sầm sập ra từ phòng xưng tội, cặp đùi trần trụi, nước mắt lưng tròng, da ửng đỏ như một người đàn bà vừa đạt khoái cảm, mẹ nghĩ ngay điều tệ hại đã xảy ra. Thiếu chút nữa Marie đã nhảy bổ đến tát ả. May thay linh mục Gabriel bước ra ngay sau đó, với vẻ bình thản, tươi tắn, trong sáng. Marie bèn để mặc người đàn bà lòng đang rối bời đóng sầm cửa đi ra khỏi nhà thờ, mà bước về phía lọ hoa héo.

“Cha vừa đẩy con ranh đó ra, Marie nghĩ thầm, và vì thế nên cặp đùi ấy mới tức điên lên.”

Tim mẹ đã lấy lại nhịp đập bình thường trong lúc mẹ thay những bông ly héo úa bằng những bông mới cắt trong vườn nhà.

Linh mục tiến đến gần mẹ, buồn rầu. Mẹ nhìn anh. Anh hỏi hận vì đã để bị bắt quả tang mình đang lo lắng nên quay mặt đi.

Marie quyết định tranh thủ khoảnh khắc gần gũi này:

- Yvette đẹp đấy chứ?

Ngạc nhiên, anh lặp bặp điều gì đó không rõ. Marie cô nói thêm:

- Không ư? Cha không thấy cô ta đẹp sao?
- Cha không nhìn các con chiên theo cách đó.

Giọng anh đành lại. Sự chân thành của linh mục khiến Marie thấy yên tâm, cho dù trong lòng mẹ vẫn bức dọc, giống như một nồi xúp vẩn âm ỉ sôi trên bếp sau khi đã vụn nhỏ lửa.

- Thưa cha, con đoán cha đã biết Yvette là người thế nào ?
- Ý con là gì?
- Nó là con điểm của chốn này. Chắc nó không giấu cha điều đó chứ?

- Cô ấy không giấu gì cha cả: cô ấy là người mắc nhiều tội lỗi. Vậy nên ta mới dành cho cô ấy nhiều thời gian đến thế.

- Cha có thích thú với những tội lỗi của con bé ấy không?
- Không hề. Chẳng phải cha có mặt ở đây là để chữa lành những tâm hồn đang tuyệt vọng hay sao? Thực lòng thì việc này thật ngược đời: cha cần phải dành cho những tâm hồn đen tối nhiều thời gian hơn những tâm hồn trong sáng.

Câu nói ấy khiến Marie choáng váng. Vậy ra là thế? Linh mục Gabriel chú tâm đến tội lỗi hơn là đạo đức? Tại sao mẹ lại không nghĩ đến điều đó sớm hơn nhỉ?

- Thưa cha, liệu cha có thể nghe con xưng tội không? Cả hai bước vào căn phòng gỗ được đánh xi. Khi Marie chỉ còn cách chàng linh mục trẻ một lớp lưới mỏng, mẹ có cảm giác chạm được vào anh.

- Thưa cha, cha có biết rằng cách đây vài năm con từng bị kết tội giết vài người đàn ông không ạ?

- Có, cha có biết con ạ.
- Họ khẳng định con đã đầu độc cả ba người chồng và giết luôn người thứ tư, được cho là người tình của con!
- Có, cha có biết nỗi thống khổ đó của con. Cha còn biết rằng công lý của con người đã rửa sạch tội cho con.

- Vậy cha đã hiểu tại sao con lại không quan tâm mấy đến công lý của con người.

- Cha không cho là...

- Con chỉ sợ mỗi công lý của Chúa.

- Con nói đúng.

- Bởi vì, giờ đây nếu đứng trước con người con không có tội thì trước Chúa, con vẫn đầy rẫy tội lỗi.

- Tất nhiên. Cũng giống như tất cả chúng ta.

- Vâng, nhưng về điều này...

Mụ ghé về phía anh và thì thào:

- Con đã giết bọn họ thật.

- Ai?

- Cả ba lão chồng của con.

- Ôi Chúa ơi!

- Cả Rudy, người tình của con nữa.

- Thật là bi kịch...

Mụ sung sướng trước nỗi đau của kẻ khác và nói thêm với niềm vui xấu xa:

- Cả người tình của hắn nữa, Olga, một mụ đàn bà người Nga. Chắc cha sẽ cười, con chưa bao giờ bị người ta kết tội ấy vì có ai nhận ra con mụ đó đã biến mất đâu. Chẳng ai thêm tiếc con gián ấy.

- Hỡi Chúa Jesus, thánh Marie, thánh Joseph, xin hãy đến giúp chúng con ngay!

Vị linh mục trẻ tuổi làm dấu thánh để phù chú chứ không phải vì một lý do tâm linh cao cả nào đó: anh hoảng sợ vì những tội ác mà mụ vừa tiết lộ.

Marie Maurestier khoan khoái nhấm nháp vẻ sợ hãi của anh. Yvette đã bị rơi vào quên lãng! Giờ đây mụ là mối quan tâm số một!

Ngày hôm đó, mụ kể lại cho cha xứ vụ giết người đầu tiên. Để không quá gây sốc và cũng là để khiến anh không thấy quá ghê

tởm, mộ kể lại vụ đầu độc ấy như một hành động thương hại: người chồng tội nghiệp của mộ đau đớn đến mức mộ phải ra tay như một y tá hơn là một kẻ giết người; theo lời mộ thì mộ không ám sát lão, mà giúp Raoul chồng mộ chết một cách nhẹ nhàng không đau đớn.

Vị linh mục trẻ tuổi lắng nghe mộ, mặt tái mét, lộ rõ vẻ lên án xen lẫn khiếp sợ.

Rồi anh bỏ mặc mộ, không nói một lời nào, chỉ làm dấu thánh trước mặt mộ.

Sáng hôm sau, vào buổi lễ lúc bảy giờ, mộ đoán được qua đôi mắt thâm quầng anh đã có một đêm ít ngủ hoặc khó ngủ.

Sau bữa trưa, lúc bước vào phòng xưng tội, anh thừa nhận với mộ rằng anh đã mất ngủ.

Lời thú nhận ấy khiến mộ hân hoan: mộ đã chiếm lĩnh được anh, anh đã phải vật vã trên giường trong lúc nghĩ đến mộ. Vì rằng mộ cũng thế nên gần như có thể nói hai người đã qua đêm cùng nhau.

Chiều hôm ấy, mộ trở lại tội ác mở màn của mình, vụ giết Raoul, và, theo bản năng, không hiểu vì sao, mộ kể lại câu chuyện theo một cách hoàn toàn khác, một cách đen tối hơn, thực tế hơn, nhấn mạnh cảm giác ghê tởm của mình đối với gã đàn ông mắc chứng lão suy ấy, nỗi căm thù của mộ đối với những động chạm vuốt ve mà lão bắt mộ phải chiều theo. Bằng cách tô vẽ mình thành một thiếu phụ trẻ là nạn nhân của một kẻ cổ hủ dâm dăng, mộ tiết lộ những cảm xúc đen tối, những toan tính và khao khát phạm tội của mình; mộ mô tả tường tận quá trình đầu độc bằng chất arsen đáng đả đốn chín tháng trời sao cho liều đủ gây tử vong nhưng lại không phát hiện được, rồi cảm giác nhẹ nhõm khi thấy lão chết, cả màn kịch một bà góa khóc vật vã trong đám tang chồng, niềm sung sướng khi mộ nhận được tiền bạc, nhà cửa, không còn phải trả nợ bất kỳ ai nữa.

Ngày nào cũng vậy, mộ đến nhà thờ để tường thuật lại những tội ác mà mình gây ra. Và đêm nào cũng thế, người đàn ông trẻ

tuổi bị câu chuyện về những điều khủng khiếp ấy ám ảnh lại mất ngủ vài tiếng đồng hồ.

Vừa kể lại câu chuyện của chính mình, Marie vừa sung sướng vì cuối cùng cũng được lên tiếng, được phơi bày những kỷ niệm và nhất là khám phá ra những động cơ không ngờ tới. Bởi nếu những vụ phạm tội là có thật, thì lý do phạm tội lại thay đổi liên tục theo các ngày trong tuần. Đây là lý do thực sự? Lý do của ngày thứ Ba, thứ Tư, thứ Sáu hay thứ Bảy? Tất cả. Mụ say mê với những sắc thái ấy; trong khi suốt nhiều năm liền mụ phải co mình trong phiên bản “không phạm tội” thì giờ đây khai thác phiên bản “phạm tội” cho phép mụ nắm bắt được tính phức tạp trong thái độ của mình, những màu sắc vô tận trong toan tính của mình; Marie hớn hở khi thấy mình phong phú nhường ấy, biến ảo nhường ấy, sâu sắc nhường ấy... Vậy là mụ có thêm một khả năng mới: mụ không chỉ nắm trong tay quyền sinh quyền sát đối với những người đàn ông của mình, mà giờ đây mụ còn quyết định được đâu là sự thật trong những hành động của mình, bằng cách tìm kiếm, luận giải, xem xét lại, phá vỡ những suy nghĩ sáo mòn và viết nên chính câu chuyện của mình.

Mụ cũng cố tầm ảnh hưởng của mình đối với linh mục trẻ. Anh không chớp mắt được nữa. Không tài nào để tâm đến chủ đề nào khác, anh mong mỗi những cuộc gặp gỡ của hai người ở phòng xưng tội bao nhiêu thì cũng sợ hãi chúng bấy nhiêu. Nét tươi trẻ của anh héo úa dần. Dường như Marie đã lôi được anh vào thế giới của mụ, tuổi tác của mụ, nỗi mệt nhọc của mụ, sự xấu xí của mụ...

Còn mụ, đương nhiên, không nhận ra điều đó và vẫn tiếp tục gặp anh như trước.

Giây phút căng thẳng nhất đối với linh mục và người đàn bà xưng tội là lúc mụ gợi lại chuyện về gã người tình, tay vận động viên lướt sóng Rudy, niềm đam mê xác thịt duy nhất trong suốt cuộc đời mụ, một niềm đam mê càng mãnh liệt hơn vì nó đến bất ngờ, bởi Marie đâu có hứng thú gì với xác thịt trước khi gặp hắn. Ngạc nhiên khi thấy mình tối ngày chỉ nghĩ về một người đàn ông, ban đầu mụ những tưởng mụ yêu hắn, cho đến một

ngày mù hiểu ra rằng mù chỉ khát khao những cái vuột ve của hắn, khát khao cơ thể hắn ghì chặt cơ thể mù, cả những sợi lông màu vàng và mùi cơ thể của hắn. Rudy có điều gì đó như trêu chọc, như níu giữ, như mơn trớn; hắn biết cách tạo ra một không gian nhục cảm quanh mình, một không gian mê lực khi hắn ở đó, và bức bối ngay khi hắn đi khỏi. Nói với Gabriel về một người đàn ông mù từng si mê cuồng nhiệt đến thế đã làm bùng lên trong mù một sự sôi sục mơ hồ, cháy bỏng, trong đó quá khứ và hiện tại hòa quyện lẫn nhau; bước ra khỏi phòng xưng tội, mù bị giằng xé bởi ham muốn được hôn lên môi người đàn ông trẻ tuổi, lột tấm áo chùng để luồn đôi tay mình khám phá da thịt anh. Niềm đam mê của mù dành cho Gabriel lại tăng lên một bậc.

Khi sắc xuân vào độ rực rỡ cũng là lúc những cuộc gặp kín hắng ngày giữa hai người trong phòng xưng tội chật chội đó trở nên ngọt ngào. Họ chia tay lúc cả hai đã rã rời, mặt mũi nhợt nhạt, nhưng sớm hồi sức để lại gặp nhau.

Mù nhận thấy một ham muốn mãnh liệt được khiến Gabriel phải sốc, hơi giống như kiểu khi cả hai ở trên giường, và mù khiến anh mềm nhũn người bằng cách dạy anh những động tác gợi tình tinh tế, dạn dĩ, bất ngờ và cấm kỵ. Vậy nên, mù nhấn mạnh vào tính tàn nhẫn trong hành động dìm chết người tình của mình: một sự thôi thúc. Phải nói rằng tối đó Rudy đã uống nhiều đến mức hắn không còn đủ sức lực cũng như minh mẫn để chống trả lại mù trong bồn tắm. Sau đó mù nhấn mạnh đến sự lạnh lùng của mình trong việc che giấu tội ác đó; mù rất thích kể lại cách mù và Blanche, đứa em gái, đã quần xác chết vào một tấm thảm, ném vào cốp một chiếc xe hơi ăn cắp được, đi xa bảy trăm cây số, mượn một chiếc thuyền ở Bretagne vào ban đêm; cái xác được buộc đá tảng và bị dìm xuống dưới dòng nước đen kịt; trở về vào sáng sớm hôm sau; lau rửa toàn bộ chiếc xe; rồi, chìa khóa vẫn cấm nguyên, chiếc xe bị vứt lại giữa một bãi đỗ xe nơi bọn lưu manh hay lui tới để chúng lưu lại dấu vân tay lên đó. Việc ấy diễn ra ở xa Saint-Sorlin, tận Biarritz, nơi mù có thể thuê

được một căn nhà bằng sô-tien thừa hưởng từ ba người chồng của mình.

Lần duy nhất trong đời mù đã tiết lộ tình tiết vụ giết Olga, người tình của Rudy, người tình thường xuyên, người mà hắn thường qua lại trong khi vẫn duy trì mối quan hệ với những người phụ nữ đứng tuổi. Olga vì lo lắng trước sự vắng mặt của người tình đã tìm đến nhà Marie gào lên rằng ả nghi ngờ chính mù đã trừ khử tay vận động viên lướt sóng và tuyên bố sẽ đi báo cảnh sát. Không để lộ nỗi xúc động cũng như sợ hãi của mình, Marie khẳng định rằng Rudy đã trốn ra nước ngoài và có đưa cho mù một khoản tiền nhờ mù trao lại cho ả. Sức hấp dẫn của khoản tiền đã khiến cho lời nói dối đó trở nên đáng tin cậy và giữ chân ả người Nga khỏi đến sở cảnh sát. Marie hẹn ả vào ban đêm, ngoài sân hiên một quán bar nơi đám thanh niên trong vùng vẫn thường tụ tập. Ở đó, mù chìa ra một chiếc phong bì bên trong có vài tờ tiền, lén nhỏ mấy giọt thuốc độc vào ly cocktail của người phụ nữ trẻ, hứa sẽ giao nốt khoản tiền còn lại vào sáng hôm sau, rồi để cô ta lại với đám thanh niên chơi bời.

Cho dù báo chí cũng như chính quyền chưa bao giờ đề cập đến sự biến mất của Olga, nhưng Marie định ninh người phụ nữ trẻ đã chết, bởi ả người Nga đó không bao giờ quay lại đòi nốt tiền.

Khi nghe mù kể về những vụ giết người, chiếm đoạt tài sản, những phi vụ tống tiền, mua chuộc, Gabriel cảm thấy bất ổn trong người. Còn Marie lấy làm thích thú trước nỗi sợ hãi của anh, mù có cảm giác như đang dẫn dắt anh vào cuộc sống thực thụ, vào thế giới như nó vốn có, tức là bạo lực, thù địch. Theo một cách nào đó mù đã giúp anh bớt khờ khạo.

Kể từ nay trở đi, có thể Yvette sẽ phải chui vào góc mà khóc ròn một mình, Gabriel đẩy ả ra ngay khi ả có ý định tiến lại gần, đồng thời khẳng định sẽ dành cho ả chút thời gian ngay khi có thể. Anh nhanh chóng giải quyết những kẻ xưng tội khác. Anh vẫn cử hành các buổi lễ cầu nguyện một cách tuyệt vời, nhưng giờ thì anh không còn tự do nữa, mà luôn bị ám ảnh bởi những lời thú tội của người đàn bà chuyên đầu độc, ám ảnh bởi những

vụ giết người của mẹ. Marie Maurestier đã chiến thắng. Mẹ chê mẹ được anh cũng như cả ngôi làng này.

Sung sướng vì anh nắm giữ bí mật của mình, mẹ say mê chứng kiến anh nói dối về mẹ, đương đầu với mấy ông bà già cau có, giọng khàn khàn như vịt đẻ, ngạc nhiên vì thấy anh dành quá nhiều thì giờ cho mẹ.

- Cha không định nói với chúng con rằng bà ta vô tội đây chứ? Nếu không sao bà ta lại cấm chốt ở phòng xưng tội của cha?

- Đó là một tâm hồn đã chịu nhiều điều bất công kinh khủng, giống như lời kết tội đáng sợ, không chút thiện chí của con lúc này đây, con gái của ta.

Hơn cả một người bạn tâm tình, giờ đây anh trở thành kẻ đồng lõa của mẹ. Hai người không chỉ chia sẻ sự thật, mà chia sẻ cả tội ác. Chẳng phải họ đang cùng nhau phạm một tội ác?

Mẹ say sưa với sự đồng lõa ấy.

Sau năm tuần xưng tội liên tiếp, mẹ nhận ra đã kể tất tần tật mọi chuyện. Mẹ thêm thắt một vài việc ghê tởm khác phạm phải giữa hai vụ kiện, ý thức được rằng mẹ vừa rút ra những cát nút cuối cùng của mình và chẳng mấy chốc sẽ hết đạn.

Mẹ lo ngại rằng điều đó sẽ như một tiếng chuông báo tử cho sự thống trị của mình.

Thứ Tư ấy, vị linh mục trẻ thông báo cho các con chiên rằng anh sẽ vắng mặt ngày hôm sau và hôm sau nữa. Chỉ thế thôi! Không một lời giải thích cụ thể! Đột ngột! Cả với mẹ cũng thế, anh không nói gì hơn.

Chuyện gì xảy ra vậy?

Anh chạy trốn mẹ bởi vì mẹ không thể tiếp tục nuôi dưỡng trí tò mò đã được khơi lên của anh nữa hay sao? Dù sao mẹ cũng sẽ không bịa ra thêm những tội ác mới nữa! Liệu mẹ có phải dối trá, phải biến thành nàng Scheherazade để níu chân anh?

Mẹ thấy không thể sống nổi suốt nhiều giờ đằng đằng vắng Gabriel. Mẹ đau khổ. Sao kia! Tự lột trần mình trước một linh

mục và chỉ nhận được có vậy, sự im lặng của anh, cuộc chạy trốn của anh... Rõ ràng Gabriel chẳng hơn gì những kẻ khác.

Chán chường, mệt mỏi, tuyệt vọng, vào bảy giờ tối thứ Sáu, mẹ phát hiện mình bị eczema ở mắt cá chân. Để tự trừng phạt mình vì đã chờ đợi anh, mẹ gác chân lên chiếc ghế đầu và bắt đầu gãi đến trầy da xước thịt. Cả ngôi nhà buồn đến rạn vỡ. Trong mùi vải dầu đượm khắp nhà, mẹ không tài nào tập trung được vào bất cứ thứ gì, dù là cái móng ngựa hoen gỉ trên bậu cửa sổ hay cuốn lịch của người đưa thư, lại càng không thể tập trung vào đồng báo quảng cáo rao vặt.

Tám giờ, có người bấm chuông cửa.

Là anh.

Mẹ lâng lâng vui sướng. Nếu anh có đi thì sẽ quay về với mẹ đầu tiên. Mẹ che đôi chân, mời anh vào nhà, định mời anh ăn hay uống chút gì đó. Vẻ nghiêm trọng, anh từ chối và vẫn đứng đó.

- Marie, cha đã suy nghĩ rất nhiều về những điều con nói, những điều khủng khiếp mà con đã tiết lộ và cha là người tiếp nhận, một người tiếp nhận bị căm vì cha sẽ không bao giờ phản bội bí mật của lời thú tội. Vậy nên cha đã tạm lánh đi hai ngày để suy nghĩ. Cha đã hỏi ý kiến giám mục, và cả đức cha từng dạy cha ở trường dòng. Không nêu đích danh con, nhưng cha đã nói đến trường hợp của con để biết xem bước tiếp theo cha nên làm gì. Cha đã quyết định rồi. Một quyết định liên quan đến cả hai chúng ta.

Rồi trang trọng như đang cầu hôn mẹ, anh nắm lấy cổ tay mẹ một cách cương quyết. Mẹ rùng mình.

- Con đã thú nhận hết tội lỗi với Chúa.

Anh nắm chặt các ngón tay mẹ.

- Giờ đây con phải thú tội với người đời.

Marie giăng tay ra, lùi lại một bước.

Anh van nài.

- Có đây, Marie! Con phải chịu trách nhiệm về những tội ác của mình. Như thế tốt hơn cho công lý. Tốt hơn cho gia đình các nạn nhân. Tốt hơn cho sự thật.

- Con có quan tâm đến sự thật!

- Không. Sự thật quan trọng với con vì con đã nói sự thật ấy với cha.

- Với cha! Chỉ với cha thôi! Không ai khác cả!

Mụ hoảng loạn vì thấy anh không hiểu gì hết. Mụ không đưa ra sự thật. Mà mụ sử dụng sự thật! Mụ chỉ sử dụng nó để thu hút anh, mê hoặc anh. Trái với những gì anh nghĩ, mụ không nói với Chúa, mà chỉ với anh, duy nhất anh mà thôi.

Anh lắc đầu.

- Cha muốn con giải phóng bản thân cả dưới con mắt người đời. Hãy quay lại gặp thẩm phán và kể cho ông ấy nghe mọi chuyện.

- Thú tội ư? Không đời nào! Con đấu tranh suốt bao nhiêu năm đâu phải để thú tội. Cha đâu phải là người chịu đựng cả hai vụ kiện... Con đã thắng, cha hiểu không? Đã thắng!

- Để được gì chứ, Marie?

- Danh dự, sự nổi tiếng.

- Danh dự giả tạo... nổi tiếng giả tạo...

- Trong chuyện này thì chỉ có hình thức là quan trọng mà thôi...

- Thế nhưng danh dự và sự nổi tiếng ấy, con đã hy sinh chúng rồi còn gì. Con đã thổ lộ với cha tất cả gánh nặng trong lòng con đây thôi.

- Vâng, với cha. Chỉ với cha thôi.

- Cả với Chúa nữa.

- Vâng.

- Thế mà Chúa, cũng như cha, đã chấp nhận con đúng như con người của con: một kẻ tội phạm. Và Chúa, cũng như cha đây, vẫn tiếp tục yêu con.

- Vậy sao?...

Anh cầm tay mẹ lần nữa, nắm chặt hai bàn tay trong đôi tay rất đôi ấm áp và mềm mại của mình.

- Marie, hãy nói ra sự thật, hãy nói điều đó với tất cả mọi người. Cha sẽ giúp con, cha sẽ đưa con đi. Đó là mục đích của cha từ nay trở đi. Cha chỉ ở ngôi làng này vì mục đích đó, vì con; con là lẽ sống của cha, là lý do để cha cầu nguyện và tin tưởng. Marie, con là nhiệm vụ của cha. Cha sẽ hối thúc con, sẽ thức tỉnh con chiến ngoan đạo trong con. Cha sẽ thắp sáng niềm tin trong con bằng ngọn lửa niềm tin nơi cha. Cùng nhau, chúng ta sẽ thành công. Con sẽ làm điều đó vì cha, con làm điều đó vì bản thân con, và con làm điều đó vì Chúa.

Lúc này Marie nhìn vị linh mục bằng ánh mắt khác trước. Nhiệm vụ của anh ư? Mẹ có nghe rõ không đấy? Mẹ là nhiệm vụ của anh sao?

Lúc mẹ mỉm cười, anh cứ nghĩ mình sẽ thuyết phục được mẹ.

Những tháng hè sau đó là những tháng ngày hạnh phúc nhất mà mẹ chưa từng trải qua. Gabriel không rời mẹ nửa bước. Anh thức dậy để gặp mẹ, anh mở cửa nhà thờ để mẹ bước vào, anh ăn thật nhanh để sớm được gặp lại mẹ, anh lắng nghe lời thú tội của mẹ mỗi buổi chiều, rồi khi ở nhà mình hay ở phòng khách nhà mẹ, anh say sưa diễn thuyết với cảm hứng, khí thế và đam mê.

Marie tận hưởng sự ưu ái đặc biệt ấy với thái độ vô sỉ: mẹ đã giật Gabriel ra khỏi những người khác. Chiến thắng! Một lần nữa mẹ lại chiến thắng! Chao ôi, anh có bỏ công bỏ sức ra mà tìm lời hay ý đẹp, mà mỉm cười, mà có những cử chỉ dịu dàng, những lập luận tinh tế, thì mẹ cũng sẽ không nghe lời anh. Vô ích, bởi chính anh là người nghe lời mẹ.

Tuy nhiên niềm hạnh phúc của mẹ đã khiến mẹ lơ là sức mạnh của đức tin ngự trị trong linh mục.

Cái bấy mà mẹ đã không nhìn ra, đó là việc Gabriel, bằng sự nhẫn nại của mình, đã dẫn dắt mẹ vào lãnh địa của trao đổi và

thảo luận. Ngay từ tháng Bảy, để không bị thua kém, mù đã đáp lời anh, mạnh dạn hơn, phiêu lưu trong biết bao ý tưởng. Trong khi đó, ở lãnh địa của mình, anh được chuẩn bị kỹ càng hơn mù. Mù không hề nhận ra rằng, trong khi mù những tưởng đang củng cố lại anh, thì từng bước một anh lại gây ảnh hưởng lên mù, thay đổi con người mù, đề ra những lý lẽ mới đối với suy nghĩ của mù, biến những ý tưởng trước đó còn xa lạ với mù trở thành thân quen.

Mù đã không còn nói về Chúa như trước nữa.

Trước đây, Chúa thuộc về kho vũ khí của mù; mù nói “Chúa” như thể người ta bắn một phát súng cạc bin; với từ “Chúa” khi được xướng to lên của mình, khỏi cần bàn, mù sẽ được nhận sự im lặng, mù xua đuổi được những kẻ không mời mà đến, tạo được cả khoảng trống xung quanh mình. Đôi lúc, nếu phải nhấn mạnh, phải lập luận, mù lại dẫn ra một mớ hỗn độn những câu trong Phúc âm và những câu của các Giáo phụ, nhả đạn về phía đối thủ để đẩy họ ra xa, làm họ bị thương, nếu không thì tiêu diệt họ luôn: mù ngắm chuẩn, nhanh, tốt. Ban đầu Chúa đã cho phép mù tạo nên tiếng thơm về phẩm hạnh và sau đó là bắt mù phải chịu đựng những lời cay độc mà người đời dành cho mù.

Giờ đây mù không nhìn Chúa như một vị thánh kinh khủng, thù địch, mà như một suối nguồn âu yếm. Mỗi khi Gabriel, người vẫn nói “Chúa nhân từ” thay vì “Chúa”, thì thâm tên của đấng tạo hóa, anh mang đến cảm giác như khơi dậy một nguồn sống, mang đến thứ rượu vang tuyệt hảo nhất để uống, thậm chí là liều thuốc chữa trị mọi nỗi đau. Ở bên anh, mù bắt đầu làm quen với học thuyết mới, từ bỏ hình ảnh vị cảnh sát trưởng cũ mà thay vào đó là một vị thần tình yêu, một đức Chúa Jesus nhân từ, ôn hòa, cao một mét tám mươi lăm, như Gabriel, và có nét mặt giống Gabriel.

Đứng trước anh, mù gò mình trong một sự sùng đạo nghiêm mật, lặp đi lặp lại, giúp người ta yên lòng sau quá nhiều phiền muộn. Từ nay trở đi, mù say sưa với nội dung của những lời cầu nguyện, những câu thuyết giáo, những bài giảng đạo; thậm chí có tối mù còn đọc cả sách Phúc âm.

Thực ra, mẹ không hề nhận ra rằng linh mục đang ngày càng lôi cuốn mẹ. Nếu như lúc đầu chỉ là sự lôi cuốn về nhục dục, thì thực tế đã trở thành sức hấp dẫn về tinh thần. Marie mơ ước cái Thiện, mẹ xúc động trước những câu chuyện về sự tha thứ, mẹ ngây ngất khi anh kể về số phận của các vị thánh, đặc biệt là số phận của nữ thánh Rita, nhân vật mà anh từng nghiên cứu và viết luận văn khi còn ở trường dòng.

“Nữ thánh bảo hộ cho những nỗi niềm tuyệt vọng sao? Vậy đây là nữ thánh bảo hộ của mình rồi”, mẹ nghĩ thầm khi lên giường ngủ.

Cứ thế họ đã dành những khoảng thời gian dài tranh luận cùng nhau, chúng khiến anh mệt mỏi còn mẹ thì phấn khích.

Mẹ tin rằng, giống như trước đây, mẹ đang kiểm soát được tình hình, trong khi chính anh lại là người đang mở rộng quyền lực của mình. Cứ đứng trước mặt anh là mẹ lại rùng mình.

- Hãy đề em ra, đừng như mẹ thổ lộ với anh như vậy sau từng câu nói, muốn làm gì em thì làm!

Lần đầu tiên mẹ thấy hạnh phúc khi phải phục tùng. Bởi lẽ nếu người đàn ông trẻ tuổi kia không thâm nhập mẹ bằng thể xác thì anh cũng chế ngự mẹ bằng tinh thần; bị điều khiển, mẹ nhận thấy niềm hoan hỉ của kẻ khổ dâm để mặc mình bị trói. Bạo lực trong tâm hồn mẹ đã tìm thấy lối thoát. Trong khi cái con người đang bối rối ấy từng suốt đời diễn vai người phụ nữ tàn bạo và hà khắc, thì cuối cùng mẹ cũng tìm được bản chất thực sự của mình: nô lệ. Mẹ tự tin khi rời bỏ con người mình trước đó. Nỗi ám ảnh về sự kiểm soát giờ nhường chỗ cho sự từ bỏ; dưới bàn tay cũng như khối óc của Gabriel, mẹ biến thành một món đồ trong niềm sung sướng, mỗi rung cảm và tâm trạng cuồng say.

Rồi một hôm, tức giận vì mẹ đã lạm dụng lòng kiên nhẫn của mình, anh kêu lên, mặt đỏ bừng vì giận dữ, chỉ tay vào mặt mẹ:

- Con là một con quỷ nhưng cha sẽ biến con thành một thiên thần.

Ngày hôm đó, mẹ thấy cơ thể mình run lên từ tận sâu thẳm trong lòng, từ háng lên tận óc, một dạng cực khoái lặp đi lặp lại trong đêm mỗi khi mẹ nhớ lại cảnh tượng đó.

Thế là mẹ bớt cảnh giác hơn. Mẹ nghĩ giống anh, cảm nhận như anh, hít thở như anh.

- Con và cha, chúng ta thuộc về cái Thiện, anh tuyên bố.

Cho dù mẹ nghĩ “Với anh, Ác hay Thiện em cũng theo, bởi em thuộc về anh rồi”, mẹ không phủ nhận điều đó.

Mẹ vẫn lưỡng lự và chưa chấp thuận hoàn toàn. Buổi tối, khi còn lại một mình, mẹ sung sướng ngất ngây khi không ngừng tự nhủ rằng, phải, mẹ sẽ thú nhận tất cả tội ác của mình với người đời, phải, mẹ sẽ hy sinh cuộc sống tự do thoải mái để đổi lấy sự ngay thẳng. Ấy vậy mà cứ đến sáng, lòng can đảm của mẹ lại thui chột đi.

- Nếu con chấp thuận, liệu cha có đến thăm con trong tù không?

- Hằng ngày, Marie a, cha sẽ đến thăm con hằng ngày. Nếu cha thuyết phục được con, thì hai ta sẽ gắn bó mãi mãi. Không chỉ trước người đời mà còn trước cả Chúa nữa.

Một đám cưới, hay đại loại thế... Phải, không nghi ngờ gì nữa, anh đang cầu hôn mẹ.

Rồi mẹ ngày càng hay tưởng tượng ra cảnh đang được nói về cuộc hôn nhân của họ ở khắp nơi, với các kênh truyền hình, nhà báo, cảnh sát, thẩm phán. “Chính anh ấy, linh mục Gabriel, là người đã thuyết phục tôi nói ra tất cả. Nếu không có anh ấy, chắc tôi sẽ vẫn tiếp tục phủ nhận việc tôi giết người. Không có anh ấy, có lẽ tôi đã mang theo sự thật này xuống mồ. Gabriel không chỉ giúp tôi tin vào Chúa, mà còn giúp tôi tin vào con người nữa.” Trong những giấc mơ của mình, mẹ, người chưa bao giờ nói nhiều, bỗng trở thành nhà hùng biện, có khả năng thao thao bất tuyệt về sự thay đổi nơi mẹ nhờ có chàng trai trẻ. Mẹ hy vọng người ta sẽ chụp hình hai người, hoặc tại phòng xử án, hoặc tại phòng thăm thân trong trại giam.

Đương nhiên, đôi lúc mẹ cũng hiểu rằng tình thế giữa họ không cân bằng: anh được tự do còn mẹ thì phải ngồi tù. Nhưng liệu người ta có được tự do khi là linh mục? Không. Liệu người ta có tuyệt vọng khi được người mình yêu đến thăm hằng ngày? Không hơn. Chẳng phải tình yêu buộc người ta phải ưu tiên cho đối phương?

- Hy sinh là thước đo của tình yêu.

Gabriel từng tuyên bố như vậy tại một buổi giảng kinh trong nhà thờ. Ngay lập tức Marie hiểu anh nói với mình và quyết định áp dụng châm ngôn này: mẹ sẽ hy sinh! Để cả thế giới này biết rằng Gabriel là một linh mục vĩ đại, mẹ sẽ thú tội. Để cả thế giới này biết đến quyền lực của chàng trai trẻ đối với mẹ, mẹ sẽ chấp nhận bị trừng phạt. Để cả thế giới này nhớ đến họ như một cặp đôi có một không hai, mẹ sẽ ăn năn hối cải. Mẹ không thể cho anh một đứa con, nhưng mẹ sẽ thay thế nó bằng vinh quang: mẹ sẽ mang về cho anh một thành công về mặt truyền thông, một vụ bê bối của công lý và ghi danh anh vào Lịch sử; rất lâu sau người ta sẽ vẫn phải nhắc đến tài năng của hai người, mẹ đã lừa dối công lý một cách hoàn hảo trong các vụ kiện, còn anh đã để lại dấu ấn tâm linh của mình nơi một kẻ phạm tội tày trời. Không có anh, Marie có lẽ sẽ không khi nào sửa được tội lỗi. Một vụ kiện thất bại. Tạ ơn nữ thánh Rita, người khơi nguồn cảm hứng. Khi câu chuyện về các phong tục gặp gỡ câu chuyện của các vị thánh... Phải rồi, không thể khác được. Vả lại, ai mà biết được? Có khi điều đó sẽ giúp Gabriel đến được Roma thì sao?

Mẹ hào hứng, say sưa mơ hết chuyện nọ đến chuyện kia.

Sau mùa hè khó tin đầy sự kiện và cảm xúc ấy, hôm trước ngày lập thu, mẹ tỉnh dậy và thấy mình khác trước.

Chủ nhật ấy, mẹ đi lễ, lặng lẽ, tập trung. Sau buổi lễ, mẹ trở về nhà và thấy không nuốt nổi thứ gì. Con mèo của mẹ được ăn sái miếng thịt bò.

Lúc hai giờ, mẹ đến nhà linh mục, tuyên bố với Gabriel rằng mẹ sẽ đầu thú.

- Thừa cha, con xin thề với cha. Thề trước Chúa và cha.

Anh ôm mũ trong tay, ghì chặt mũ vào lòng. Mũ định khóc, để kéo dài giây phút được nằm gọn trong cơ thể cao lớn ấm áp ấy, nhưng không làm nổi, mũ chỉ phát ra được một tiếng nấc the thé, nức cười.

Anh ca tụng mũ, nhắc đi nhắc lại hàng trăm lần rằng anh tự hào về mũ, về đức tin của mũ, về con đường đã đi qua, rồi bảo mũ quỳ xuống sát bên anh để tạ ơn Chúa.

Trong lúc cả hai đọc lời nguyện, đầu óc Marie quay cuồng. Bị con choáng váng bóp nghẹt lấy sau khi quyết định thú tội, nỗi xúc động trào dâng trong mũ, xúc động vì được ở gần anh đến thế, vai kề vai, bị mùi da và tóc anh xâm chiếm, trong một cử chỉ thân mật của hai người. Mũ thiết nghĩ kể từ nay anh sẽ đến cầu nguyện với mũ hằng ngày trong nhà lao, và mũ sẽ thấy hạnh phúc.

Sau khi chia tay anh, mũ leo lên đồi. Lòng thanh thản, mũ dành buổi tối tự do cuối cùng của mình ngắm Saint-Sorlin từ trên đồi nho: một buổi hoàng hôn ban đầu tím nhạt, sau chuyển sang tím ngắt, đang chiếu xuống cánh đồng những màu tang tóc. Khoảng chục con mèo cũng leo lên mái ngói để ngắm hoàng hôn, trên nền trời đang lụi, trong dáng vẻ uy nghi, tạo nên một phối cảnh với những chiếc bóng kỳ lạ của nghệ thuật rối bóng Trung Hoa.

Vậy là tuần này mũ sẽ tới Bourg-en-Bresse, đối diện với tay thẩm phán từng lập hồ sơ dự thẩm về mũ; hồi ấy lão còn trẻ, lão căm thù mũ bởi việc mũ được xử trắng án đã ngăn cản bước thăng tiến của lão vốn được hứa hẹn nếu kết án được mũ đàn bà chuyên đầu độc. Chắc chắn lão sẽ lập tức đón tiếp mũ.

Vài tia sáng xuyên đó đây trong bóng tối, rọi vào một mái nhà, một căn phòng, một góc phố. Phía sau mũ một con chó mẹ giống labrador đang liếm láp đàn con dưới gầm một chiếc ghế xích đu có mái che; còn xung quanh mũ, những cây đoạn tỏa hương khắp khu vườn như một món trà thảo dược dịu nhẹ. “Hỡi dân làng, ngày mai các vị sẽ thức giấc trong một ngôi làng nổi tiếng hơn trước, ngôi làng của Marie Maurestier, Quỷ sứ giờ

đã biến thành Thiên thần, mẹ đàn bà giết người lừa dối không từ một ai, chỉ trừ đức Chúa. Mẹ đàn bà ấy đã bắt đầu như hoàng hậu Messalina nhưng lại kết thúc như một thánh nữ.” Marie có cảm giác như mình có tầm ảnh hưởng lớn, làm được điều tốt cho tất cả mọi người, mang đến ánh sáng, thứ ánh sáng mà mẹ nhận được từ Gabriel. “Thưa các ông, các bà, tôi đã được gặp một linh mục cao quý. Anh ấy không phải là con người, mà là một thiên thần. Không có anh ấy, chắc tôi đã không đứng ở đây, trước mặt quý vị.” Rồi mẹ sẽ có thể nói mãi về anh, về mối quan hệ thân mật của họ cho cả thế gian này biết. Trước mắt mẹ là biết bao điều kỳ diệu...

Mẹ ngắm sao trời, cầu Chúa ban cho mẹ lòng can đảm và sự phục tùng, hoặc đúng hơn là lòng can đảm để mẹ có thể phục tùng. Mẹ chỉ trở về nhà khi trời đã tối đen như mực.

Lúc mẹ đang xoay chìa khóa, bà hàng xóm mở cửa sổ nhà mình nói vọng ra:

- Linh mục đến tìm bà đấy. Ông ấy đã qua những hai lần.
- Vậy à? Cảm ơn đã nói cho tôi biết. Tôi sẽ đến nhà cha.
- Tôi nghĩ bà sẽ không gặp ông ấy đâu. Lúc này có một chiếc xe đưa ông ấy đi rồi.

Một chiếc xe? Linh mục không chỉ không lái xe mà dường như còn không có xe.

Marie tức tốc đến nhà cha xứ. Đằng sau những tấm ri đô khép kín, bên trong dường như tối om và trống rỗng.

Mẹ gõ cửa, gõ thêm lần nữa, rồi đập thành thịch liên hồi. Vô ích. Không có ai cả.

Mẹ trở về nhà, quyết không lo lắng. Đâu có quan trọng gì, mẹ đã quyết định rồi, và linh mục đã rất vui mừng vì điều đó. Chắc hẳn anh muốn đến để ngợi ca mẹ thêm, để đề nghị được đưa mẹ đến Bourg-en-Bresse nữa ấy chứ, ai mà biết được. Mẹ trấn tĩnh lại, định ninh sáng hôm sau sẽ nhận được lời giải thích.

Quả thực, sáng sớm hôm sau, chuông điện thoại reo. Mẹ lập tức thấy yên lòng khi nhận ra giọng của linh mục Gabriel.

- Marie thân mến, có chuyện đặc biệt đã xảy ra.

- Chúa ơi, chuyện gì vậy?
- Cha được bổ nhiệm tới Vatican!
- Sao cơ?

- Đức Cha đã đọc luận văn của cha về thánh Rita. Đức Cha đã đánh giá cao và mời cha gia nhập nhóm nghiên cứu về thần học tại thư viện của Giáo hoàng.

- Nhưng...

- Đúng. Điều đó có nghĩa là cha buộc phải xa rời con. Con và làng Saint-Sorlin.

- Thế còn kế hoạch của chúng ta?

- Không thay đổi gì cả. Con đã quyết định rồi mà.

- Nhưng...

- Con sẽ làm vì con đã hứa với cha rồi. Hứa với cha và với cả Chúa.

- Nhưng cha sẽ không ở bên cạnh con! Khi con vào tù, cha sẽ không đến thăm con hằng ngày.

- Con sẽ làm vì con đã hứa với cha rồi.

- Hứa với cha và với cả Chúa, con biết...

Mụ cúp máy, lấy bầy, chao đảo giữa niềm sung sướng ngây ngất mới trải qua một ngày trước đó thôi và con tức giận lúc này. “Đến Vatican... Anh ta sẽ đến Vatican, nhờ có mình. Anh ta sẽ được Đức Cha tuyên dương nhờ những lời thú tội của mình. Anh ta chỉ việc chờ thêm chút nữa thôi. Dù sao thì được đến Vatican nhờ đã làm nên điều không thể, đó là cứu rỗi một con tội phạm thì cũng tốt hơn là được đến đó nhờ có thêm một bài viết về một nữ thánh. Anh ta định làm trò gì? Sao anh ta có thể phản bội mình như thế?”

Hai ngày sau, Vera Vernet, “con dê cái già” với cái lưng còng queo như cây nho, đến thông báo với mụ bằng cái giọng the thé rằng một vị linh mục mới đã đến.

Marie tới nhà thờ.

Lão linh mục cố rứt lại trong tâm áo chùng kiểu cách lỗi thời màu xám, vừa quét bậc thềm ngoài cổng, vừa trò chuyện với dân làng Saint-Sorlin.

Vừa nhìn thấy ông ta, một người đàn ông lùn tịt, mặt đỏ, nét thô, chừng năm mươi tuổi, Marie Maurestier đã biết ngay những năm tiếp theo đó mẹ sẽ sống ra sao: mẹ sẽ chăm sóc vườn tược, nuôi dưỡng con mèo, ít đi lễ hơn và sẽ cảm lạnh cho đến chết.

TRỞ VỀ

- Greg...

- Tôi đang làm việc.

- Greg...

- Để tôi yên, tôi còn phải cạo hai mươi ba cái ông nữa đây này.

Cúi xuống chiếc tua bin thứ hai, tấm lưng vạm vỡ của Greg với gân bắp cuồn cuộn lộ ra dưới lớp áo may ô vải cô tông vẫn không buồn quay lại.

Thủy thủ Dexter năn nỉ:

- Greg, thuyền trưởng đang đợi anh.

Greg quay người lại đột ngột đến mức Dexter giật nảy mình. Nhẽ nhại từ đôi vai trần xuống tận hông, mồ hôi đầm đìa đã biến thân hình lực lưỡng của gã thành một bức tượng thần thô kệch: làn hơi tỏa ra vẽ nên một vầng hào quang quanh cơ thể như được đánh véc ni nhờ thứ ánh sáng vàng rực hắt ra từ nôi hơi. Nhờ tài năng thợ máy của gã, con tàu chở hàng mang tên Grandville từng ngày từng giờ không ngừng tiến xa, vượt muôn trùng đại dương chở hàng hóa cập hết cảng này sang cảng khác.

- Ông ấy trách tôi điều gì sao? gã lực lưỡng cất lời hỏi, nhíu hai hàng lông mày nâu rậm cỡ một ngón tay.

- Không. Ông ấy đợi anh.

Greg lắc đầu, tự thấy mình đã phạm lỗi. Gã nhắc lại lời mình như để khẳng định:

- Ông ấy trách tôi điều gì rồi.

Dexter, người đưa tin, thấy rung mình thương hại, anh ta biết tại sao Greg bị gọi vào phòng thuyền trưởng nhưng không muốn nói cho gã biết.

- Đừng hoang tưởng thế, Greg. Ông ấy trách anh thế nào được kia chứ. Anh làm quần quật còn hơn cả bốn người cộng lại mà.

Nhưng Greg không nghe anh ta nữa. Ngừng việc, gã lấy miếng giẻ lau lớp mỡ bám đen trên tay, chấp nhận bị mắng bởi với gã thứ còn quan trọng hơn cả lòng kiêu hãnh chính là kỷ luật trên tàu: nếu chỉ huy mắng gã vì một hành động nào đó thì ông ta luôn đúng.

Greg cũng chẳng buồn tìm hiểu sâu xa hơn bởi thuyền trưởng sẽ cho gã biết ngay thôi. Thông thường, Greg luôn tránh suy nghĩ. Gã không giỏi việc này, và, nhất là, gã luôn cho rằng mình không được trả tiền để suy nghĩ. Một khi đã ký hợp đồng lao động với ông chủ thì suy nghĩ với gã giống như một sự phản bội, một cách lãng phí thời gian, một việc tốn công vô ích. Bốn mươi tuổi, gã vẫn lao động cật lực như hồi mười bốn khi mới bắt đầu đi làm; thức dậy vào sớm tinh mơ, đi mọi ngóc ngách của con tàu đến tận đêm khuya để lau chùi, sửa chữa, lắp ráp những chi tiết của động cơ, dường như gã bị ám ảnh bởi nhu cầu phải làm tốt việc của mình, bị tra tấn bởi sự tận tụy vô biên không gì làm thui chột nổi. Gã chỉ nghỉ ngơi trên chiếc giường hẹp trải tấm đệm mỏng dính để rồi sau đó lại lao vào nhiệm vụ của mình.

Gã khoác chiếc áo sơ mi kẻ ca rô, choàng thêm chiếc áo gió, đi theo Dexter lên boong.

Hôm nay, bầu trời cau có, không dữ dội cũng chẳng yên bình, chỉ là không vui. Những con sóng ngắn, sâu hiểm xô nhau tung bọt trắng. Ở biển Thái Bình Dương vẫn thường như thế đây, vũ trụ thường nhuộm độc một màu khi cả bầu trời xám xịt ộp ộp da màu bê tông của nó lên mọi vật, lên những sóng, những mây, những sàn, những ống, những bạt và cả con người; ngay cả đến Dexter, gương mặt màu đồng thường ngày của anh ta cũng để lộ làn da xám ngoét.

Hai người đàn ông cuối cùng cũng đến được buồng lái sau khi vất vả chống lại những cơn gió mạnh. Ở đó, khi cánh cửa khép lại, Greg cảm thấy ngại ngùng: khi ở xa những tiếng gầm của

máy móc hay của đại dương, bị tách ra khỏi thứ mùi nồng nồng của dầu máy quện với tảo biển, gã không còn cảm giác đang ở trên tàu mà là trên mặt đất trong một phòng khách. Một vài người đàn ông, trong đó có thuyền phó, nhân viên điện đài, đứng nghiêm nghị quanh vị chỉ huy.

- Thưa thuyền trưởng, gã cúi mặt như đang đầu hàng.

Thuyền trưởng Monroe trả lời gì đó không rõ, hắng giọng, ngập ngừng.

Greg im lặng, chờ đợi bản án.

Thái độ nhún nhường của Greg không giúp Monroe cất nổi lời. Ông đưa mắt thăm dò cấp dưới, chắc chắn họ không hề muốn ở vị trí của ông; và khi cảm thấy sắp bị mất đi lòng tôn kính từ đội ngũ quanh mình nếu còn chần chừ thêm, thuyền trưởng Monroe đành bỏ qua gánh nặng cảm xúc mà thông tin ông phải thông báo khơi lên, cất lời bằng một giọng khô khốc, ngắc ngứ:

- Chúng tôi vừa nhận được một bức điện dành cho anh, Greg ạ. Chuyện liên quan đến gia đình anh.

Greg ngẩng đầu, ngạc nhiên.

- Một tin xấu, thuyền trưởng tiếp lời, một tin rất xấu. Con gái anh đã mất.

Greg tròn mắt. Lúc này, choán lấy gương mặt gã là cảm giác ngạc nhiên, chứ không phải một cảm xúc nào khác.

Thuyền trưởng nhấn mạnh:

- Vậy đây. Chính là bác sĩ gia đình anh, bác sĩ Simbadour, ở Vancouver, đã thông báo cho chúng tôi. Chúng tôi không biết gì hơn. Chúng tôi lấy làm tiếc cho anh, Greg ạ. Xin thành thật chia buồn.

Vậy mà, Greg vẫn không hề thay đổi cảm xúc: vẫn là nỗi ngạc nhiên đóng băng các nét trên mặt gã, một nỗi ngạc nhiên thuần túy, không xúc động.

Mọi người quanh gã không thì thầm tiếng nào.

Greg lần lượt quay sang nhìn từng người một để kiểm tìm đáp án cho câu hỏi gã tự đặt ra; không nhận được câu trả lời, gã cuối cùng cũng nói rõ thành tiếng:

- Con gái tôi? Đứa nào?

- Gì cơ? vị thuyền trưởng giật mình.

- Đứa nào trong số các con gái tôi? Tôi có bốn đứa. Monroe đỏ bừng mặt. Sợ là đã truyền tải sai thông điệp, ông lại lấy bức điện tín từ trong túi ra, đôi tay run rẩy, đọc lại lần nữa.

- Ừm... Không. Không có gì khác. Chỉ có mỗi câu này: chúng tôi phải báo với ông rằng con gái ông đã chết.

- Đứa nào? Greg nài nỉ, bối rối bởi vì sự không rõ ràng này hơn là do nhận thức được thông tin mà người ta vừa báo cho gã. Kate? Grace? Joan? Hay Betty?

Vị thuyền trưởng đọc đi đọc lại bức điện, hy vọng vào một điều thần kỳ, ước ao ngay lập tức tìm thấy giữa các dòng chữ một cái tên. Thẳng băng, ngắn ngủi, nội dung chỉ có mỗi thông tin ấy.

Bất lực, Monroe chìa tờ giấy cho Greg, đến lượt gã sẫm soi từng chữ.

Gã thợ máy đồng ý với cấp trên, đánh tiếng thở dài, gấp tờ giấy rồi trả lại cho thuyền trưởng.

- Cảm ơn.

Vị thuyền trưởng toan thì thầm “Không có gì”, nhưng hiểu ngay rằng nói thế là phi lý, bèn làu bàu gì đó giữa hai hàm răng, rồi im lặng, hướng mắt nhìn về chân trời, phía mạn trái con tàu.

- Chỉ thế thôi phải không? Greg ngẩng lên hỏi, mắt sáng như chưa hề có chuyện gì xảy ra.

Câu hỏi này khiến đám thủy thủ có mặt trong phòng choáng váng. Họ tưởng mình nghe nhầm. Còn thuyền trưởng, người vừa được gã đáp lời, thì không biết phải phản ứng ra sao. Greg tiếp tục:

- Tôi quay lại làm việc được chứ?

Chứng kiến một sự bình thản đến nhường ấy, vị thuyền trưởng cảm thấy bất bình, cố thêm thắt một chút tình người vào cảnh tượng phi lý này:

- Greg này, chỉ còn ba ngày nữa chúng ta sẽ về đến Vancouver. Từ nay đến hôm ấy anh có muốn chúng tôi thử liên hệ lại với bác sĩ để biết thêm thông tin không?

- Ông có thể làm thế chứ?

- Phải. Chúng tôi không có địa chỉ của ông ấy, bởi ông ấy chỉ gọi đến văn phòng công ty, nhưng nếu tìm kỹ, lần lại đầu mỗi và...

- Vâng, thế thì tốt quá.

- Đích thân tôi sẽ lo việc này.

- Đúng đây, Greg tiếp lời như một cái máy, dù sao thì tôi cũng nên biết đưa nào trong số các con gái tôi bị...

Đến đây, gã im bật. Vào lúc suýt nói cái từ ấy ra, gã chợt ý thức được chuyện xảy ra với mình: một trong những đứa con của gã vừa lìa đời. Gã ngừng lại, há hốc mồm, gương mặt đỏ phừng, hai chân nhũn ra. Gã với một tay vịn vào chiếc bàn đặt hải đồ để giữ mình khỏi ngã.

Quanh gã, mấy người đàn ông gần như cảm thấy nhẹ nhõm vì cuối cùng cũng thấy gã đau khổ. Thuyền trưởng tiến lại gần, vỗ vai gã.

- Tôi sẽ lo việc này, Greg. Chúng ta sẽ làm sáng tỏ bí ẩn ấy.

Greg khinh khỉnh nhìn vào bàn tay đang phát ra tiếng sột soạt trên chiếc áo gió ẩm ướt của mình. Thuyền trưởng dùng ngay cử chỉ đó lại. Cả hai đều thấy ngại ngùng, không ai dám nhìn vào mắt người kia, Greg sợ phải thể hiện nỗi đau của mình, còn thuyền trưởng thì sợ phải đón nhận nỗi khổ sở nhuộm lấy gương mặt ấy.

- Anh có thể nghỉ hôm nay, nếu muốn.

Greg đứng thẳng người. Viễn cảnh thất nghiệp khiến gã sợ hãi. Gã sẽ làm gì nếu không có việc làm? Cú sốc giúp gã lại mở lời.

- Thôi, tôi không muốn nghĩ.

Từng người có mặt trong phòng đều mừng tượng ra nỗi khốn khổ mà Greg sẽ phải chịu đựng trong những giờ phút sắp tới. Bị cầm tù trên con tàu, cảm lạnh, đơn độc, gã sẽ bị nghiền nát bởi một nỗi đau nặng như cả chuyến hàng, sẽ bị tra tấn bởi một câu hỏi khủng khiếp: đứa nào trong số các con gái của gã đã chết?

Trở về phòng máy, Greg lao vào công việc giống như cách người ta phi ào vào dưới vòi sen khi người lấm đầy bùn đất; chưa bao giờ các ống được cạo sạch, tẩy gỉ, đánh bóng, chỉnh sửa, vặn chặt với nhiều sức lực và tỉ mỉ như buổi chiều hôm ấy.

Tuy vậy, cho dù có dốc sức làm việc cật lực, một ý nghĩ choán hết tâm can gã, hằn sâu vào trí não gã. Grace... Gương mặt đứa con gái thứ hai xâm chiếm toàn bộ trí tưởng tượng của gã. Liệu có phải là Grace đã chết? Grace, mười lăm tuổi, có một niềm vui sống chực trào và gương mặt rạng rỡ nhờ nụ cười, Grace, tươi tắn, luôn khiến người khác vui vẻ, tràn trề năng lượng và hay do dự, chẳng phải là đứa ốm yếu nhất sao? Sự tươi vui chẳng phải đã truyền vào con bé một sức lực mạnh mẽ tạo cho nó một vẻ ngoài khỏe mạnh nhưng không giúp nó thêm dày dặn lẫn bền bỉ hơn sao? Chẳng phải từ mẫu giáo, cấp một rồi đến cấp ba, nó đã nhiễm phải những thứ bệnh có thể do bạn học truyền cho sao? Grace, với vẻ đẹp quá đổi tự nhiên, dường như là ứng viên cho tất cả, từ các trò chơi, tình bạn, đến các loại vi rút, vi khuẩn, siêu vi. Greg mừng tượng gã sẽ không còn niềm hạnh phúc được nhìn con bé bước đi, cử động, nghiêng đầu, giơ tay hay ngoác miệng cười nữa.

Đúng là con bé. Không nghĩ ngợi gì nữa.

Tại sao gã lại có ý nghĩ này? Linh cảm ư? Hay gã được thông tin qua thần giao cách cảm? Gã ngừng tay cạo một hồi. Không, thực ra gã đâu biết; gã sợ đấy. Nếu gã nghĩ đến con bé đầu tiên, thì đó là bởi Grace... là đứa con gã yêu quý nhất.

Gã ngồi phịch xuống, sửng sốt vì điều mình vừa khám phá. Trước đó gã chưa từng thiết lập trật tự thứ bậc ấy bao giờ. Vậy là gã có một đứa con gái gã yêu quý nhất... Gã có từng thể hiện điều ấy ra không? Với con bé và với cả những đứa khác? Không. Sự thiên vị này nằm trong sâu thẳm lòng gã, tối tăm, sống động, không với tới được - ngay cả với gã cho tới lúc này.

Grace... Gã thương xót đứa con gái tuổi thiếu nữ với mái tóc rối và cái cổ thanh tú. Nó khiến người ta dễ lòng yêu quý. Xuất sắc, không chín chắn bằng cô chị, nhưng sinh động hơn những đứa khác, con bé chẳng khi nào biết đến buồn phiền, và, trong hoàn cảnh nào, nó cũng kiếm được hàng nghìn chi tiết khiến nó trở nên lôi cuốn. Gã lường trước rằng, nếu cứ tiếp tục nghĩ con bé đã biến mất thì gã sẽ đau khổ. Vậy là gã lại cầm đầu làm việc hùng hục.

- Miễn sao đừng là Grace!

Gã vặn đồng bu lông đến mức cờ lê tuột ra khỏi tay.

- Là Joan thì tốt hơn.

Chắc chắn rồi, nếu mất Joan gã sẽ đỡ đau khổ hơn. Joan, một đứa thô kệch, hơi xảo trá, xương xẩu, tóc nâu, óng và dày như mớ cỏ khô phủ kín cả hai thái dương. Một gương mặt nhỏ thó như mặt chuột. Gã chẳng có chút gắn bó gì với con bé cả. Phải nói rằng nó là đứa con thứ ba, nên nó không được hưởng hiệu ứng con đầu chầu sớm như đứa thứ nhất, cũng như sự yên bình mà bố mẹ nó thấy khi sinh đứa thứ hai. Đứa thứ ba, là nó, dĩ nhiên là, người ta sẽ ít quan tâm hơn, đã có các cô chị lo cho nó rồi. Greg hiếm khi có dịp gặp con bé bởi nó ra đời vào lúc gã đầu quân cho một công ty mới, công ty này thực hiện những chuyến đi đến tận Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất. Rồi thì gã ghét các màu sắc trên người con bé, màu da, màu mắt, màu môi; gã chẳng nhìn thấy nơi con bé hình ảnh của vợ mình hay của những đứa con khác; với gã, con bé là một đứa xa lạ. Ô, gã không nghi ngờ nó không phải con mình, bởi gã còn nhớ rõ cái đêm gã tạo ra con bé - khi từ Oman trở về -, và hàng xóm láng giềng thì vẫn thường cho rằng con bé giống hệt gã. Cũng mở tóc bù xù

giống gã, chắc chắn rồi. Có thể đó là lý do khiến gã ái ngại: một đứa con gái có những nét đặc con trai dù không hề là con trai.

Bởi lẽ Greg chỉ sản xuất ra toàn con gái, tinh trùng của gã bất lực trong việc sản sinh giống đực, nó không đủ khỏe để thúc cái bụng của Mary tạo ra cái gì khác ngoài giống cái. Gã tự kết tội mình vì điều đó. Chính gã, là thằng đàn ông, người phụ trách giới tính nam trong hai vợ chồng, gã, một kẻ lực lưỡng, vì một lý do không ai biết và nhất là không thể nhìn thấy, lại thiếu đi chất nam tính cần thiết để áp đặt một thằng con trai trong cái khuôn đúc con gái này.

Có thể suýt nữa thì Joan đã trở thành một thằng con trai... Là thằng con trai hệt, Joan là bằng chứng cho sự yếu kém ở Greg. Vả lại, mỗi khi ai đó chúc mừng gã về khả năng sinh toàn con gái, thì gã đều tự chĩa súng vào mình, vì cho rằng đó là một lời chọc ngâm.

- Greg này, anh thật may mắn vì có những bốn cô con gái! Con gái thường yêu cha. Các cô bé hẳn phải yêu quý anh lắm, đúng không?

Đương nhiên chúng yêu gã rồi! Với tất cả những cực nhọc mà gã phải trải qua vì chúng, không bao giờ ở nhà, ngày đêm lênh đênh trên biển làm việc để gửi tiền về gia đình, phục vụ cho việc ăn uống, áo quần, học hành... Đương nhiên chúng yêu gã rồi! Nếu không yêu gã thì chúng quả là bội bạc, toàn bộ số tiền lương nhận được gã đều gửi hết về cho lũ trẻ, chỉ giữ lại tí chút cho bản thân. Đương nhiên chúng yêu gã rồi...

Trong suy nghĩ của Greg, tình yêu là một trách nhiệm, hay một món nợ. Bởi gã hy sinh bản thân cho các con gái, nên chúng nợ gã tình yêu. Còn gã, gã thể hiện lòng tận tụy của một người cha qua công việc vất vả nặng nhọc của mình. Có thể gã không ngờ rằng tình yêu còn có thể tồn tại qua những nụ cười, những vuốt ve, những triu mến, những tiếng cười, sự hiện diện, những trò chơi, và thời gian dành cho và chia sẻ. Trong mắt mình, gã có tất cả mọi lý do để tự đánh giá mình là một người cha tốt.

- Vậy thì là Joan đã chết.

Không cần phải nói được ra, giả thiết ấy khiến gã với đi nỗi khổ sở trong lòng.

Buổi tối, khi thuyền trưởng lại gọi gã đến phòng chỉ huy, Greg đã mong Monroe khẳng định được mối nghi ngờ của mình.

Khi đứng trước mặt vị chỉ huy, Greg bất giác nghĩ, gọn đây van lơn:

“Nhất là đừng nói ra tên của Grace. Không phải Grace mà là Joan. Joan. Joan.”

- Greg tội nghiệp của tôi, thuyền trưởng cất lời, chúng tôi không tài nào liên hệ được với ai cả. Do thời tiết, tín hiệu kết nối đều rất kém. Tóm lại chúng ta vẫn không biết đứa nào trong số các con gái anh...

- Cảm ơn thuyền trưởng.

Greg chào rồi đi ra.

Gã chạy một mạch về khoang của mình và chốt cửa, tai đổ lựng lên vì xấu hổ. Có đúng là gã vừa mong cái chết của một trong số các con gái mình? Liệu có đúng là gã vừa chọn một đứa để người ta tước nó đi khỏi gã? Nhân danh quyền nào thế? Ai cho phép gã hé lộ tên của Joan cho thuyền trưởng? Khi chỉ ra con bé, phải chăng gã vừa cư xử như một tên sát nhân? Mớ suy nghĩ giết người hỗn độn trong trí óc gã liệu có xứng với một người cha? Một người cha chính trực đáng ra phải đấu tranh để cứu các con gái, tất cả các con gái của mình...

Ghê tởm bản thân, gã giậm chân trong căn phòng chật chội; dầm tay liên tục vào bức vách bằng kim loại.

- Thật xấu hổ! Thật xấu hổ! Nếu người ta nói “Con gái anh”, thì mày nghĩ đến Grace. Và nếu người ta thông báo “Con gái anh đã chết” thì mày lại ném Joan xuống hố. Mày sẽ chết vì hổ thẹn.

Tất nhiên không ai nghe thấy suy nghĩ của gã, nhưng gã thì có đấy: từ nay gã đã biết mình là kẻ hèn hạ và đê tiện. Gã sẽ không bao giờ chữa khỏi vết thương rỉ máu này.

- Mình không có quyền yêu Joan ít hơn những đứa khác. Mình không có quyền yêu Grace nhiều hơn những đứa còn lại. Mà tại sao mình chưa nghĩ đến Kate hay Betty nhỉ?

Đáp lại tiếng rên rỉ của hắn, Dexter gõ cửa. - Greg, anh sao rồi?

- Ổn.

- Thôi đừng nói linh tinh nữa Greg à. Ra đây. Tôi có cái này sẽ giúp được anh.

Greg đẩy cửa và kêu lên, gần như thô bạo:

- Không ai có thể giúp tôi cả.

Dexter gật đầu đồng ý, nhưng vẫn cố chìa ra cuốn sách.

- Cầm lấy.

- Gì đây?

- Cuốn kinh của tôi.

Greg bối rối tới mức quên cả nỗi khổ sở của mình trong vài giây. Đôi tay gã từ chối cầm lấy cuốn sách, còn đôi mắt lại nhìn soi mói bìa sách bọc vải toan đã ố vàng, như muốn gào lên: “Anh muốn tôi làm cái quái gì với thứ này!”

- Cứ giữ lấy, biết đâu đấy... Có khi anh lại gặp được một bài nào đó có thể giúp được anh.

- Tôi không đọc đâu.

- Mở một cuốn Kinh Thánh, không phải là đọc, mà là suy ngẫm.

Dexter ấn cuốn sách vào tay gã và đi trực ca.

Greg ném cuốn sách xuống đệm, hiểu rằng mình không thể ngủ được, bèn xỏ giày tennis, khoác bộ quần áo thể thao vào và quyết định chạy trên boong tàu cho đến lúc mệt nhoài.

Ngày hôm sau, gã tỉnh dậy trong nỗi đình ninh Joan đã chết.

Và lần này, điều đó không giúp gã thấy khá khẩm hơn, ngược lại, nó làm tổn thương gã: trong mơ gã được biết Joan suy kiệt vì biết nó có một người cha tồi, một kẻ sinh ra nó nhưng bàng quan. Vẫn úp mặt lên gối, gã khóc nức nở cho số phận con bé, cho cuộc sống ngắn ngủi của nó bên cạnh một người cha tàn nhẫn bởi, nếu như gã biết cách giấu Grace rằng gã yêu nó nhất, thì ngược lại, gã lại thể hiện rõ cho Joan biết rằng gã không chịu

nổi con bé, lúc nào cũng mắng mỏ nó, đánh phạt nó, bắt nó phải im mồm hoặc nhường lời cho các chị em. Gã đã bao giờ ôm con bé một cách thật lòng? Đứa trẻ chắc hẳn đã cảm nhận được cách gã ngập ngừng cúi xuống nó, chẳng qua là ngại tỏ ra không công bằng chứ không phải hồ hởi thật sự.

Gã vật vờ trở mình trên giường, và bỗng cảm nhận được sức nặng của cuốn kinh Dexter mang đến trên đùi mình. Theo phản xạ, gã lật giở cuốn sách, ngao ngán nhìn những đoạn chữ nhỏ li ti, lướt qua mục lục và lấy ra một tấm thiệp kẹp giữa những trang sách. Một bức hình thánh, sắc sỡ, ngây ngô, được in nổi trên một tấm bìa các tông xộp, trong đó một vầng hào quang màu vàng bao lấy gương mặt một người phụ nữ, thánh Rita.

Nụ cười của nữ thánh làm gã cảm động. Nó tượng trưng cho vợ gã, các con gái gã, tinh khiết, đẹp đẽ và trong trắng.

- Xin Người làm sao cho đừng là Joan, Greg thì thầm với hình thánh, hãy đừng để đó là Joan. Nếu được thế, con sẽ bù đắp cho con bé. Con sẽ dành cho nó sự quan tâm và tình yêu mà nó đáng được hưởng. Xin Người, hãy đừng để đó là Joan.

Gã ngạc nhiên thấy mình đang nói với một bức tượng bằng bìa; mà nếu đứng trước một vị thánh bằng xương bằng thịt gã cũng sẽ vẫn ngạc nhiên như thế, bởi gã vốn không tin vào Chúa Trời lẫn các vị thánh. Ấy vậy mà, trong tâm trạng rối bời mà bức điện của bác sĩ Simbadour gây ra nơi gã, gã sẵn sàng thử mọi cách, ngay cả cầu nguyện. Nếu ngày hôm trước gã từng muốn Joan biến mất bao nhiêu thì hôm nay gã lại mong con bé sống bấy nhiêu để bù đắp cho nó khoảng thời gian đã lãng phí, sự trù mền hiểm khi nó được hưởng.

Gã trở lại với công việc, không còn hăng hái như trước, bởi những suy nghĩ lặp đi lặp lại ấy từ nay đã lấy đi một phần sức lực của gã. Tin này đã xối lên trong gã một vũ trụ tâm tư đau thương: trước mặt gã, cánh cửa của những nỗi đau tinh thần đang hé mở.

Gã nghĩ đến đứa con cả, Kate, một đứa trầm lặng, có bề ngoài giống mẹ và tính cách giống cha, đứa con gái ấy, từ năm mười tám tuổi đã làm việc cho một cửa hàng ở Vancouver... Hay là nó

chết trong khi làm việc? Nếu là Kate, cái chết của nó vừa cắt đứt những giấc mơ nào?

Greg nhận ra gã chẳng biết các con gái mình là người thế nào. Gã có thể nêu ra những chi tiết bề nổi của chúng, như tuổi tác, thói quen, giờ giấc, nhưng hoàn toàn không biết điều gì đang khuấy đảo tâm trí chúng. Những người trong nhà xa lạ. Những câu đố phụ thuộc vào quyền lực của gã. Bốn đứa con gái: bốn kẻ xa lạ.

Vào giờ nghỉ, gã muốn ở một mình, lấy cớ là đi tắm, gã chui vào cái góc nhỏ được dùng làm phòng tắm, rồi theo phản xạ, gã trút bỏ quần áo.

Gã ngắm mình trong gương. Gã cao lớn, đôi vai vuông vức lý tưởng. Cơ thể gã đâu có nói dối: trán hẹp, to bè nhưng ngắn ngủn, chẳng có nhiều chỗ cho trí thông minh; hai bắp đùi to gắn vào xương chậu rộng - tuy vậy ngực gã lại nở nang đến tận vai, mạnh mẽ - cho thấy một gã đàn ông chuyên làm việc chân tay. Đã bao năm nay, cứ tối đến gã lại thấy tự hào khi người mệt nhoài bởi sự mệt mỏi ấy cho gã cảm giác đã hoàn thành xong công việc. Một cuộc sống quá đơn giản, thậm chí không có nguy cơ bị bào mòn, bởi lẽ để chán một thứ gì đó thì phải có một thứ khác thế vào...

Vừa ngắm mình, gã vừa tự phân tích. Từ bao lâu nay, gã sống lênh đênh trên biển để chạy trốn đất liền. Lênh đênh trên biển để chạy trốn gia đình đầu tiên của gã, gia đình có một ông bố nát rượu và một người mẹ có cũng như không. Lênh đênh trên biển để trốn chạy gia đình thứ hai của gã, gia đình mà gã tạo dựng - "tạo dựng", từ này với gã nghe có vẻ cao quý bởi lẽ Greg bằng lòng với việc có một người vợ hợp pháp, chẳng phải đám cưới là để phục vụ cho việc ấy hay sao? Greg đi dọc ngang thế giới này trên những ngọn sóng: nói thế để hiểu rằng gã không nhìn thấy gì trên thế giới cả. Nếu như tàu chở hàng của gã từng cập bến biết bao thành phố, thì Greg cũng chẳng đi xa khỏi con tàu, gã chưa khi nào rời kè, mà cứ cắm rễ ở cảng, vì đa nghi, vì e ngại điều gã chưa biết, vì sợ sẽ lỡ chuyến khởi hành kế tiếp. Phía xa là những thành phố, những quốc gia, những miền quê xa lạ, cho

dù đã vượt qua hàng triệu ki lô mét, gã chỉ dám ngồi trên tàu hay trong quán cà phê ở cảng mà mơ đến chúng, nên chúng mãi chỉ là những điểm đến xa vời.

Các con gái của gã cũng vậy. Xa lạ. Kiểu cách. Không gì hơn.

Gã nhớ được gì về Betty, đứa con gái út? Rằng nó chín tuổi, là một học sinh khá giỏi, ở trong cái nhà kho mà Greg đã sửa lại thành một phòng ngủ. Còn gì nữa? Gã khó mà xác định được cụ thể hơn về nó. Gã đâu có bận tâm đến những gì con bé thích, những mong muốn, những nỗi sợ và những tham vọng của con bé. Tại sao gã không dành thời gian để gặp các con? Gã sống một cuộc sống thô kệch, gã chỉ là một súc vật thô, một con bò cày biển.

Gã liếc nhìn lần cuối cái thân hình cơ bắp mà mới hôm trước thôi gã còn thấy hãnh diện về nó, trắng người, rồi mặc lại áo quần.

Cho đến tận tối, gã vẫn tránh nói chuyện với những người khác, những người này tôn trọng thứ mà họ đoán là nỗi đau của gã nên không dám cố gắng bắt chuyện chừng nào họ còn tin rằng Greg đang phải trải qua một thử thách đau đớn. Có điều họ không thể tưởng tượng rằng ngoài nỗi đau của một người cha còn có thêm nỗi đau vì đã là một người cha tồi.

Nửa đêm, dưới bầu trời đen kịt như mực, trong khi Greg đang tự làm mình kiệt sức bằng cách chống đẩy bên mạn tàu, Dexter cất tiếng hỏi:

- Vậy là vẫn chưa biết đứa nào trong số các con gái của anh...?

Greg định nói “Quan trọng gì, tôi cũng có hiểu rõ đứa nào hơn đứa nào đâu” nhưng rồi chỉ làu bàu “Chưa”.

- Tôi không biết sẽ phản ứng ra sao nếu gặp phải chuyện khủng khiếp như thế, Dexter thì thầm.

- Ờ thì tôi cũng không biết.

Câu trả lời phát ra thích đáng đến mức nó khiến cho Dexter, vốn không mấy khi được nghe Greg nói những lời đúng đắn, cảm thấy bối rối.

Bởi Greg đang phải sống trong một nỗi đau không ngờ tới: gã đã bắt đầu suy nghĩ. Một công việc không ngừng nghỉ đang phát triển trong gã, công việc suy nghĩ khiến gã mệt lử. Gã đâu có lột xác, không hề, mà một ai khác đã chui vào cơ thể gã, một Greg khác đang cư ngụ trong Greg trước đó, một ý thức đạo đức và trí tuệ đến thế chỗ cho ý thức thô lậu mới trước đó không lâu còn được yên bình.

Khi quay trở lại giường, gã khóc hồi lâu, không suy nghĩ, không cố tìm hiểu xem đứa con nào đã mất; và dần dần, nỗi mệt mỏi đè nặng lên gã, gã nhắm mắt. Con buồn ngủ ập đến, gã không còn sức để cởi áo quần hay nằm ngay ngắn trong chăn, một giấc ngủ nặng nề, đặc kịt, khiến gã rã rời và, sáng hôm sau gã rơi vào một trạng thái còn uể oải hơn thế nữa.

Khi thức dậy, gã nhận thấy rằng kể từ lúc nhận được bức điện định mệnh đó, gã chưa khi nào nghĩ đến vợ mình. Vả lại, Mary, dưới con mắt của gã, không còn là vợ gã nữa, mà là một đối tác của gã trong gia đình, đồng nghiệp của gã trong việc giáo dục các cô con gái: gã chu cấp tiền, còn nàng thì có thời gian. Vậy thôi. Công bằng. Cổ điển. Bỗng gã đoán rằng hẳn nàng đang đau khổ và điều này khiến gã nhớ lại cô gái trẻ mình từng gặp trước đó hai mươi năm... Gã nghĩ rằng nàng Mary ấy, mong manh, xúc động, đang phải chịu màn tang tóc đè nặng vào thời điểm này. Đã bao nhiêu năm rồi gã chưa nói với nàng về tình yêu của mình? Đã bao nhiêu năm rồi gã không cảm nhận được tình yêu ấy? Tâm can gã giằng xé.

Nỗi lo lắng của gã đã được mở van. Giờ đây, gã suy nghĩ từ sáng chí tối, cảm nhận được những cảm xúc từ tối chí sáng, điều này thật kinh khủng, ngọt ngào, khiến gã kiệt quệ.

Từng giờ qua đi, gã đều lo lắng về các con gái hoặc về vợ mình. Ngay cả lúc làm việc, trong tâm hồn gã vẫn còn một tràng dài những buồn bã, đắng cay, ưu tư mà không một hoạt động chân tay nào có thể dứt gã ra khỏi.

Buổi chiều cuối cùng trước khi về tới đất liền, gã đứng suốt trên boong, dựa vào tay vịn. Trước mắt gã, những con sóng bên

thân tàu trải dài tới tận chân trời, chẳng có gì để ngăn cản; gã bèn ngửa cổ nhìn trời. Trên biển, điều lôi cuốn nhất chính là bầu trời, nó đa dạng hơn, phong phú hơn, thay đổi nhiều hơn so với những con sóng, động đảnh y như một người đàn bà. Chàng thủy thủ nào cũng phải lòng những đám mây cả.

Tâm trí Greg chuyển phắt từ việc chiêm ngưỡng màn ánh sáng bên ngoài vào sự xáo động trong tâm can gã gã chưa khi nào có dịp được như thế, được là một người đàn ông, một người đàn ông đơn giản, bé nhỏ giữa đại dương mênh mông, bị giằng xé giữa thiên nhiên vô tận và những suy nghĩ mông lung của mình.

Đêm đến, gã khóc để kết thúc mọi suy ngẫm.

Từ khi nhận bức điện, gã nhận thấy mình còn là gã chồng góa của người vợ trẻ trung là nàng Mary trước đây. Và rồi người cha ngày mai cập bến Vancouver ấy, chỉ trong có ba ngày, đã mất hết những đứa con của mình. Tất tần tật. Không trừ đứa nào. Cả bốn đứa.

Tàu chờ hàng tiến gần về đất liền, Vancouver dần hiện ra rõ nét.

Đàn chim mòng biển sống động, thư thái, đang chao liệng mà không hề đâm bổ vào nhau trên bầu trời, những chủ nhân thực thụ của bờ biển, nơi mà chúng biết rõ hơn đám thủy thủ và bay qua nhanh hơn bất cứ một con tàu nào.

Trên đất liền, mùa thu tỏa nắng sau một mùa hè nóng nực; cây cối rực lên trong những sắc màu chói lọi trộn lẫn giữa vàng và cam; đám lá rụng xuống một cách đầy cao thượng như thế, thông qua màu sắc chói lọi của mình, chúng biết ơn và làm sống lại những tia nắng mặt trời trong những giây phút cuối cùng của mình.

Cuối cùng thì con tàu cũng cập cảng Vancouver. Những tòa nhà cao tầng, thộn trọng, sừng sững, phản chiếu qua các ô kính những đám mây cùng các con sóng, mang trên mình nỗi tiếc nhớ một miền xa xôi. Cứ mỗi tiếng, bầu không khí lại thay đổi,

chuyển từ nắng sang mưa, những cơn mưa rào mà người dân nơi đây vẫn thường gọi là “nắng lỏng”.

Tàu Grandville áp sát bờ kè nơi có đám cần câu màu đỏ vươn cao.

Greg giật mình. Gã thấy những bóng dáng thân quen dọc bên cảng. Mọi người đang chờ đợi gã.

Ngay lập tức gã đếm. Ngay lập tức gã nhận ra vợ và ba con gái. Vậy là thiếu một đứa trong số các con.

Gã vẫn chưa muốn tìm hiểu là đứa nào. Gã đưa mắt nhìn sang hướng khác, bận bịu với những thao tác cập bến.

Khi con tàu đã neo đậu ổn định, gã nhìn kỹ những người phụ nữ trong tang tóc của mình đang đứng xếp hàng cách gã hai mươi mét phía dưới, có thể thấy rõ bóng dáng họ, tuy còn nhỏ bé.

Vậy đây...

Giờ đây gã biết...

Gã biết đứa nào đã chết, và những đứa nào còn sống. Trái tim gã vỡ vụn thành từng mảnh. Một mặt, người ta vừa cướp đi của gã một đứa con, mặt khác người ta vừa trả lại gã ba đứa còn lại. Một vừa ngã xuống nhưng những đứa khác thì sống lại. Không thể phản ứng, bất động, gã vừa muốn cười vừa có nhu cầu được khóc.

Betty... Vậy là Betty, đứa bé nhất, đứa mà gã gần như chưa có thời gian để yêu thương.

Cầu dẫn được nối; gã bước xuống.

Chuyện gì thế này? Đúng lúc gã vừa chạm chân xuống đất thì Betty nấp đằng sau một thùng hàng lao ra cầm tay các chị và đón cha mình.

Sao lại thế được?

Như bị đóng đinh xuống đường, Greg đếm: bốn đứa con gái của gã đều ở đây, trước mặt gã, cách có ba mươi bước chân. Gã không hiểu nữa, gã bị tê liệt: cả bốn đứa con gái của gã còn sống. Gã bám vào tay vịn sau lưng, thậm chí không thể nuốt nổi nước

bọt nữa. Vậy là đã có sự nhầm lẫn chẳng? Ngay từ đâu... Bức điện đó không gửi cho gã! Nó được gửi cho một ai đó khác. Phải rồi, người ta đã chuyển bức điện cho gã trong khi trên thực tế nó liên quan đến một thủy thủ khác và đưa con gái duy nhất của anh ta. Thần chết đâu có động đến gia đình gã!

Sung sướng, gã bắt đầu chạy về phía người thân. Đầu tiên gã ôm Mary vợ mình trong tay, ghì nàng vào lòng và cuời vang. Bất ngờ, nàng để mặc gã làm mình ngạt thở.

Gã chưa từng bao giờ ôm nàng nồng nhiệt đến thế. Sau đó gã ôm ghì các cô con gái của mình nhiều lần, gã chạm vào chúng, sờ nắn chúng, kiểm tra rằng tất cả chúng còn sống, gã không nói một lời, chỉ hét lên những tiếng kêu hạnh phúc, đôi mắt gã nhòa lệ vì xúc động. Mặc kệ. Gã không còn xấu hổ nữa, gã không giấu những giọt nước mắt của mình, gã, một thằng đàn ông, một kẻ kín đáo, dè dặt, kiêu lời, gã ôm hôn họ, ghì chặt họ trong lòng, nhất là Joan, con bé đang run lên vì bất ngờ. Mỗi đứa con với gã đều là một điều kỳ diệu.

Cuối cùng, gã thì thầm:

- Bố rất vui được gặp lại tất cả mấy mẹ con.
- Anh biết chuyện rồi chứ? vợ gã hỏi.

Nàng nói gì thế? À không, không phải nàng... Cả nàng cũng không... Gã không muốn người ta nhắc lại với mình về bức điện vô lý ấy! Gã đã xóa sạch nó. Không liên quan đến gã. Một sự nhầm lẫn.

- Gì cơ?

- Bác sĩ Simbadour đảm bảo với em là đã báo cho tàu anh biết mà.

Bỗng nhiên, Greg sửng người. Cái gì? Bức điện là nghiêm túc? Đúng là gửi cho gã?

Mary cúi đầu, trầm giọng nói:

- Em bị đau bụng. Em đã đến bệnh viện. Bị sảy thai. Em đã mất đứa con của chúng ta.

Greg nhớ lại điều mà trước đó đã vượt khỏi gã: vợ gã đang mang thai lúc gã lên đường, gã quên mất điều đó. Tin báo về một

đứa trẻ, quá thiếu thực tế, khi người ta còn chưa nhìn thấy cái bụng tròn của người mẹ. Nhưng chắc hẳn Mary mang thai một đứa con gái. Nếu bác sĩ Simbadour không nói tên thì đó là bởi cái thai còn chưa có một cái tên...

Những ngày sau đó, Mary và bốn cô con gái đều kinh ngạc trước phản ứng của Greg. Không chỉ chăm sóc vợ như chưa từng bao giờ làm điều ấy, bằng cách thể hiện cả kho quan tâm, mà gã còn van nài người ta đặt tên thánh cho đứa con gái bé nhỏ chưa thành hình của mình.

- Rita. Tôi chắc chắn cháu tên là Rita.

Gã yêu cầu người ta chôn cất con bé. Ngày ngày, gã mang hoa đến nghĩa trang tặng con; ngày ngày, gã khóc trên nắm mộ nhỏ bé của Rita, đứa con mà gã chưa từng được nhìn, chưa từng được sờ, chưa từng được thì thầm những lời âu yếm. Kate, Grace, Joan và Betty không tài nào tin nổi người cha vốn thô lậu như gã lại có khả năng thể hiện nhiều tình yêu thương, sự quan tâm và âu yếm đến thế. Nhất là khi chúng đã quá quen với một người luôn vắng mặt, chỉ tiếp xúc với sức mạnh thể chất hay tuân theo mọi mệnh lệnh của gã, chúng nhìn gã bằng một con mắt khác và bắt đầu thấy đỡ sợ cha mình hơn một chút.

Hai tháng sau, khi Greg thông báo với các con rằng gã sẽ không đi biển nữa bởi gã đã nhận lời làm công nhân khuân vác ở cảng, chúng sung sướng vì con người xa lạ này, cách đây không lâu còn xa cách và đáng sợ, cuối cùng cũng trở thành cha của chúng.

CONCERTO TƯỢNG NHỚ MỘT THIÊN THẦN

Chính trong lúc nghe Axel chơi violon, Chris hiểu ra trình độ hần thua cậu đến mức nào.

Những nốt nhạc của bản concerto *Tượng nhớ một thiên thần*^[3] len lỏi giữa tán lá cây để lan tỏa vào bầu trời xanh và màn sương mù nhiệt đới, hòa lẫn với tiếng chim cùng những áng mây nhẹ nhàng. Axel không chơi bản nhạc ấy, mà cậu sống cùng nó; giai điệu ấy, cậu sáng tạo nên nó; những thay đổi sắc thái, những đoạn nhanh, đoạn chậm đều từ cậu mà ra, cậu dẫn dắt cả dàn nhạc, từng giây từng phút tạo nên một khúc nhạc được nhào nặn dưới những ngón tay điêu luyện để diễn tả suy nghĩ của mình. Cây violon của cậu trở thành một giọng ca, một giọng ca khi dịu dặt, lúc ngập ngừng, khi nhặt, khi khoan.

Chris vừa chịu đựng màn mê hoặc này vừa cố gắng để khỏi bị khuấy phục bởi hần đã ngờ ngợ một mối nguy hiểm: nếu thích Axel quá, hần sẽ quay ra căm ghét bản thân.

Những nhạc công bình thường cho ta cảm giác họ không khác gì các thánh giả, rời khỏi chỗ ngồi của mình để bước lên sân khấu; đó là hình ảnh thường thấy ở phần lớn các sinh viên là thành viên của dàn nhạc lễ hội này, với dáng vẻ tầm thường, đeo những cặp kính rẻ tiền, mặc những bộ đồ chọn vội chọn vàng. Nhưng Axel thì ngược lại, cậu dường như đến từ một nơi khác, rơi xuống từ một hành tinh kiểu cách nơi ngự trị của trí tuệ, gu thẩm mỹ và sự cao thượng. Dáng người tầm thước, thanh mảnh, lưng hơi gù, cậu có gương mặt trái xoan yếu điệu, như thói miên người khác, cân đối với đôi mắt to. Những lọn tóc nâu, tơ mảnh, vô ưu, gợi nên vẻ trẻ trung. Trong khi những chàng trai có nét mặt hài hòa và cân đối giống cậu thường có vẻ

buồn buồn - hoặc nhàm chán - bởi họ trông rỗng; thì ở cậu lại toát ra một năng lượng vô cùng mạnh mẽ. Trong sáng, hào hiệp, vừa bông bột vừa nghiêm túc, Axel tỏa sáng như một thần tượng, tự tin, hiện thân của sự tinh túy, giống như một thiên tài. Trầm mặc bên cây đàn violon của mình, cậu mang quyền uy chói lọi của người có thần cảm, làm nổi bật hiệu quả chữa lành của âm nhạc, đánh thức ở người nghe phương diện tâm linh giúp họ trở nên tốt hơn. Khuỷu tay mềm mại, vàng trán nhẵn nhụi, cậu cụ thể hóa triết lý thành âm nhạc.

Chris tức tối nhìn xuống chân. Chưa bao giờ hắn chơi piano hay được như thế. Liệu hắn có phải bỏ cuộc? Mười chín tuổi, hắn đã kiếm được nhiều huy chương, giải thưởng, danh hiệu xuất sắc, hắn vẫn thường được coi là sinh ra để thi thố, chiến thắng mọi cái bẫy của những nhà soạn nhạc kỳ cựu nhất, như Liszt hay Rachmaninov; ấy vậy mà, đứng trước điều kỳ diệu mang tên Axel này, hắn hiểu ra một điều rằng hắn có được những chiến thắng ấy chỉ là nhờ luyện tập và sự sôi sục phải chiến thắng. Chris chỉ biết những điều người ta dạy, trong khi Axel lại biết những gì không được dạy. Khi đã là solist đứng trên bục diễn thì chơi đúng thôi chưa đủ, mà còn phải chơi thật; và Axel đương nhiên chơi thật; còn Chris, hắn chỉ chơi được nhờ học tập, suy nghĩ và bắt chước mà thôi.

Hắn rùng mình, cho dù nắng đã đẩy nhiệt độ trên hòn đảo ở Thái Lan này lên 35°C; những con rùng mình ấy cho thấy hắn không còn kiên nhẫn: ước gì Axel đừng bắt hắn phải chịu đựng cảnh tượng huy hoàng này thêm, và nhất là mong sao cho những cuộc thi sớm được tổ chức lại.

Chuyến thực tập mang tên “Âm nhạc và Thể thao mùa đông” là dịp để học sinh các nhạc viện, những nhạc công không chuyên trình độ cao hay những tay đàn nhà nghề tương lai được kết hợp giữa giải trí, hoạt động thể chất và cơ hội để hoàn thiện khả năng chơi nhạc của mình. Ngoài việc mỗi người có riêng một giáo viên hướng dẫn hai tiếng một ngày, họ còn tập hợp lại để chơi nhạc hòa tấu và thi đấu thể thao. Sau những môn như thuyền buồm, lặn biển, đạp xe, chạy, sắp tới đây là cuộc đua tập

hợp để khép lại chương trình, mỗi người đều phải cố đoạt giải nhất để được đến thực tập một tuần tại Dàn nhạc giao hưởng Berlin, một trong những dàn nhạc danh giá nhất thế giới.

Axel bắt đầu chương hai. Vẫn luôn cho rằng đây là một đoạn lủng củng, được viết kém nhất, Chris vui mừng với ý nghĩ rằng Axel sẽ chơi vấp, làm hỏng đi vẻ đẹp của bản nhạc và sẽ khiến người nghe chán nản. Hy vọng hão. Axel đã mang đến cho những nốt nhạc sắc màu phần nộ, nổi loạn, tức giận khiến khúc nhạc trở nên có hình hài và đầy ý nghĩa. Tác phẩm của Alban Berg, nếu như đã gọi nên trong chương thứ nhất hình ảnh “thiên thần” – đứa trẻ đã chết – thì giờ lại phủ lên chương hai nỗi đau của bậc làm cha mẹ.

— Tuyệt vời! Anh ấy chơi còn hay hơn cả những bản thu mẫu.

Làm cách nào mà một cậu trai mới hai mươi tuổi đầu lại có thể vượt mặt những Ferras, Grumiaux, Menuhin, Perlman và Stern?

Bản concerto kết thúc, tuyệt diệu, bằng sự gọi mở tới một bài thánh ca của Bach dưới đầu vĩ kéo, làm toát lên ở giây phút cuối cùng niềm tin rằng mọi thứ, ngay cả bi kịch, đều có lý của nó, một tuyên ngôn về quan điểm gây ngỡ ngàng của một nhà soạn nhạc khiêm tốn nhưng Axel đã khiến nó trở nên vừa hiển nhiên vừa cảm động.

Khán giả vỗ đến rát tay, cả các thành viên dàn nhạc cũng gõ vào giá nhạc tán thưởng. Ngượng ngùng vì nghĩ mình chỉ là một công cụ phục vụ Alban Berg, chàng trai người Úc cảm thấy khán giả thiếu lịch sự khi vỗ tay khen ngợi cậu, cậu chỉ đơn giản là người biểu diễn mà thôi. Thế là cậu vụng về cúi chào, nhưng ngay cả trong cung cách vụng về đó người ta cũng thấy được nét duyên dáng.

Bắt buộc phải đứng lên làm giống những người ngồi cạnh, họ, không một ai ngồi, đang nổ những tràng pháo tay không ngớt dành cho Axel, Chris căn môi nhìn xung quanh: vậy là tay nhạc công violon này đã khiến một đám khán giả dốt nát – những người đến đây tắm biển, những kẻ buôn bán ở đây và cả

đám dân bản địa – phải phân kích với một tác phẩm thuộc hệ mười hai âm! Đến khi Axel ra chào lần thứ ba, hắn thấy không thể chịu đựng nổi kỳ tích ấy, bèn lặng lẽ len giữa đám người phân kích, rời hội trường được dựng tạm ngoài trời giữa những hàng cọ, trở về lều.

Trên đường, hắn gặp Paul Brown, đến từ New York, là người tổ chức các khóa học quốc tế này.

— Thế nào, nhóc Cortot thích buổi hòa nhạc chứ?

Paul Brown thường gọi Chris là “nhóc Cortot” bởi Christ là nghệ sĩ piano và lại là người Pháp; thông thường, đối với các giảng viên người Mỹ, Cortot là cái tên tượng trưng cho nghệ sĩ piano người Pháp.

— Axel đã chơi một tác phẩm mà tôi không thích.

— Cậu đang bức mình thì phải, có vẻ cậu buộc phải đầu hàng. Cậu không vui vì điều đó, không ngưỡng mộ Berg, cũng không ngưỡng mộ cả Axel.

— Ngưỡng mộ không phải thế mạnh của tôi. Tôi thích thử thách, thi đấu, chiến thắng hơn.

— Tôi biết. Axel và cậu là hai người hoàn toàn đối lập. Một người lúc nào cũng mỉm cười, một người luôn luôn vã mồ hôi. Cậu là người thích tranh đấu, còn cậu kia lại trầm lặng. Cậu nhìn nhận cuộc sống như một trận đấu trong khi Axel tiến lên mà không hình dung ra bất cứ nguy hiểm nào trước mặt.

Paul Brown nhìn Chris. Mười chín tuổi, đôi mắt tối màu, mái tóc bù xù không chải, thái độ kiêu ngạo của những cậu ấm được nuông chiều, cặp kính thư sinh và bộ râu nhọn, nam tính, được tẩy tóa bằng kéo, thân hình vạm vỡ, không có gì nổi bật, Chris phô ra cái vẻ như thể muốn được mọi người đối xử với thái độ kính trọng dành cho người đã chín chắn.

— Ai có lý đây? Chris hỏi.

— Tôi e là cậu.

— À...

— Phải, việc tôi là người Mỹ không vô ích đâu, nhóc Cortot a. Sự ngây thơ và lòng tin thì đẹp đấy, nhưng nó không phù hợp

với thế giới của chúng ta. Nếu như để khởi đầu một sự nghiệp cần có tài năng, thì để hoàn thành sự nghiệp ấy lại cần phải có quyết tâm, tham vọng và sự ghê gớm. Cậu thì, tâm tính cậu quá thích hợp!

— À ra vậy! Theo anh, tôi sẽ chơi hay hơn Axel sao?

— Tôi không nói thế. Sẽ không có ai chơi hay hơn Axel. Nhưng ngược lại, tôi cho là cậu sẽ có một sự nghiệp tốt hơn cậu ấy.

Đằng sau lời nhận xét này ẩn chứa một hàm ý lớn, thậm chí là một lời chỉ trích, tuy nhiên, Chris quyết định chỉ giữ lại lời khen cho mình. Paul Brown vỗ tay lên trán, vui vẻ reo lên:

— Cain và Abel! Nếu phải đặt tên cho hai cậu thì tôi sẽ gọi như thế. Hai anh em với hai tính cách trái ngược: Cain khó tính còn Abel hiền lành.

Vui mừng vì phát hiện đó, chàng trai người Mỹ ngấm nhìn Chris, miệng mở to, mong nhận được một lời nhận xét. Nhưng Chris chỉ nhún vai, đáp lời rồi bước tiếp:

— Ta dừng lại ở nhóc Cortot thôi. Và tôi hy vọng từ “nhóc” không liên quan đến tuổi tác của mình...

Vào buổi sáng Chủ nhật cuối cùng, Chris ra khỏi giường, tóc dựng ngược, lòng bồn chồn: không tài nào ngủ tiếp được nữa, hắn cần phải hoạt động, hắn cảm thấy ngứa ngáy trong từng thớ thịt vì muốn được thi đấu.

Hôm qua, hắn còn sợ sẽ bỏ lỡ cuộc đua chung kết bởi bố mẹ hắn thông báo rằng hắn có buổi diễn thử vào sáng thứ Ba trước nhiều nhà tổ chức chương trình có vai vế ở Paris. Tốt hơn là nên đi ngay khi nhận được tin này, bởi hắn còn phải đi tàu vào đất liền, rồi đến Bangkok mất bốn tiếng đi đường – sau đó ngồi chết gí mười hai tiếng trên một chuyến bay đường dài để vượt nửa vòng trái đất; kể cả có làm đúng như vậy, thì hắn cũng không đủ khả năng lấy lại sức khỏe vì chênh lệch múi giờ ở Pháp. Nhưng Chris từ bỏ ngay cách đó, kiểm tra lại các lịch biểu liên vận và, một cách tài tình, hắn đã ghi danh được vào cuộc thi bằng cách chỉ ra rằng hắn có thể đi chuyến tàu tối Chủ nhật.

Tại sao hắn lại ép mình căng thẳng đến thế? Giải thưởng đầu hấp dẫn hắn lắm bởi đối với một nghệ sĩ piano, một tuần chìm nghỉm trong một dàn nhạc, dù có là Dàn nhạc Berlin đi chăng nữa, thì cũng có rất ít cơ hội được biểu diễn, không, hắn khao khát được thi đấu, thách thức Axel, chiến thắng cậu chàng người Úc, không thể chia tay cậu ta mà chưa tỏ rõ cho cậu ta biết hắn nổi trội hơn và buộc cậu ta phải chuốc lấy thất bại.

Vào bữa sáng, hắn nháy qua ghế băng, ngồi đối diện với cậu bạn chơi violon lúc này mới ngẩng mặt lên.

— Chào Chris, Axel reo lên, gặp cậu mừng quá.

Axel mỉm cười, với một sự trù mến mơ hồ toát ra từ mi mắt, một vẻ phóng túng gần như nữ tính làm tan nát trái tim các cô gái và khiến các chàng trai bối rối. Cùng lúc ấy, khóe mắt màu xanh da trời mở to hướng về người khác tạo cảm giác cậu có thể nhìn thấu tất cả những ai cậu thấy.

— Chào Axel. Hôm nay ngon miệng không?

— Sao thế? Hôm nay có chuyện gì ư? À phải rồi, cuộc đua chung kết...

Khi cười, cậu ngửa đầu ra sau, cổ chìa ra như muốn mời người khác hôn lên đó.

Chris không hiểu nổi tại sao Axel lại không bị cuộc thi này thu hút. “Nó chọc mình đây! Nó giả vờ không quan tâm nhưng thực tế nó thức dậy chỉ vì cuộc đấu này.”

— Mình đang tự hỏi có nên tham gia không, Axel nói tiếp. Mình muốn ra bãi biển ngồi đọc sách hơn, chiều nay mình phải tập vài bản nhạc và có một cuốn sách đang đọc dở.

— Cậu không thể tự tách mình ra đến mức ấy được! Chris phản đối. Tất cả mọi người đều thích khi cậu độc tấu nhưng trong chuyện này mà cậu cũng chơi solo thì có thể sẽ không hay đâu.

Axel đỏ mặt.

— Cậu nói đúng, mình xin lỗi, mình sẽ tham gia. Cảm ơn đã đưa mình trở lại đúng đường ray. Đôi lúc mình cứ xử chán thế đấy, chỉ nghĩ đến bản thân mà không nghĩ đến tập thể.

Chris lâm bâm: “Nhật là hãy nghĩ đến tao đây này, bởi vì tao sẽ cho mày ném mùi thất bại!”

Chín giờ, cuộc đua bắt đầu. Các thí sinh mỗi người được cấp một chiếc xe đạp, một bản đồ hòn đảo và chỉ dẫn đầu tiên; sau tín hiệu xuất phát, họ phải đi qua lần lượt các điểm mốc – mỗi điểm lại cung cấp chỉ dẫn để đến điểm tiếp theo – cho tới khi đến được đích cuối là nơi cất giấu kho báu. Ai mang về được cái rương của cướp biển sẽ giành vị trí số 1, người tiếp theo giành vị trí số 2, và cứ như thế.

— Chúc các bạn thắng cuộc! Paul Brown mặt đỏ tía tai gân cổ lên gào.

Một tiếng pháo nổ trên bầu trời màu lam ngọc.

Chris khởi hành, dốc ngay toàn bộ sức lực như khi đã bước vào giai đoạn nước rút, vừa đạp xe vừa suy nghĩ, vừa dùng cùi chỏ đẩy các đối thủ ra xa.

Chỉ sau ba chặng, hắn đã dẫn đầu đoàn. Giải nghĩa các câu đố và xác định điểm cất giấu đối với hắn dễ như trò trẻ con, tuy vậy, hắn không cho phép mình buông lỏng hay lơ là trước áp lực.

Có một điều khiến hắn tức tối: hai thành viên luôn bám sát hắn lại là Bob và Kim, một thằng Texas và một tay Hàn Quốc. Hắn bực bội càu nhàu: “Mình thi đấu phải để đấu với hai thằng này, một thằng thổi tuba và một thằng thì chơi bộ gõ!” Giống như những nhạc công khác, Chris cũng tự thiết lập một bảng xếp hạng: quan trọng nhất là các solist, nghệ sĩ piano, violon và violoncelle; kế đến là nghệ sĩ sáo, alto, đàn hạc và clarinet; đứng cuối bảng là đám người hầu, tức là những kẻ chỉ chơi những loại nhạc cụ có âm thanh nghèo nàn, gò bó, những loại nhạc cụ phụ họa như kèn tuba và bộ gõ!

“Sao thằng Axel lại lè mề giữa đám sâu bọ này chứ?”

Để hiểu đối thủ của mình, hắn suy bụng ta ra bụng người, tưởng tượng rằng Axel cố tình chạy chậm, tham gia một cách hời hợt để tránh phải chạm trán với Chris; bằng cách thi đấu

dưới sức, Axel có thể lấy cớ rằng nếu muốn thì hẳn đã giành được chiến thắng.

— Khốn nạn! Giả dối! Tầm thường! Chris làm bầm, rướn mình đạp xe đến một vách núi nguy hiểm.

Sau khi có được chỉ dẫn thứ mười, lúc quay đầu lại, Chris nhận ra Axel đã đuổi kịp Bob và Kim.

— À, nó vào cuộc rồi!

Giá trị các đối thủ làm nên giá trị của cuộc thi và giá trị của chiến thắng; khi thấy Axel đang đạp hết tốc lực, Chris cảm giác lấy lại được động lực.

Dù mặt trời lúc này đã lên đến ngọn sào, hẳn vẫn dốc toàn bộ sức mạnh tinh thần và thể chất của mình vào những chặng đua cuối. Những câu đố ngày càng khó đã làm giảm tốc độ của Kim và Bob, họ đã bị bỏ lại xa phía sau; chẳng bao lâu sau chỉ còn lại hai người, chàng trai người Úc và hẳn; cuối cùng thì cuộc đua cũng trở thành một cuộc đấu tay đôi mà Chris hằng mong ước.

— Đấu tay đôi, song tấu... Thằng củ bột ngu ngốc ấy cứ ngỡ mình nhầm hai khái niệm này! “Song tấu là chơi cùng nhau, anh Chris ạ; còn đấu tay đôi là người này phải đấu với người kia”, thằng bắt tài ấy còn nhắc đi nhắc lại nữa chứ. Không có gì ngạc nhiên nếu sau này nó chết gí trong vai trò giảng viên, không gặp gỡ công chúng, nó không bao giờ hiểu rằng cái gì cũng phải đấu tay đôi hết, luôn luôn là thế.

Vả lại, chẳng phải thứ Tư tuần trước chuyện đó đã xảy ra khi Paul Brown yêu cầu Axel và Chris cùng chơi bản sonate của Franck viết cho violon và piano hay sao? Sau vài nhịp, khi Chris thấy được Axel đang thể hiện tác phẩm một cách thoải mái, tươi tắn như thể cậu vừa mới sáng tác ra nó vào sáng hôm ấy, hẳn đã quyết định lôi kéo sự chú ý vào mình bằng cách phô diễn những khả năng chơi piano điêu luyện của bản thân, liên tục luyện láy, nhấn mạnh những sắc thái đối lập, và trở nên vô cùng sinh động khi cần phải sinh động, rồi sau đó lại vô cùng nhẹ nhàng, vô cùng mơ màng, vô cùng hừng hực, cực đoan, kiểu cách, cố tình diễn trên mức cần thiết tác phẩm của Franck để cho thấy, so với

hắn, màn biểu diễn của Axel trở nên rụt rè không cảm xúc. Chiến thuật thành công: khán giả tới tập khen ngợi Chris; duy chỉ có Paul Brown là bĩu môi hoài nghi, tỏ ý với anh chàng người Pháp là mình đã phát hiện ra mách khố đó và vì thế không đánh giá cao hắn cho lắm.

Điểm mốc thứ hai mươi! Lần theo các ký hiệu, Chris kết luận rằng kho báu hắn đang nằm sâu dưới nước, dưới một rạn san hô. Cuối cùng thì hắn cũng phát huy được giá trị cả tháng trời luyện tập của mình.

Hắn đến được vách đá trước Axel bốn phút, giấu xe đạp vào một bụi cây rồi chạy đến cái vũng được đánh dấu trên bản đồ.

Ở đó, một căn chòi đang đợi hắn với bộ đồ lặn có đề dòng chữ “Âm nhạc và Thể thao mùa đông”.

— Hay lắm, vậy là mình không nhầm.

Cứ mười giây một lại đảo mắt nhìn lại phía sau để đảm bảo mình vẫn đang dẫn đầu, hắn điều chỉnh đai áo lặn, đeo bình dưỡng khí lên lưng, xỏ chân nhái và điều chỉnh mặt nạ cho vừa đầu.

Bỗng Axel xuất hiện. Như vừa bị ong đốt, Chris nhảy ào xuống nước, chỉ muốn được dẫn đầu đoàn, bởi những sai lầm về phía những rạn san hô.

— Mình tính rồi, chắc nó phải nằm ở phía Đông.

Hắn tiến về phía trước, nhấp nhô trên mặt nước. Theo phản xạ, bơi được khoảng một trăm mét, hắn ngoái đầu lại để xem Axel đang ở đâu: cậu lại vừa hướng về phía Tây.

— Phía Tây ư? Sao nó lại bơi về phía Tây nhỉ?

Nếu đó là một người khác thì hắn đã chẳng phải bận tâm, nhưng trước sự suy tính của Axel, một mối nghi ngờ len lỏi vào trí não đang sục sôi của hắn.

Vừa quấy chân hắn vừa suy nghĩ, cố gắng ghép các chỉ dẫn lại với nhau và bất ngờ khựng lại:

— Nó có lý!

Tức tôi, hần quay đầu, sải tay bơi, muôn lao thật nhanh hơn nữa, khiến đám cá sợ hãi bơi tứ tung trốn hần. Có thể hần còn cơ hội để chiến thắng bởi Axel đang leo trên vách đá trong khi hần đang bơi dưới nước.

Khi đến gần những vĩa san hô, từ một khoảng cách vừa tầm giữa bãi cỏ biển, hần hình như nhận ra một hình dáng kỳ lạ. Cái rương chẳng? Hần tăng tốc, bất chấp nguy cơ bị ngạt thở hoặc bong gân.

Bên phải hần, Axel lượn xung quanh kết cấu san hô, rồi trượt chân giữa những khối san hô gai góc nhọn hoắt. Liệu có phải nó nhìn thấy một con vật nguy hiểm nên buộc phải lùi lại gấp thế chẳng? Nó đã đoán được thất bại? Hay nó vịn vào một tảng đá không vững mà không biết? Một tảng đá lở ra, thêm một tảng nữa, rồi bóng chàng trai biến mất giữa màn bụi.

Chris lưỡng lự. Làm gì đây? Đến chỗ nó? Giúp nó? Đó là điều người ta đã dạy hần khi thi lấy bằng lặn. Đồng thời, hần cũng muốn biết chắc rằng cái vệt màu nâuแดง kia, phía bên trái, sâu thêm mười mét, chính là cái rương của cướp biển.

Tuy nhiên, vẫn tuân thủ quy tắc, hần tiến lại gần vùng nước đục nơi Axel đang vẫy vùng. Cậu đang bị kẹt chân trong một khe nứt sau vụn đá. Thấy Chris, cậu liền ra dấu tuyệt vọng.

— OK, OK, mình sẽ giúp cậu, Chris ra hiệu, nhưng trước hết mình phải lấy bằng chứng chiến thắng của mình cạnh đây đã, đồng xu số một.

Axel phản đối, đảo mắt nhìn xung quanh, cuống cuống kêu cứu.

“Không đâu thằng bạn, đừng đóng kịch với tao thế chứ! Chris nghĩ trong lúc rẽ sang trái. Tao biết trò này rồi: trong lúc tao giúp mày, mày sẽ tự giải thoát, đẩy tao và lao đến cướp đồng xu số một của tao. Vả lại, mày có lý, tao chẳng thể trách mày được, tao cũng sẽ làm thế với mày thôi. Nhưng khi được lựa chọn, tao phải phục vụ mình trước đã. Hẹn lát nữa nhé, số hai.”

Lúc hần lặn xa dần cũng là lúc Axel vùng vẫy tay mạnh hơn, gương mặt nhăn nhó đến biến dạng, gào thét trước nguy cơ sắp

chết đuôi.

— À, cũng bình thường thôi, Chris thích thú ném một cái liếc mắt về phía đối thủ, cứ nghĩ đến bị thua là nó lại phát cuồng lên ấy mà.

Hắn thông thả cố gắng mở cái nắp dày hự của rương kho báu chứa các đồng xu và tìm đồng đánh số một, nhét nó vào túi áo gi lê rồi từ từ quay lại chỗ Axel, trong lòng vui sướng.

Khi chỉ còn cách vài mét, hắn chợt thấy một chi tiết bất thường: bong bóng khí giờ thoát ra từ phía sau lưng Axel chứ không phải từ mặt nạ, cơ thể cậu cũng không vặn vẹo nữa. Chuyện gì xảy ra vậy?

Một cơn rùng mình kinh hãi chạy dọc sống lưng hắn. Hay là trong lúc đá lở, các ống dưỡng khí đã bị đứt? Cảm giác hốt hoảng tràn ngập trong lòng, Chris cố gắng khua mạnh chân vệt hết tốc lực. Quá muộn: mắt nhắm nghiền, miệng há hốc, không còn sự sống, Axel đã bất động. Những tảng đá đè lên chân và giam cậu tạt dưới đáy biển.

Đúng vào lúc đó, Chris thoáng thấy một bóng người ở phía xa. Kim đang lục lọi tìm điểm mốc cuối cùng.

Tay nghệ sĩ piano nghĩ nhanh: hoặc là hắn ở lại đây, và sẽ phải giải thích lý do tại sao không giúp đỡ Axel sớm hơn; hoặc là hắn lảng lạng bỏ đi và để Kim phát hiện ra xác chết.

Không suy tính gì thêm, hắn lặn vào dãy đá ngầm để Kim không nhìn thấy mình, lúc này cậu ta còn đang đi nhằm hướng. Hắn lặn đến tận bờ biển, nấp sau hàng cọ, vừa tháo thiết bị lặn vừa canh chừng cả ngoài biển lẫn trên đất liền, hắn vẫn sợ một giây nào đó có người chơi bất thành linh xuất hiện.

Tiếp đó hắn chạy về phía xe đạp, tự khen mình đã không để Kim phát hiện ra, Kim sẽ không thể ngờ rằng Chris đã có mặt tại đó, rồi nhấn pê đan hết tốc lực. Đến lúc gần như tắt thở, tim như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực, hắn cũng về tới được nơi cắm trại, vượt qua vạch đích trong niềm hân hoan chiến thắng.

Những thực tập sinh không tham gia chặng đua chung kết hoặc bỏ cuộc giữa chừng tung hô hắn. Paul Brown, da đỏ ửng vì

cháy nắng, trán và mũi rùng rùng mồ hôi, tươi cười tiên dên:

— Hoan hô Chris. Tôi không ngạc nhiên. Tôi đã cược người chiến thắng hoặc là cậu hoặc là Axel.

— Cảm ơn.

— Ai theo sau cậu?

— Tôi cũng không biết. Lần cuối cùng thì là Kim. Có lúc tôi cũng thấy Axel tiến đến gần, rồi lại lùi xa. Tôi nghĩ Axel và Kim đang đua tranh vị trí thứ hai, nhưng vẫn còn ở rất xa phía sau. Đến chạng cuối, khi tôi ra khỏi vũng thì cả hai chưa ai đến nơi cả.

Trong thâm tâm, hấn nể phục mảnh khỏe của bản thân: một lời nói dối nho nhỏ hay họ khiến người ta tin rằng hấn không có mặt ở chỗ đá lở và tránh cho hấn mọi trách nhiệm. Paul gật đầu và ra hiệu cho một trong số các trợ lý của mình mang hành lý đến.

— Nhóc Cortot này, cậu biết là cậu phải đi sớm không có khi phải đi trước khi những người khác trở về đây.

— Tôi biết. Sao anh lại nghĩ tôi sẽ về đích trước tiên?

— Cầm túi đi, tàu đang đợi cậu đó. Hoan hô cậu. Chúc cậu một cuộc sống tốt đẹp. Về sự nghiệp vẻ vang thì tôi không cần phải chúc cậu, tôi biết cậu sẽ thành đạt.

Rồi anh ta ôm chàng trai trẻ vào lòng theo kiểu Mỹ, tay vỗ vỗ lên lưng. Khi chạm vào cái bụng mềm nhão của anh ta, Chris thấy ghê người và quyết không cho phép mình béo khi đến tuổi của Paul.

— Chris, rất vui đã được gặp cậu.

— Paul, tôi vui, rất vui...

Kể cả có trả lời theo kiểu lặp đi lặp lại như thế cũng khiến hấn thấy khó chịu, bởi hấn đang sốt ruột muốn chuồn khỏi nơi này.

Suốt nhiều giờ sau đó, khi thì trên tàu, lúc trên xe jeep, lúc lại ngồi máy bay, hấn nghiền ngẫm, bị đầu độc bởi đôi ba ý nghĩ: kiểm tra tính chắc chắn trong kế hoạch của hấn, đáp trả những ý kiến bác bỏ, tưởng tượng ra điều tệ hại nhất và vẽ ra cách để

thoát thân. Hắn không bận tâm đến Axel mây mà nghĩ đến mình, chỉ đến mình mà thôi, đến khả năng bị kết tội, hoặc đúng hơn là đến việc người ta có thể vì thiếu thiện chí mà trách cứ hắn.

Khi đặt chân được đến Paris, hôm đó là ngày mùng 4 tháng Chín năm 1980, sau chặng đường dài không hề chớp mắt, hắn đi qua quây hải quan mà không bị tra hỏi điều gì, hắn hiểu mình đã thoát. “Người ta sẽ chẳng đến tận nơi này để tìm mình đâu, tất cả đã ở lại đằng sau rồi. Hoan hô!” Hắn trốn vào nhà vệ sinh để nhảy căng lên vì sung sướng giống như hắn vừa chiến thắng thêm một lần nữa.

Đứng trước băng chuyền đang nhả va li, hắn khoan khoái nhìn mọi người, trên tinh thần chuẩn bị gặp lại người thân, hắn bị mê hoặc bởi những bức tường trắng, nền nhà lát đá cẩm thạch, những đoạn thép sáng bóng, cả trần nhà với những ô cửa đang đón ánh sáng lấp lánh như thủy ngân của thủ đô Paris. Bỗng nhiên, hắn nhìn thấy mẹ hắn phía sau những ô cửa kính cao, trong sảnh đợi. Bà đang tìm hắn. Lo lắng vì sự chậm trễ, và sợ không được gặp cậu con trai duy nhất, bà đảo mắt tuyệt vọng nhìn xung quanh. Nỗi tuyệt vọng quá lớn! Một tình yêu quá lớn đằng sau nỗi sợ hãi đó...

Hắn run rẩy.

Ở Sydney, một người mẹ, cũng với gương mặt đầy những cảm xúc xáo trộn ấy, sắp được biết tin đã mất đi đứa con trai của mình.

Choáng váng trước sự hiển nhiên ấy, lúc đó hắn mới nhận ra rằng Axel vừa mới chết, còn hắn chính là kẻ giết cậu.

*

Tháng Sáu năm 2001, ông bà Beaumont, chuyên kinh doanh các đồ lưu niệm tôn giáo, không tin mình đang có mặt ở Thượng Hải.

Thỉnh thoảng, họ lại ngẩng mặt lên, ánh mắt kinh ngạc khi rời chiếc bàn làm bằng gỗ tếp bên trên chắt một đồng hàng, để chiêm ngưỡng qua ô kính thoáng mờ khói thành phố hai mươi triệu dân lộng lẫy của Trung Quốc đang trải rộng ngút tầm mắt, với biết bao tòa nhà cao tầng, các cột ăng ten tua tủa, bị các biển quảng cáo bằng chữ Tàu phá hỏng mỹ quan, một khu rừng vô cơ mù mịt khói nơi những tòa nhà chọc trời trông như các thanh kiếm đang trong cuộc hỗn chiến với những đám mây.

— Em yêu, em thấy cái nhà lấp lánh đằng kia không trông như quả tên lửa ấy? Phải đến năm mươi tầng ấy chứ ít à?

— Ít nhất là thế, bà Beaumont khẳng định.

Cô Mi nhắc hai vợ chồng nhà buôn bằng thứ tiếng Pháp trôi chảy, âm tiết gãy gọn và mềm mại:

— Tôi đọc lại đơn đặt hàng cho ông bà nhé?

— Cô đọc đi, ông Beaumont đáp lời nhà cung cấp, kiểu như một thượng đế đang được phục vụ.

— Cô đọc đi, bà Beaumont nói thêm, bà vẫn thường có thói quen nhắc lại câu cuối cùng trong lời ông chồng vừa nói để không làm trái ý ông.

Cô Mi tay cầm bút đánh dấu vào từng dòng đơn đặt hàng, vẻ dứt khoát như học sinh xuất sắc nhất đang đứng trước lớp.

— Ông bà đã chọn móc chìa khóa hình thánh Rita đang được khuyến mãi (15.000 cái bằng kim loại và 15.000 cái bằng nhựa), biển số xe hình thánh Rita (4.000 cái), tròng hạt loại hai mươi hai hạt có mặt thánh Rita (50.000), cốc uống nước (4.000), cốc trứng (4.000), đĩa nền (5.000) và bát (10.000). Và tôi thêm khoảng một trăm cái yếm có hình thánh Rita cho trẻ hay bơi lội khi ăn với giá thử nghiệm một đô la. Ông bà có định lấy tượng nhỏ hình thánh Rita tuyệt đẹp, cao sáu xăng ti mét, để đặt trong ô tô không ạ? Để dính, gắn đâu cũng được.

— Giá bao nhiêu?

— Bốn đô la. Giá rẻ nhưng chất lượng tuyệt hảo. Kim loại mạ bạc hẳn hoi đấy.

Cô Mi nhân mạnh từ “kim loại mạ bạc” cứ như đang nói đến bạc nguyên chất.

— Cho tôi một nghìn chiếc, thỉnh thoảng chúng tôi cũng gặp những tài xế rất sùng đạo, ông Beaumont đồng tình.

— Thế còn phù hiệu hình thánh Rita thì sao ạ?

— Phù hiệu ở Pháp giờ bán không chạy nữa.

Bất ngờ bà Beaumont kêu lên:

— Thế còn hộp chia thuốc?

— Hộp chia... gì cơ? cô Mi không nghe hết câu nên hỏi lại.

— Hộp chia thuốc! Để cho người ốm ấy! Những tin đồ của thánh Rita, vị thánh Bất khả, thường hay phải điều trị bằng thuốc. Theo tôi, họ sẽ mua hộp chia thuốc.

— Cô cho tôi bốn mươi nghìn chiếc. Chốt đơn hàng thế nhé.

Cô Mi chìa đơn đặt hàng cho ông Beaumont ký vào, mặt mày rạng rỡ, ý thức được tầm quan trọng của đơn hàng này.

— Liệu chúng tôi có hân hạnh được chào hỏi ngài Lang một câu không?

— Tất nhiên rồi, cô Mi đồng ý, ngài chủ tịch đã hứa với ông bà rồi mà.

— Từ hồi làm ăn với nhau... ông Beaumont tiếp lời. Tôi sẽ rất vui được bắt tay ngài Lang.

— Ngài Lang bí hiểm, bà Beaumont thì thâm.

Cô Mi tránh trả lời; với cô, ông chủ Lang chẳng có gì là bí hiểm, mà ngược lại, hiển nhiên lão là con người khôn nặn nhất mà cô từng gặp!

Cô liền gọi điện thoại cho thư ký của ngài chủ tịch và để ông bà Beaumont lại trong phòng.

Trong khi hai người đang trầm trồ trước toàn cảnh thành phố thì một người đàn ông đi vào phòng từ phía sau lưng họ.

— Xin chào, một giọng the thé cất lên.

Ông bà Beaumont quay lại, định thể hiện sự thân tình, nhưng khi vừa nhìn thấy con người ngồi trên xe lăn đang khinh khỉnh nhìn mình, họ liền khựng lại.

Trong bộ quần áo tôi màu cáu mỡ bẩn thỉu, bộ râu ba ngày chưa cạo đang bốc mùi, ngài Lang giấu đôi mắt mình sau cặp kính đen, và tóc – nếu còn – được giấu dưới một chiếc mũ chẳng ra hình thù gì, và cảm xúc – nếu có được ẩn đằng sau một gương mặt tàn nhẫn. Gã điều khiển chiếc xe lăn điện bằng tay trái, người ta không biết được chuyện gì đã xảy ra đối với đôi chân và tay phải của gã, mà chỉ cảm nhận được chúng cứng đờ, teo tóp, méo mó. Đây không phải là một con người, mà là một hình người, một bản nháp, một phác họa, một món đồ hỏng.

— Các vị có muốn tôi dẫn đi thăm xưởng không?

Bà Beaumont ghê tởm nghĩ gã cố tình, phải, cố tình nói bằng cái giọng the thé, không sắc cảm, chói tai như tiếng một bộ móng vuốt cào vào cửa kính. Bà bầu chặt vào bắp tay chồng.

— Các vị có muốn không? Lang hỏi lại, bực tức trước sự im lặng của đôi vợ chồng người Pháp.

Ông Beaumont gật đầu như vừa choàng tỉnh.

— Rất sẵn lòng.

— Sẵn lòng..., bà Beaumont lẩm bẩm theo.

Ngay lập tức, ngài Lang lăn xe về phía thang máy như một lời mời đi theo mình. Ông bà Beaumont quay sang nhìn nhau. Người trơ ra, cảm giác khó chịu xâm chiếm trong lòng, họ không tài nào cư xử một cách bình thường được, không hề thấy cảm giác thương xót mà họ vẫn có đối với những người bệnh, họ đoán Lang nuôi lòng hận thù điên dại đến mức trách gã đã bị tàn tật, kết tội gã đã thêm vào kho vũ khí của mình sự khiêu khích ấy, một sự tấn công có tính toán, một sự xác xược tinh vi.

Xuống đến tầng hầm, Lang lao ra khỏi thang máy, tức tối vì phải chia sẻ không khí của mình với hai người khách du lịch suốt hai mươi lăm tầng, rồi đưa tay chỉ vào xưởng sản xuất được chiếu sáng bằng ánh đèn nê ông với khoảng một trăm công nhân người Trung Quốc đang làm việc.

— Đây là nơi chúng tôi sản xuất hàng hóa.

— Tại sao lại là thánh Rita? ông Beaumont khẽ hỏi.

Ông đắc thắng liếc mắt nhìn vợ vì định ninh câu hỏi tệ nhĩ này sẽ khiến ngài Lang giải thích tại sao mình bị tàn tật và qua đó có thể có được chút động lòng.

Lang trả lời tức thì:

— Thị trường còn bỏ ngỏ.

— Sao cơ?

— Phải, Chúa Jesus và Đức Mẹ đồng trinh Maria thống trị thị trường. Ở châu Âu, các vị thánh không còn thời thượng nữa, trừ thánh Rita và thánh Jude, nếu chúng ta làm tốt công tác marketing cho hai sản phẩm này.

— Thánh Jude ư?

Ông bà Beaumont chưa bao giờ nghe thấy nói đến thánh Jude, cũng chưa bao giờ bán đồ vật nào có hình vị thánh này. Lang cầu nhàu, bức bối vì sự ngu dốt đến nhường ấy.

— Vị thánh đỗ xe! Thánh Jude là vị thánh mà các vị phải cầu gọi khi không tìm được chỗ đỗ xe: vì ít được biết đến nên ông ấy sẽ có thì giờ để phục vụ các vị. Ông ấy sẽ thu xếp cho các vị nhanh chóng.

— Vậy ư? Có hiệu nghiệm thật không?

— Các vị đùa hay sao thế! Tôi đang kể những gì cần nói để bán được hàng. Thế cô Mi chưa nói sao?

— Chưa.

— Đồ ngu! Ngày mai cô ta sẽ bị đuổi cổ.

Bà Beaumont bỗng đỏ bừng mặt khi thấy món đồ mà một công nhân đổ ra khỏi khuôn trước mặt bà.

— Nhưng... nhưng... nhưng mà...

— Phải, chúng tôi sản xuất cả cái đó nữa, ngài Lang đồng tình, những phụ kiện kích dục. Ông bà có quan tâm không?

Đến lượt ông Beaumont tiến lại gần cái dương vật bằng nhựa dẻo được đặt giữa những cặp mông phụ nữ làm bằng silicon.

— Ôi! Trông ghê quá!

— Nhảm rồi, Lang phản đối, hàng này tuyệt đấy, bán chạy như phụ kiện tôn giáo. Ông biết đấy, có khuôn rồi thì vật liệu và

cách làm cũng thế cả.

— Xúc phạm quá! Chỉ cần nghĩ đến việc thánh Rita thấy bên cạnh mình toàn những... những...

— Thánh Rita thì cũng giống chúng ta cả thôi, ông bạn! Ông chỉ định buôn đồ thờ cúng thôi sao? Đáng tiếc đấy, bởi một khi đã làm kinh doanh...

Điện thoại đổ chuông. Lang nghe người ta nói, không trả lời, cúp máy rồi buột miệng nói mà không thêm để ý đến ông bà Beaumont thêm chút nào nữa:

— Tôi lên đây.

Đôi vợ chồng người Pháp vừa kịp nói câu tạm biệt thì cánh cửa thang máy đã khép lại sau lưng Lang.

Về đến phòng làm việc, gã tiến đến trước mặt thư ký của mình, một anh chàng người Hàn Quốc hai mươi lăm tuổi, người dài ngoẵng như một sợi dây.

— Thế nào?

— Thưa ông chủ, họ đã tìm ra hấn.

Lần đầu tiên cậu thư ký thấy ông chủ mỉm cười: miệng ngài Lang như nứt ra, một tiếng lăm bầm phát ra từ cổ họng.

— Cuối cùng thì cũng tìm ra!

Tin là đã làm hài lòng ông chủ, cậu thư ký cung cấp thêm thông tin mình có:

— Hấn không làm việc trong lĩnh vực mà chúng ta tìm kiếm. Ông ra chỉ thị là lĩnh vực nhạc cổ điển, đúng không ạ?

— Đúng, hấn làm gì? Chuyển sang tạp kỹ rồi sao?

— Công việc của hấn không liên quan gì đến nghệ thuật nữa. Đây là tờ quảng cáo liên quan đến nơi hấn làm việc.

Ngài Lang cầm tờ giấy. Giờ đây, gã, một kẻ vốn thường bí hiểm, không thể không nhướn mày ngạc nhiên trong giây lát.

— Cậu chắc là hấn chứ?

— Dứt khoát là hấn.

Lang gật đầu.

— Tôi muốn đến đó. Ngay lập tức. Đặt vé máy bay đi.

Cậu thư ký khẽ bước ra sau bàn làm việc rồi nhắc điện thoại gọi. Trong lúc cậu đang bấm số, Lang thản nhiên nói với cậu:

— Ngay tối nay cậu đuổi việc cô Mi cho tôi. Năng lực kém.

Cậu thư ký gọi được hãng du lịch quen.

— Tôi muốn đặt một vé đi Pháp. Thành phố Annecy... Không có chuyến bay thẳng à? Cô có chắc không? Phải bay chuyển Thượng Hải – Paris, rồi Paris – Grenoble và thuê xe ô tô đi Annecy à? Hay là Thượng Hải – Genève rồi đi taxi đến?

Cậu lấy tay che ống nói và quay ra hỏi ông chủ:

— Thế có được không thưa ông?

Ông trùm của các món hàng tôn giáo và kích dục gật đầu đồng ý.

— Được rồi, cậu thư ký nói tiếp. Thượng Hải – Genève. Càng sớm càng tốt. Hạng thương gia. Tên khách là Lang. Axel Lang.

Lái xe lăn về phía cửa sổ để đón ánh sáng ban ngày, Axel lật đi lật lại tờ quảng cáo mà thư ký vừa đưa, cố nhận rõ mặt người đàn ông mà mình tìm kiếm suốt bao tháng nay trong những bức ảnh bé xíu, người mà kỷ niệm về hắn không khi nào để gã yên suốt hai mươi năm ròng.

Sunil, bác sĩ vật lý trị liệu của gã, một tay to béo vạm vỡ từng là nhà vô địch môn judo bước vào, vỗ tay, làm gián đoạn việc xem xét này.

— Đến giờ rồi thưa ông.

Vài phút sau, Axel được thoa dầu khắp người và được điều trị như mọi ngày, đây là việc bắt buộc phải làm để phục hồi chức năng. Bên dưới, qua cái lỗ được khoét ở bàn để có thể thò mặt thò mũi xuống, gã đặt tờ quảng cáo đã thuộc lòng, hát nghêu ngao.

— Ông Lang này, tôi thấy ông hôm nay vui hơn mọi ngày đấy.

“Thằng ngu này, chỗ mồm vào việc của ta làm gì? Axel gầm gừ. Ta vui hôm nay hay không vui những hôm khác thì liên

quan gì đến hần cơ chứ? Hần chỉ là nhân viên mát xa, chứ đâu phải nhà phân tâm học, đúng là đồ ngu!”

Năm phút sau, Axel lại hát rống lên khiến cựu vận động viên judo, với thái độ thân mật, tự cho phép mình lại hỏi gã một câu, trong lòng đoán chắc bệnh nhân của mình muốn được chia sẻ cảm xúc.

— Điều gì khiến ông vui thế ông Lang?

— Một lời hứa. Tôi đã thề với mình là ngay khi trở thành tỷ phú, tôi sẽ thực hiện một ước mơ. Ước mơ của tôi.

— Vậy sao? Chúc mừng ông. Ý tôi là chúc mừng vì ông đã trở thành tỷ phú.

— Anh làm tôi đau đây, đồ ngốc.

— Xin lỗi. Vậy ước mơ đó của ông là gì vậy?

— Đến Pháp.

— Tôi hiểu...

— Đến Annecy.

— Chỗ ấy tôi không biết.

— Tôi cũng không biết. Đến biệt thự Socrate.

— Biệt thự Socrate ư? Nó là gì thế? gã mát xa dài giọng hỏi. Một nhà hàng? Một tiệm mát xa kiểu Thái? Hay một phòng khám tư nổi tiếng?

— Không phải những thứ đó. Đơn giản là một nơi tôi đến để báo thù. Tôi đang lưỡng lự giữa việc dùng cực hình hay giết chết luôn.

— Ông khôì hài quá, ông Lang ạ!

Tiếng cười của gã to con nghe giả tạo; nó hàm chứa nhiều ngu xuẩn hơn là vui thích. Axel nghĩ rằng, sau khi đã để Sunil mát xa suốt sáu tháng nay, gã không thể chịu đựng thêm được sự vô tâm của một cựu võ sĩ, những cuộc nói chuyện thiếu năng và đôi tay ướn nhẹp của anh ta nữa. Ngày mai, ngay trước khi đi, gã sẽ đuổi cổ anh ta.

Gã thanh thản, ngắm nhìn lần nữa những bức ảnh của đám người lớn vai kề vai tạo dáng trên tờ quảng cáo. Hần đâu? Hần là

ai trong số những người này? Giờ đây trông Chris như thế nào?

*

Bản concerto Tưởng nhớ một thiên thần cất lên từ loa, kín đáo, rón rén, khẽ khàng. Một kỷ niệm âm nhạc hơn là một bản nhạc hiện hữu. Trong căn phòng áp mái của mình, Chris luôn canh chừng để không bao giờ vụn to tiếng, bởi trong căn nhà rộng lớn bằng gỗ bên sườn núi này, âm thanh có thể vang xa từ phòng này sang phòng khác; hắn không muốn một trong những thiếu niên mà hắn đang chăm sóc tại biệt thự Socrate này đến gây sự với hắn, chê bai hắn về gu âm nhạc, không phải hắn xấu hổ mà bởi vì tác phẩm này thuộc về cuộc sống riêng tư của hắn, và hắn không bao giờ chia sẻ cuộc sống riêng của mình với ai cả.

Từ chiếc máy nghe nhạc rẻ tiền, tiếng violon nổi bật, cả dàn nhạc cô đọng lại thành một khối mắc ma âm thanh, chừng ấy đủ để hắn hình dung ra tác phẩm và giải phóng những kỷ niệm trong lòng. Chris nghe bản nhạc này giống như người ta xem một bức ảnh với sắc màu cũ kỹ, biến âm nhạc thành một công cụ hỗ trợ những giấc mơ.

Từ khi Axel chết, hắn chưa khi nào thôi nghĩ đến cậu. Lúc đầu, việc này chỉ như một nguồn nước nhỏ xíu, một mạch nước trong ký ức của hắn, nhưng dần dần theo thời gian, dòng suối ấy lớn dần rồi mãnh liệt như một dòng sông. Axel, đóng khung trong tài năng, lòng tốt, sự hoàn hảo của mình, kể từ nay chiếm một vị trí quan trọng trong tâm trí Chris, một biểu tượng, một vị thánh, gần như là một vị chúa mà kẻ vô thần này sẽ hỏi ý kiến mỗi khi phải đứng giữa hai sự lựa chọn.

Chris ngồi trên ghế trước bàn làm việc nhỏ của mình, nơi ánh nắng chiếu xuống, ngắm nhìn cảnh tượng hắn yêu thích nhất, một khung cảnh không ngừng biến hóa theo từng mùa. Quan sát từ cửa sổ, người ta nhìn thấy nhiều nước hơn, nhiều khoảng không hơn so với khi đứng trên mặt đất. Một ô cửa sổ mở ra vô tận? Phía chân núi, hồ Annecy ngủ yên dưới bầu trời

trong xanh có đám đại bàng đang lượn lờ. Mạn bên kia hồ, các ngôi nhà xen giữa những cây thông trông giống những phiến đá lát giữa thảo nguyên u ám, trong khi trên cao, những đỉnh núi màu trắng lướt qua như những bóng ma từ xa.

— Này Chris, lại đây ngay, có chuyện rồi.

Laura, một đồng nghiệp trong chiếc quần jean kiểu lolita và áo phông rộng thùng thình càng tôn vóc dáng gầy guộc, xộc thẳng vào.

Hắn đi theo cô gái. Không trao đổi lời nào để tránh các học sinh nội trú nghe thấy, cả hai đi thật nhanh về phòng hiệu trưởng, căn phòng duy nhất tách biệt với cả ngôi nhà.

Montignault, người sáng lập ra trung tâm, đã tập hợp cả bảy thầy cô giáo lại và thông báo:

— Karim, cậu học sinh mới nhất, đã bỏ trốn. Sáng nay không ai thấy cậu ấy, không có trên giường, không có ở lớp học, cũng không có trong kho.

— Phải đi báo cảnh sát thôi! Laura kêu lên.

Montignault nhú mày.

— Ta tìm trước đã, Laura ạ, báo sau cùng. Không nên để cảnh sát đi tìm một đứa trẻ từng nhiều lần phải đến đồn cảnh sát trước đó. Hoặc cậu ấy sẽ tìm cách trốn kỹ hơn, hoặc cậu ấy sẽ tấn công cảnh sát, hoặc nếu bị bắt, cậu ấy sẽ trách chúng ta đã thông đồng với cảnh sát. Điều đó không có lợi. Chúng ta sẽ không gây được ảnh hưởng với cậu ấy nữa.

Cả nhóm đồng tình, Laura cũng thế. Trong trung tâm dành cho những thiếu niên đang gặp khó khăn này – nghiện ma túy, đánh nhau, bị xâm hại, có tiền án tiền sự –, các hoạt náo viên, những người say mê với nhiệm vụ của mình, không ở đây để chăm chút cái tôi của mình và có thể chấp nhận mình sai. Đứa trẻ còn quan trọng hơn tất cả họ.

— Tôi nghĩ một vài người trong số các bạn đã kết thân được với cậu ấy. Ai biết chút gì về cậu ấy không?

Chris giơ tay.

— Vâng, Chris. Hãy cho chúng tôi các chỉ dẫn.

- Tôi sợ đây không đơn thuần là bỏ trốn đâu.
- Ý anh là sao? Montignault lo lắng hỏi.
- Karim có ý định tự vẫn.

Đáp lại lời tuyên bố đó là một sự im lặng rùng rờ. Ngay lập tức, các quản giáo chuyên nghiệp ngồi quanh bàn làm việc và nghĩ xem Karim có thể tự kết liễu đời mình bằng cách nào.

Hai mươi phút sau, Chris đi về phía đường sắt bên dưới biệt thự Socrate. Để chọn xem nên đi hướng nào, hắn đặt mình vào vị trí của Karim, cậu bé lớn lên từ một khu phố nghèo nàn. Bởi lẽ muốn chết là một cách để trở lại quá khứ, một hành động hòng tìm lại tâm trạng thoải mái ngày còn bé, nên có lẽ thằng bé phải tìm một chỗ nào đó giúp nhớ lại thành phố quê hương mình, ở ngoại ô Paris, giữa khung cảnh miền núi Alpes đầy xa lạ này. Làm gì có thứ nào phổ biến hơn đường tàu hỏa? Vẫn cái mùi ấy dù ở thành phố hay nông thôn, mùi của dầu, của than, của rác hữu cơ quyện lại. Vẫn những tấm biển ấy trên những rào sắt. Vẫn mối nguy hiểm ấy mỗi khi đầu tàu xuất hiện.

Hắn đi dọc con sông nhỏ đang rì rào, sỏi bọt rồi lại rút nước xuống lớp đáy đầy sỏi đá, nơi đây đó xuất hiện những thảm cỏ xanh mướt uốn lượn. Một cơn gió lạnh buốt tạt vào mặt hắn. Rõ ràng mùa đông đang đến gần.

Đi đến sát đường tàu, Chris quan sát cả hai phía: tịnh không thấy một bóng người.

Hắn bỗng nghĩ đến một chi tiết ở phía xa hơn có thể thu hút được sự chú ý của thằng bé: một cái cầu bắc ngang qua đường sắt. Cố nhớ lại địa điểm cây cầu Chris không nghi ngờ gì nữa: chắc chắn Karim đang ở đó, đứng chờ đoàn tàu xuất hiện để lao xuống.

Đi như chạy, nhưng cố gắng thận trọng để không bị phát hiện, hắn đến được địa điểm cần tìm cách đó một cây số. Chuẩn xác! Hắn nhận ra trên cầu có một bóng người đang nhìn về phía chân trời.

Hắn bước lên từ phía sau lưng Karim, khi chỉ còn cách vài xăng ti mét, hắn nói với cậu bé.

— Karim, thầy nghĩ sáng nay em bị đau khắp mình mẩy.

Cậu thiếu niên xoay người lại, vừa tức tối vì bị phát hiện, vừa ngạc nhiên khi nhận ra Chris, người thầy mà nó thấy hợp với mình, lại vừa xúc động trước câu nói ấy.

— Em đang đau, đúng không, em đang đau à? Chris tiếp tục hỏi nhẹ nhàng.

Karim muốn nói là đúng, nhưng đồng ý cũng có nghĩa là trả lời mà nó lại chẳng muốn trả lời bất cứ ai nữa.

— Karim này, đây là cuộc sống của em, em có thể làm gì với nó tùy thích.

Kẻ nổi loạn có cảm giác Chris vừa đọc được ý nghĩ của mình.

Thầy không muốn làm hỏng quyết định của em, cũng không muốn làm hỏng khoảnh khắc em ở đây. Vấn đề là thầy sẽ ở lại đây với em, và nếu có đoàn tàu nào báo hiệu sắp chạy qua, thầy sẽ giữ không cho em nhảy xuống. Đúng là thầy phiền toái thế đấy.

Karim quay lại, cảm thấy bị làm phiền vì Christ hiểu mình đến thế.

— Vậy nên thầy có đề nghị này, Karim: thầy sẽ mời em uống chút gì đó với thầy ở đằng kia.

Hắn chỉ tay về một quán trọ phía trên, dù nhỏ nhưng nhìn rất rõ, một chấm đỏ giữa vách núi cao đến mức chóng mặt.

— Đến đó, chúng ta sẽ nói chuyện một chút. Sau đó em làm gì tùy em.

— Em sẽ quay lại đây! Karim gào lên, như để tỏ ra mình không phải là kẻ chóng đổi ý cũng chẳng phải là một kẻ yếu mềm.

— Được rồi, Chris trả lời. Nếu muốn em cứ quay lại đây rồi thầy sẽ để em yên. Nhưng trước hết, đi uống với thầy một cốc cà phê hay một cốc sô cô la nóng đã.

— Thầy thề sau đó sẽ để em yên chứ?

— Thê!

Niềm kiêu hãnh của thằng bé được tôn trọng, nó đút hai tay vào túi quần, khom vai cúi đầu như để nói “Em đi cùng thầy”.

Từ sân hiên của quán trọ, phía trên cao, một người đàn ông đang theo dõi cảnh tượng đó và dường như rất quan tâm đến cuộc gặp gỡ. Khi nhận thấy bóng hai người đang đi lên gần, người đó điều khiển xe lăn, lui vào bên trong và dừng ở giữa hai cột xà, hy vọng không ai nhìn thấy mình.

Khi bước vào căn phòng có ri đô và khăn trải bàn đều làm từ vải kẻ ca rô màu đỏ, nơi có những bông hoa chuông mọc kín bậc cửa sổ, Karim chỉ khẳng định được đây là một quán cà phê nhờ hai chi tiết, chiếc bình pha cà phê phía sau quầy bar làm bằng kẽm và một máy chơi pinball gần nhà vệ sinh.

Chris gọi hai cốc sô cô la, cả hai áp lòng bàn tay lạnh cứng vào bát sành trước khi uống.

— Tại sao em muốn chết?

— Tại vì em là kẻ vô tích sự. Em toàn làm những điều dại dột.

— Em bao nhiêu tuổi rồi?

— Mười sáu.

— Vậy chúng ta có thể nói là em toàn làm những điều ngốc nghếch cho đến năm mười sáu tuổi. Sau đó, em...

— Thầy nói xạo! Khi thầy là sắt thì thầy mãi là sắt. Khi là gỗ, thầy mãi là gỗ. Khi thầy là đồng phân như em, thầy mãi là đồng phân.

— Sai rồi. Chúng ta thay đổi được chứ. Thầy là một bằng chứng đây.

— Thầy á? Từ trước đến giờ thầy vẫn luôn như thế đấy thôi.

— Vậy ư, thầy vẫn như thế, như kiểu thánh SaintBernard luôn nghĩ cho người khác trước khi nghĩ đến bản thân ư? Em hãy nhớ rằng, ở tuổi em, thầy không coi ai ra gì, thầy chà đạp lên họ, và thầy chỉ quan tâm đến bản thân mình thôi.

— Thầy nói thế để em...

— Thầy nói thế bởi vì đó là sự thật. Không ai xấu mãi cả đâu, Karim, nếu ta ý thức được điều đó, ta sẽ tự cải thiện mình. Chúng ta tự do, Karim ạ, tự do!

— Em được tự do ư? Ngay khi đủ tuổi ngồi tù, bọn họ sẽ ném em vào đó. Mà họ có lý thôi. Em muốn tự kết liễu mình trước.

— Em không tin vào sự sám hối ư?

— Thầy nói cái gì thế?

Cách họ có hai mét, Axel không bỏ lỡ từ nào, hơi thở ngày càng khó nhọc. Gã lúi sâu thêm vào góc mình đứng để nghe lén.

— Hãy thay đổi số phận đi Karim. Một kẻ cắp có thể trở thành một người trung thực, một tên sát nhân có thể ngộ ra rằng mình đã làm việc xấu và sẽ không tái phạm nữa. Karim, dù lúc đầu em có là kẻ phá hoại, ăn cắp, ăn trộm và buôn ma túy thì em vẫn có thể xử sự đúng đắn. Bằng chứng là em thấy ghê tởm mình. Kẻ xấu thực sự thường cho mình là người tốt. Giống như những kẻ dốt nát thường không biết mình ngu dốt. Còn em, xin lỗi em chứ, em đã thuộc vào tầng lớp cao hơn rồi. Thầy tin ở em, Karim. Hãy tin lời thầy, thầy sẽ giúp em hết mức có thể.

Cả hai im lặng. Karim thấy ấm lòng nhờ sô cô la, và nhờ cả những lời Chris nói nữa.

Để không bị coi là ủy mị, và tỏ ra mạnh mẽ – theo những tiêu chí của riêng mình –, cậu bé còn cố vặn vẹo thêm:

— Thầy là ai? Tại sao thầy lại chăm sóc em? Thầy đâu phải anh trai em?

— Không trực tiếp thôi.

— Nghĩa là sao?

— Nghĩa là thầy có thể cảm thấy mình là anh trai của em dù không mang dòng máu giống em.

— Vớ vẩn! Người ta chỉ là anh em khi có chung dòng máu, còn lại chỉ là cùng hội cùng thuyền.

— Vậy sao? Bởi vì em chưa khi nào thấy anh em lại đánh nhau hay ghét nhau ở khu phố nhà em sao? Thế còn trong gia đình em, các anh em đã làm gì cho em?

— Chúng đều còn nhỏ, em là anh cả.
— Ấy vậy mà em lại tự tử. Hoan hô, người anh cả lý tưởng!
— Thôi được rồi... những gì em làm chỉ liên quan đến mình em thôi.

— Không đúng. Em có biết câu chuyện về hai anh em Cain và Abel không?

— Thầy nói vớ vẩn, đây là chuyện trong kinh Coran!

— Cả trong Kinh Thánh nữa. Họ là con trai của Adam và Eva, cả hai sống hòa thuận với nhau cho đến lúc xảy ra vụ xích mích liên quan đến lễ vật mà ai cũng biết. Abel thì dâng lên Chúa những sản phẩm chăn nuôi của mình, chắc là một con bò và một con cừu, còn Cain mang đến rau quả mình trồng được. Vậy mà Chúa, không hiểu vì lý do gì lại nhận quà của Abel và từ chối quà của Cain. Em biết đấy, cuộc đời là như vậy, bất công, không dự đoán được, và bất bình đẳng. Phải chấp nhận nó. Thế nhưng Cain, vì lòng kiêu hãnh, lại không chấp nhận điều ấy, tức tối, nổi dậy. Chúa mắng anh ta và khuyên anh ta nên bình tĩnh. Nhưng vô ích! Trong cơn tức giận, Cain đã giết người em Abel của mình vì đố kỵ. Chứng kiến thảm kịch nhưng đã quá muộn, Chúa hỏi Cain tại sao lại giết em mình. Anh ta cười khẩy trả lời rằng: “Con phải là người bảo vệ cho em trai mình ư?” Tất nhiên là đúng thế, hẳn từng là thế, nhưng lại không hiểu điều đó, không nghĩ đến gia đình lớn của loài người. Ai cũng phải có trách nhiệm với mọi người, với anh em và với những người khác. Giết chóc, tức là quên đi điều ấy. Bạo lực, tức là quên đi điều ấy. Còn thầy, thầy không muốn quên: thầy muốn là người bảo vệ em, Karim ạ, thầy sẽ không bỏ rơi em. Và em sẽ là người bảo vệ các em trai mình: em không những không được bỏ chúng, mà còn phải giúp đỡ chúng.

— OK... Vậy chuyện gì xảy ra sau đó?

— Chúa đuổi Cain đến một vùng đất xa xôi, nơi đó anh ta phải lao động, bị giày vò trong ân hận, và sinh con đẻ cái; nhân loại được xem là do hắn sinh ra cho đến thời Noé. Như vậy là bạo

lực không bao giờ ngừng phát triển. Bởi thế cuộc sông luôn đi kèm với bạo lực, vấn đề là cần phải kiềm chế nó.

— Em hỏi “Chuyện gì xảy ra sau đó?” là để nói về em, không phải về Cain!

— Em quay về cùng thầy, em tin tưởng thầy, em tin tưởng bản thân mình. Có thể em sẽ trở thành người như chính em, Karim đích thực, chứ không phải kẻ mà lũ côn đồ thống trị ở thành phố em đã tạo ra.

— Thầy có tin vào Chúa không?

— Không. Nhưng thầy thích những câu chuyện khiến thầy bớt cô đơn và ngu dốt.

— Còn em, em tin ở Chúa! Karim nói, vẻ tự hào khi thể hiện niềm tin của mình, tự hào vì thấy mình đứng trên thầy một bậc.

Trước thái độ ấy, Chris hiểu hẳn đã chiến thắng: thằng bé sẽ không quay lại lao vào đoàn tàu nữa.

Một lát sau, cả hai sóng bước ra khỏi căn phòng, thỉnh thoảng vai họ chạm vào nhau, đi lối đường mòn dẫn lên biệt thự Socrate.

Axel nghiêng người để nhìn theo cho đến khi họ khuất hẳn phía xa. “Thất vọng”, từ duy nhất lảng vảng trong tâm trí gã, “thất vọng”, phải, “thất vọng tràn trề” bởi gã không tưởng tượng sẽ gặp lại Chris trong tình huống như thế này.

Bản thân gã cũng thấy mình thay đổi.

Đâu rồi cảm giác sung sướng mà gã mong đợi? Tại sao giây phút sắp được báo thù lại không mê hoặc gã nữa? Tại sao niềm vui đen tối sắp được ra tay lại không trỗi dậy? Thôi nào, gã phải xốc lại tinh thần...

*

Nếu như thông thường, khu bể bơi được lắp vách kính tạo cho người ta ảo giác đang được tắm mình giữa thiên nhiên vùng núi Alpes, giữa những đồng cỏ trải dài từ tít trên cao và hồ nước

trải rộng dưới chân núi, dưới ánh nhìn bình thản của những ngọn núi với những tảng đá bị tuyết che phủ, thì hôm nay bề bơi ấy lại cho người ta cảm giác nó bị cô lập giữa thế giới khi mà hơi nước bám lên vách kính, những giọt nước nóng bị không khí lạnh hút lên, che khuất tầm nhìn về phía thung lũng.

Một vài người đang bơi qua bơi lại, động tác uyển chuyển, không ai để tâm đến ai. Một ông lão dáng dấp như một con côn trùng, bụng phưỡn ra trên đôi chân gầy tong teo đang đứng cạnh cầu nhảy, tay chậm chạp quay tròn.

Ngồi trên một chiếc ghế cao để bao quát được tất cả, tay giáo viên dạy bơi có làn da nhẵn nhụi và cặp đùi béo mềm đang gà gât, chiếc còi hồ hững trên môi, như một đứa trẻ quá khổ đang ngậm bình sữa.

Axel được một nhân viên đẩy trên xe lăn đến tận hồ bơi nhỏ, người quần chặt trong một tấm áo choàng, quan sát kẻ đang âm ảnh gã.

Dưới nước, Chris đang chăm sóc một bà lão tám mươi tuổi bị thấp khớp. Nhẹ nhàng đỡ bà trên hai cánh tay, hấn tận dụng cơ thể được nước nâng đỡ để giúp bà thực hiện những động tác mà bà không làm được nếu đứng trên nền đất cứng, giúp bà mạnh mẽ hơn, giải phóng các khớp, kéo căng cơ và gân. Bộ môn này được gọi là “vật lý trị liệu dưới nước”, một phương pháp mới mà Chris là một trong số ít người, tuy không phải là người phát minh ra nó, có thể thực hành được.

Axel biết đến dịch vụ này ở khách sạn khi gã đề nghị một y tá đến chăm sóc mình hằng ngày. Trong danh sách mà ông chủ khách sạn đưa ra, gã đã để ý đến tên của Chris trong mục “Dịch vụ mới: mát xa dưới nước”.

— Đúng vậy, người quản lý khách sạn khẳng định với gã, anh ấy là quản giáo ở biệt thự Socrate, ông biết đấy, đó là trung tâm dành cho những thiếu niên gặp rắc rối. Nghe cứ như là có cả những thiếu niên không gặp rắc rối vậy, nhưng thôi bỏ qua! Chris là người mà tôi không thể không giới thiệu với ông. Ai cũng hài lòng về anh ấy. Tôi đặt hẹn giúp ông nhé?

— Cứ đứng tên khách sạn nhé, đừng lấy tên tôi.

Axel muốn tận dụng cuộc gặp gỡ này. Nếu nhảm tên họ thì gã sẽ nhanh chóng biết được; ngược lại, nếu Chris không nhận ra gã ngay, thì điều đó hứa hẹn một bất ngờ thú vị.

Axel ngấm nhìn Chris, tranh thủ lúc hắn tập trung cao độ để nhìn mà không bị phát hiện. Thật nhân từ! Thật tử tế biết mấy đối với con khủng long da dẻ nhẵn nhúm kia... Lại là người không quen biết nữa chứ... Nếu người bệnh là mẹ hắn thì không biết hắn có tỏ ra triu mến, ân cần hơn không? Không thể. Cúi xuống gương mặt già nua, hắn điều khiển bộ xương ấy giống như một vũ công đang yêu, chăm chú nhìn bạn nhảy của mình, khôi phục cho bà sự duyên dáng trong từng động tác. Cơ thể hắn cũng đẹp nữa... Bốn mươi tuổi, làn da rám nắng, những nếp nhăn thuần như những vết cứa nơi khóe mắt, Chris vẫn giữ mái tóc hung đỏ thời trai trẻ, không để lộ ra lấy một phân mỡ, cơ bắp săn chắc, cuồn cuộn, bụng phẳng, vai rộng, eo thon, phần thân trên thừa lông, đầu ra đầy, giống như có một lớp trang điểm che đi phần bụng dưới để làm nổi bật phần eo. Axel ngấm nhìn hắn, vừa say mê, vừa tức tối, bởi không thể dừng được việc so sánh với bản thân mình. Điều mà gã thấy ghen tị hơn cả là cặp giò thon dưới cặp mông tròn mẩy; kể từ khi bị nạn Axel thôi không còn mơ tưởng đến điều đó bởi đùi và mông gã, do bị liệt hoàn toàn đã chảy xệ và teo tóp lại.

— Lỗi tại ai? gã điên cuồng nghĩ, tay phải xoa lên đôi chân cứng đờ như những thanh sắt.

Thân hình đẹp như một vận động viên điền kinh của Chris càng khiến gã quyết tâm hơn: không thương xót.

Trong lúc gã đang thu mình lại nghiền ngẫm mong muốn phục thù trong lòng thì Chris đến bên khẽ chạm vào cánh tay khiến gã giật mình.

— Đến lượt anh rồi.

Axel lo lắng ngẩng đầu lên. Liệu Chris có nhận ra gã của hiện tại không?

— Tôi là Chris, tôi sẽ mát xa cho anh một tiếng, đúng không?

Axel gật đầu.

— Anh tên là gì?

Axel buột ra cái tên đầu tiên nghĩ tới:

— Alban.

Gã cắn môi. Ngu xuẩn! Gã đã nói “Alban” trong nỗi giầy vò bởi một kỷ niệm chung của hai người, bởi gã đã từng chơi bản concerto *Tưởng nhớ một thiên thần* của Alban Berg trước mặt Chris! Hắn đã hớ, cái tên “Alban”, quá hiển nhiên, Chris sẽ nhận ra gã ngay cho mà xem!

— Alban, tôi sẽ giúp anh xuống nước. Cho phép tôi đẩy xe đi nhé, sau đó tôi sẽ bế anh xuống bậc. Được không?

— Ờ... đồng ý.

Chris đã không nhận ra gã. Axel liếc mắt nhìn và hiểu tại sao: ngoài việc Chris không ngờ sẽ gặp lại gã, hắn còn giữ một thái độ vô cùng chuyên nghiệp; không bao giờ được phép tỏ ra bị sốc hay ghê tởm trước khuyết tật của người bệnh vì sợ xúc phạm họ, hắn dành toàn bộ sự chú ý của mình vào những động tác kỹ thuật, gỡ tấm áo choàng, tháo đôi chân sắt, hai tay đỡ lấy hông gã.

Axel cảm thấy yên tâm, quyết định thư giãn và thả lỏng cơ thể trong tay Chris.

Khi đã xuống nước, Chris hỏi gã xem có động tác nào hay điều gì phải tránh hay không. Gã lắc đầu. Chris yêu cầu gã nhắm mắt và bắt đầu phương pháp trị liệu của mình, từ tốn giải thích từng động tác.

Những lời nói thì thầm bên tai khiến Axel thấy bối rối. Thông thường, chỉ khi yêu nhau thì hai người mới thì thầm với nhau, đôi mắt nhắm nghiền, và hai cơ thể gần như trần truồng chạm vào nhau. Ấy vậy mà giờ đây gã đang ở trong tay của kẻ thù lớn nhất đời mình, của người đàn ông trước kia suýt nữa đã giết chết gã chỉ vì thói kiêu căng vô cảm. Phi lý... quá phi lý...

Tuy bối rối nhưng điều đó lại không hề khiến gã đau đớn. Ngược lại. Được Chris giúp đỡ, được thoát khỏi sức nặng cơ thể, Axel còn có cảm giác như được giải phóng khỏi khuyết tật của

mình. Gã nổi trên nước, xoay người, đổi hướng. Buổi tập bất ngờ và có lợi này đưa gã trở lại những xúc cảm thời thơ ấu, những buổi đi bơi đầu tiên cùng cha trong một bể bơi ở Sydney, khi cơ thể mảnh mai của gã áp vào cơ thể vạm vỡ, mạnh mẽ của một người trưởng thành, trở lại những buổi dã ngoại của hai cha con trên bãi biển Whitehaven Beach thuộc Thái Bình Dương, khi ấy gã được cha vừa bơi vừa cõng trên lưng, và thằng bé cảm động trước sự gần gũi ấy.

Gã thấy lạ lùng trước cảm giác tin tưởng, khi da thịt gã chạm vào da thịt của kẻ đã từng giết mình... Và nếu cuộc trả thù của gã chỉ dừng lại ở mức này, để mặc cho cơ thể được Chris, kẻ đã trở thành nô lệ của gã, điều khiển từ giờ cho đến tận buổi cuối cùng... Ít ra đó cũng sẽ là một hình thức tra tấn không giống như bình thường – đối với cả kẻ báo thù cũng như nạn nhân.

— Alban, anh cảm thấy thế nào?

Axel mở mắt. Chris, kẻ đang đu đưa bệnh nhân của mình trong vòng tay, lúc này chỉ cách khuôn mặt gã có hai mươi xăng ti mét.

— Tốt, rất tốt.

Cả hai nhìn vào mắt nhau, sau đó Chris chỉ vào đôi chân của Axel.

— Anh đã gặp chuyện gì thế?

— Một tai nạn, cách đây hai mươi năm.

Chris rùng mình. Không phải là vì hắn đã đoán ra Axel là ai, mà bởi vì quãng thời gian hai mươi năm đó đã khiến hắn nhớ lại một số kỷ niệm. Axel cuống quýt làm hắn phân tâm.

— Sao anh lại có ý tưởng nghiên cứu phương pháp vật lý trị liệu dưới nước này?

— Ồ, tôi cũng không rõ... Tôi muốn tìm ra một thứ gì đó tốt làm được dưới nước.

— Tại sao? Người ta làm được điều gì đó xấu xa dưới nước hay sao?

Chris không trả lời, quay đi để mỉm cười đáp lại một cô gái đang đi về phía phòng tắm sau khi bơi. Axel nói tiếp:

— Còn tôi thì đã gặp tai nạn dưới nước đây.

Chris quay người lại, nhìn gã tê dại, lúc đầu còn bối rối, sau đó là nghi hoặc, rồi lo lắng, hoảng hốt. Axel nhìn hắn không rời mắt. Gã thấy Chris đang hiểu chuyện gì xảy ra; như thể tấm ri độ bao phủ tâm trí hắn đang được kéo lên, để mặc cho ánh sáng dần xâm chiếm hắn. Chris nuốt nước bọt, cất lời bằng một giọng thất thần:

— Là cậu ư, Axel?

— Đúng.

Nước mắt trào ra. Hắn gượng cười.

— Nhưng mà... cậu vẫn còn sống ư?

— Vậy mà nghĩ sao? Axel gào lên.

Hai mươi năm qua, người đàn ông Úc chưa bao giờ lường đến giả thiết này, định ninh rằng Chris đã biết tất cả mọi chuyện sau vụ gã bị đuối nước.

Chris gục hẳn đầu xuống như vừa bị ai đó đập vào sau gáy.

— Mình tưởng rằng...

— Trông tao có giống người chết không hả? Tao trông giống một thằng tàn phế hơn, phải không? Người ta đã phải hồi sức cho tao sau khi vớt tao từ dưới nước lên, tao còn bị hôn mê suốt năm tháng, và khi tỉnh lại tao chỉ như một cọng rau. Tao đã phải học mọi thứ – không phải, mà là học lại – học nói, học viết, học đếm, học cách di chuyển. Nhưng tâm trí tao không quên điều gì cả...

Gã gơ bàn tay phải cứng queo của mình lên.

— Không violon nữa.

Gã chỉ xuống chân.

— Không thể thao nữa.

Rồi gã chỉ vào cái quần bơi treo lủng lẳng trên cặp giò tóp lại như đuôi con nòng nọc.

— Không sex nữa. Nhưng mà, tao vừa mới được tận hưởng nó đây, phải không nào?

Áp lực trước những lời thừa nhận đó, Chris bỗng thấy ngại phải chạm vào người Axel. Hắn cẩn trọng đặt Axel xuống bậc thêm bề bơi.

— Ôi, mình rất vui thấy cậu còn sống, rất vui!

Hắn lặng nhìn cơ thể đáng thương ấy, mái tóc xác xơ ấy, rồi rùng mình: tội nghiệp Axel, khuôn mặt cân đối và đẹp không chệ vào đâu được trước kia giờ đã biến mất, thay vào đó là một chiếc mặt nạ khắc khổ với những đường nét méo xệch về phía bên trái, không còn khả năng biểu lộ bất cứ cảm xúc gì, ngoại trừ những hậu quả mà tai nạn để lại khiến chúng mang vẻ chết chóc, bẹp rúm, bị hành hung.

— Cậu có nghĩ một ngày nào đó có thể tha thứ được cho mình không?

— Điều đó thay đổi được gì?

Axel đáp lại bằng giọng thù nghịch.

Chris chùng hững, nghĩ ngợi.

Axel nhận thấy cơn tức giận đang sôi sục trong lòng, cố tình nhấn mạnh:

— Điều đó thay đổi được gì? Nó có mang trả lại tao cơ thể, âm nhạc, những năm tháng đã mất, nếu tao tha thứ cho mày?

— Không...

— A, có lẽ nó sẽ thay đổi số phận của mày. Phải, chắc chắn cuộc sống sẽ nhẹ nhàng hơn với mày.

— Không, mình mãi mãi không thoát khỏi sức nặng của tội lỗi ấy.

— Vậy thì điều đó sẽ thay đổi được gì? Nói đi! Nói tao nghe xem nào!

Axel không còn kiểm soát nổi bản thân và bắt đầu gào lên, chất giọng the thé của gã vang vọng dưới mái vòm ẩm ướt của bể bơi. Ông già dùng động tác xoay tay, còn tay thầy giáo dạy bơi mập mạp nghiêng người, sẵn sàng lao xuống khỏi ghế để can thiệp.

Axel và Chris nhìn nhau một hồi. Cuối cùng Chris lên tiếng.

— Cậu nói đúng. Điều đó không thay đổi được gì.

— A... Vậy nên tao sẽ không tha thứ cho mày. Tao đến đây không phải để làm vậy.

Chris nhìn gã lần nữa. Hắn hiểu ra một khi Axel đã đi một chặng đường dài nhường ấy thì đó phải là một kế hoạch nung nấu từ lâu.

— Giờ cậu muốn gì?

— Hẹn nhau tối nay lúc bảy rưỡi, tại nhà hàng Le Grizzli, cạnh khách sạn tao đang ở.

Về đến biệt thự Socrate, Chris ngồi lại với Karim một lúc trong xưởng mộc, trò chuyện sôi nổi với cậu thiếu niên, rồi lên phòng thay quần áo chuẩn bị cho buổi tối.

Hắn không biết điều gì sẽ xảy ra ở cuộc hẹn. Hắn cũng không biết nghĩ gì sau điều hắn phát hiện ra vào buổi chiều. Việc Axel còn sống là một tin tuyệt vời, nhưng nó lại không gỡ được tội cho hắn, còn lâu mới vậy; đối diện một con người tàn phế đang quá khích, với giọng nói khô khốc, và số phận bị hủy hoại, hắn có cảm giác một nhục hình vĩnh cửu đã thay thế cái chết. Có khi tốt hơn hết là...

Khủng khiếp! Điều hắn đang tưởng tượng thật khủng khiếp. Một lần nữa hắn chạy trốn trách nhiệm. Thật hèn hạ...

Việc Axel, bị phản bội, không biến mất ngay đối với hắn là một điều kinh khủng. Người duy nhất biết được tội ác xấu xa của hắn còn sống; người ấy giữ chuyện đó trong lòng suốt hai mươi năm. Đó là điều đè nặng lên hắn... Hắn khinh bỉ bản thân.

Axel kiên nhẫn chờ đợi trong nhà hàng, chiếc xe lăn đã được chốt bánh lại sau bàn ăn.

Họ gọi món cho bữa tối rồi bắt đầu nói chuyện.

Nếu như Chris vẫn tắt kể lại việc hắn trở về nước ra sao, về sự sáng suốt bất ngờ, quyết định dừng môn học là niềm đam mê của đời hắn và rẽ sang một con đường khác hắn, hướng đến mọi

người, thì Axel lại tỉ mỉ thuật lại câu chuyện của mình không sót một chi tiết, trước tiên là bởi gã chưa bao giờ làm thế trước bất cứ ai, và sau nữa là bởi gã muốn tự yêu bản thân mình buổi tối đó, và cũng có thể gã muốn được người khác yêu mình.

Trong lúc lắng nghe gã kể chuyện, Chris phát hiện ra con người mà Axel đã trở thành. Điều đó khiến hắn thấy kinh sợ... Đâu rồi thiên thần mà hắn từng biết, chàng trai chỉ biết mơ tưởng đến nghệ thuật, âm nhạc và là hình ảnh quen thuộc của những gì tinh túy? Đằng sau đĩa thức ăn giờ chỉ còn là một gã lái buôn tàn ác, trợn trợn, không ngần ngại làm trò bất chính khi nhẩy từ buôn lậu sang buôn những thứ vô luân bởi nó giúp gã ních đầy túi, vừa bán những món đồ chơi được sơn từ các chất liệu độc hại vừa cười khẩy khi người ta cảnh báo gã về nguy cơ tử vong của trẻ con, khi trốn thuế, khi lợi dụng sự khốn cùng của con người, một tên trùm tư bản có cuộc đời rộng tuếch, không tình yêu, không bạn bè, không lý tưởng. Trong niềm cao hứng, Axel không nhận thấy hiệu ứng mà mình tạo ra; trái lại, gã sung sướng với chính bản thân mình, cho rằng mình đang mê hoặc được Chris. Nếu là hai mươi năm trước, chắc có lẽ Chris đã ngưỡng mộ sự thăng tiến ấy, tiền bạc ấy, quyền lực ấy, nhưng Chris của hiện tại, một quản giáo chuyên chăm lo cho thanh thiếu niên phạm pháp giờ không còn thích thú với bài diễn văn này nữa.

Giữa hai con người bốn mươi tuổi đời đang ngồi chung một bàn đã nảy sinh một sự lẫn lộn. Mỗi người đều làm sống dậy người đối diện trong trí tưởng tượng của mình bằng cách tạo nên trong mình một cá tính mạnh với những đường nét rõ ràng và chuẩn xác. Axel trở thành một chuẩn mực hoàn hảo đối với Chris, còn Chris lại là một hình mẫu thành đạt đối với Axel. Cả hai đã tạo dựng nên cuộc sống của họ bằng cách lấy người kia làm gương, với ý định ít nhiều mơ hồ là phải thay thế, vượt mặt người đó. Thế nhưng những tạo dựng viển vông ấy đang có nguy cơ bị sụp đổ.

Lúc ăn tráng miệng, Axel nhận thấy những lời lẽ huênh hoang của mình càng lúc càng làm tăng sự im lặng thù địch từ

phía người đôi diện. Đền lượt mình, gã chột hiếu ra tình thế: cả hai đều đã thay đổi và căm ghét con người mà người kia đã trở thành. Nỗi căm ghét ấy càng trở nên dữ dội hơn khi Chris gọi cho Axel nhớ về con người hào hiệp mà gã từng là và sẽ không bao giờ trở thành nữa, trong khi Axel lại thể hiện trước mặt Chris kẻ cơ hội mà hắn đã tiêu diệt trong mình.

Hai người im lặng một hồi lâu, rồi, trong tiếng thở dài, Chris thấy buộc phải lên tiếng hỏi.

— Axel, tại sao cậu tới đây?

— Để đề nghị mày một phi vụ.

— Đồng ý.

— Kể từ ngày hôm nay, mày phải tuân theo lời tao.

— Mình...

— Đó là cách chuộc tội mà tao đưa ra. Kể từ ngày hôm nay, mày phải làm bất cứ điều gì tao yêu cầu.

— Nhưng...

— Tao không ép mày. Mày có thể từ chối. Trong trường hợp đó, tao sẽ gọi cho một trong các luật sư của tao, người ta sẽ mở lại cuộc điều tra, tao sẽ thông báo rằng tao đã tìm ra mày, và vụ kiện bắt đầu. Mày cũng biết như tao, không có ràng buộc gì về thời gian cả.

— Cậu làm đi. Tổ cáo mình đi. Mình sẽ không chối tội đâu. Mình đã sẵn sàng trả giá cho lỗi lầm của mình, và mình vẫn chờ đợi điều đó từ bấy lâu nay!

— Không nhanh thế đâu! Nếu mày trả món nợ này trong tù, là mày trả nó cho xã hội, chứ không phải cho tao. Dù mày có chết gí sau song sắt thì điều đó cũng chẳng giúp gì tao. Chắc chắn công lý được thực thi, nhưng tao không được lợi gì từ cái đó. Mày không muốn giúp tao sao?

— Có chứ Axel, mình muốn giúp cậu. Đương nhiên là mình muốn giúp cậu.

— Vậy thì kể từ ngày hôm nay mày sẽ nghe lời tao.

— Đồng ý.

— Thê đi.

— Mình xin thê.

Axel gọi thêm một chai sâm banh và rót đầy hai cốc.

— Vì chúng ta!

— Vì chúng ta..., Chris trả lời, cố giấu nỗi sợ hãi.

Axel uống một hơi hết ly rượu rồi lại rót ngay ly khác.

— Ngay ngày mai mày hãy xin nghỉ việc. Vĩnh biệt biệt thự Socrate. Đến nửa đêm ta sẽ cùng bay sang Thượng Hải. Hãy cầm lấy, đây là địa chỉ mày có thể để lại cho những người muốn giữ liên lạc với mày.

Gã dúm vào tay Chris tấm danh thiếp, mặt trước là tiếng Anh, mặt sau là tiếng Trung.

Đêm đó, khi trở về phòng, theo phản xạ Chris lại bật máy nghe nhạc, mở bản concerto *Tưởng nhớ một thiên thần*. Sau vài nốt, Chris đổ vật xuống giường, muốn khóc, nhưng không thể. Hắn đã biến một nghệ sĩ đầy hứa hẹn thành một tên bạo chúa cuồng loạn, nóng nảy, tàn ác, trâng tráo. Vô tình, hắn đã làm việc tồi tệ hơn cả giết một con người trong sáng, hắn đã giết chết sự trong sáng. Nạn nhân của hắn giờ đã biến thành một tên đao phủ. Trong bản nhạc du dương của Alban Berg, Chris như nghe thấy chính câu chuyện của mình: không chỉ có đứa trẻ chết, mà cả thiên thần cũng chết. Không còn lại chút gì của Axel thuở trước, cái ác đã mang cậu ấy đi. Cả đau buồn nữa.

Khi nào chúng ta trở thành con người mà chúng ta phải trở thành? Khi còn trẻ hay là sau đó? Khi còn niên thiếu, cho dù chỉ số về trí thông minh và tính cách có thể nào, thì phần lớn chúng ta đều được nhào nặn nên từ nền giáo dục ta hưởng, từ môi trường ta sống, và từ cha mẹ của chúng ta; khi đã lớn, con người chúng ta tự hình thành theo lựa chọn của bản thân. Hắn, Chris, nếu hắn từng là kẻ tham vọng, cơ hội, hiếu chiến, thì là vì hắn chịu sức ép từ mẹ mình, một người phụ nữ độc thân muốn đứa con trai duy nhất phải thành đạt thay bà. Và để không làm thất vọng tình yêu nơi bà, hắn phải tỏa sáng, đấu tranh và giành

chiên thẳng. Nếu như mẹ hắn từng bị cha hắn ruồng bỏ, là bởi vì, theo như suy nghĩ của bà, ông thấy bà không đủ sang trọng đối với ông! Sau này nghĩ lại, Chris cho rằng cha để hắn chỉ đơn giản tỏ ra là kẻ ích kỷ, phi lý, một kẻ khốn nạn thường thấy. Còn hắn, ở tuổi hai mươi, từ Thái Lan trở về, hắn đã may mắn khi có thể ngăn chặn được áp lực từ mẹ mình, thái độ thông dong chết người đối với Axel đã cho hắn thấy mình lầm đường lạc lối; và hắn đã làm lại từ đầu, theo những giá trị mới. Vậy mà Chris không lường trước được điều đối ngược cũng đã xảy ra: một người tốt đã biến thành một thứ rác rưởi. Có cứu rồi thì cũng có họa đây. Chúng luôn là những hành động tự nguyện. Khi một tai nạn gây ra rạn nứt trong cuộc sống của họ, hai người phản ứng trái ngược nhau, Axel khép mình trong sự ghê tởm vô liêm sỉ đối với con người, còn Chris lại mở rộng lòng mình với tình yêu của những người khác.

Nếu như Chris có cảm giác được là chính mình ngày hôm nay, thì liệu Axel có cảm giác tương tự như thế không? Đây là phần của tự do? Của số phận? Những ý nghĩ quay cuồng này khiến hắn không tài nào ngủ được.

Về phần mình, Axel cũng không ngủ được. Ngồi bên máy tính, qua mạng Internet, gã kiểm tra xem các công ty của mình vận hành ra sao. Vô tình đọc được trong khi tìm kiếm thông tin rằng hiện người ta đang bán hàng triệu sản phẩm chống trầm cảm trên thế giới, gã nảy ra một ý tưởng: chế tác một loại rượu của nữ thánh Rita có thể đánh bay trạng thái trầm cảm. Gã sẽ gọi nó là “nước thần Rita”. Trong số nhiều sản phẩm của mình – đồ chơi, quần áo, vật dụng mới lạ, dụng cụ kích dục –, gã thấy rất vui thú với việc buôn bán các đồ vật liên quan đến tôn giáo. “Từ khi con người không còn tin vào Chúa, họ chuyển sang tin bất cứ thứ gì! Chiêm tinh học, số học, các tập tục của phong trào Kỷ nguyên Mới, sự tái sinh của các vị thánh. Phải chớp lấy cơ hội này!” Xu hướng bài Chúa ở châu Âu không tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nghĩa duy lý, mà lại làm gia tăng và đa dạng hóa thói mê tín; trước kia, đạo Thiên Chúa mang đến khuôn khổ cho lòng tin, thì ngày nay khi nó không còn, Axel có thể khai thác lỗ

hống béo bở ở sự cả tin này của con người. Tại sao là thánh Rita chứ không phải là một nữ thánh khác? Là tại bức tranh khắc gỗ gắn trên tường căn phòng của gã ở Sydney trong quá trình gã dưỡng bệnh, trong lúc gã đang phải học lại cách nói, cách viết; hình ảnh của lòng từ bi ấy, thay vì trân trọng nó, gã lại bắt đầu căm ghét nó, cũng như gã căm ghét tội độ tất cả các kiểu nghi lễ mà cái tốt nắm giữ. Một ngày, trong khi nhổ vào vị nữ thánh, gã đã quyết định đứng về phe những kẻ thắng cuộc và ở lại đó.

Ngày hôm sau, Chris mang đơn nghỉ việc đến gặp Montignault, ban đầu ông rất đỗi ngạc nhiên, rồi chân thành nói với hắn rằng ông sẽ rất nhớ tiếc hắn. Rồi hắn đến lo cho Karim, đưa cho thằng bé địa chỉ của mình ở Trung Quốc, tiếp đến là tham gia vào một buổi tiệc do đồng nghiệp tổ chức vội để chia tay hắn.

— Khi nào anh đi?

— Đêm nay. Đến Thượng Hải.

Vì bạn bè muốn biết thêm, hắn đành thổ lộ sẽ đi chăm lo cho một người bạn thời niên thiếu, hiện đang sống ở đó, người bạn này đang gặp những vấn đề nghiêm trọng về sức khỏe và cần hắn giúp đỡ. Nghe xong câu chuyện ấy, những người thân quen đã nhận ra đúng là Chris, Chris của họ, nhà vô địch của lòng vị tha, và ai nấy đều ôm hắn thật chặt.

Bảy giờ tối, hắn xách va li đến gặp Axel. Axel thanh toán tiền phòng rồi bảo hắn lên xe.

Chiếc limousine lượn một vòng quanh hồ rồi dừng lại trước một khách sạn sang trọng.

— Chúng ta không đến Genève để bay sang Thượng Hải sao? Chris ngạc nhiên.

— Ngày kia.

Họ nán lại hai đêm ở khách sạn sang trọng đó, Chris không bao giờ biết được vì sao. Trong khoảng thời gian dùng chân ấy, Axel ra lệnh cho hắn thực hiện những công việc vô nghĩa, giúp gã đứng lên, giúp gã tắm rửa và sắp xếp đồ đạc. Chris tuân lệnh

bởi hắn đã hứa. Mọi việc không thành vãn đề với hắn, nhất là việc cứ ba tiếng lại đưa Axel ra bể bơi trong nhà để chăm sóc gã một cách chu đáo, cho dù hắn vẫn cảm thấy ghê sợ cái cơ thể cứng đờ, bộ xương nhẹ tênh và các cơ như bị tháo rời ấy. Hắn tự hỏi liệu những năm còn lại có giống như thế mãi hay không...

Thỉnh thoảng hắn nghe được những cuộc trao đổi qua điện thoại và nhận thấy Axel luôn có thái độ côn đồ, danh thép, bạo chúa, hay chửi rủa, khinh bỉ và bắt công.

— Axel, cậu đã làm được điều gì tốt trong những năm qua, ý mình là tử tế ấy?

— Không gì cả. Quý dữ đã giam tao rồi, Axel cười khẩy.

— Mình sẽ bắt cậu làm điều tốt.

Vào những giờ vắng vẻ, Chris thường ra ngắm cảnh vùng núi Alpes mà hắn sắp rời xa. Một khung cảnh vô định, một hồ nước nằm giữa lòng núi... Hoặc người ta có cảm giác nước lấp đầy một cái hồ quá lớn, giống một chiếc vung úp lên vực sâu, hoặc người ta thấy địa hình giống như bờ hồ hài hòa, tất cả ghép lại thành một cái nôi bao lấy những làn sóng. Tóm lại, với hắn, nơi hắn đã sống suốt mười năm qua lúc thật kinh khủng lúc lại tuyệt vời.

Vào buổi hoàng hôn trong đêm cuối cùng ở Pháp, một chiếc taxi đến chất hành lý của họ để chở ra sân bay vào ngày hôm sau. Rồi một người đàn ông Trung Quốc sống ở Genève ngồi phịch xuống sau tay lái một chiếc xe hơi màu đen. Chris không hiểu anh ta trao đổi gì với Axel, bởi họ nói tiếng Trung Quốc; hắn chỉ nhận thấy một điều rằng anh chàng người châu Á, vẻ khiếp sợ, ghi lại những gì mà Axel đọc cho anh ta lên tờ giấy.

Họ không đợi bình minh lên.

Lúc năm giờ, Axel yêu cầu Chris tắm cho mình rồi mặc quần áo, bế lên xe lăn và đánh xe đi.

Dưới bầu trời còn mờ tối mãi không chịu thức giấc, họ rời khỏi khách sạn, đi về phía hồ và chạy trên con đường quanh hồ, thận trọng vì màn sương còn bám dày đặc hai bên bờ.

— Dừng lại, ta đỗ xe ở đây, Axel ra lệnh.

Anh chàng người Tàu hôm trước đã đứng nghiêm bên lề đường, ra hiệu cho họ.

Cả hai rời khỏi xe. Không khí đặc quánh mùi của ẩm mốc và cành lá khô.

Tay người Tàu nghiêng người, chỉ về phía một con thuyền gỗ đậu ở mũi cầu tàu được ghép bằng những ván gỗ màu tro.

Theo mệnh lệnh của Axel, Chris cẩn thận hết sức giúp hắn trườn từ trên xe lăn xuống ca nô; vừa ngồi vào ghế băng phía sau, con người tàn phế ấy liền đẩy hắn ra, về tức tối.

Thế rồi họ tiến lên thật chậm để khỏi làm ồn. Bóng anh chàng người Tàu trên bờ nhỏ dần, mờ tịt rồi chìm hắn trong sương sớm.

— Ta đi đâu đây?

— Rồi mày sẽ thấy.

Chris tự hỏi: những chiếc túi đặt giữa họ trên thuyền chứa gì vậy?

Càng đi xa, con thuyền càng chìm sâu vào màn tăm tối. Đến giữa hồ, nơi sương mù đã xóa sạch bờ hồ cũng như núi non xung quanh, trong một thế giới lạnh giá, Axel tắt máy.

— Chuyến đi kết thúc ở đây.

— Ở đây á?

— Ở đây, giữa cái hồ này.

Nghe thấy thế, Chris hiểu ngay trong đầu người đi cùng hắn nghĩ gì: hồ nước đục vùng núi Alpes sẽ tiếp nối vũng nước xanh lơ dưới ánh nắng của đất nước Thái Lan, Axel muốn đến lượt Chris nếm mùi chết chìm. Theo phản xạ, hắn bật dậy, sẵn sàng lao xuống nước để thoát thân.

— Đừng động đây!

Một khẩu súng đang chìa vào hắn. Axel đã lôi nó ra từ trong túi áo.

— Tao không đùa đâu, gã nhún mạnh. Về chỗ đi. Nếu không nghe lời, tao sẽ bắn đây.

Chris ngồi xuống. Hắn muôn thương lượng, toan mở miệng...

— Im! Hôm nay tao là người nói.

Dù có thái độ dứt khoát, nhưng Axel vẫn run lên. Run vì lạnh, vì xúc động, vì sợ hãi, hay vì tức giận? Trên gương mặt hốc hác xương xẩu, đã trở nên vô cảm vì tác động của đợt hôn mê dài, người ta không nhận thấy bất cứ một sắc thái nào. Duy có cái mồm méo xệch là còn biểu lộ được tâm trạng căng thẳng.

— Hôm ấy, mày đã thích chiếc huy chương mang số một hơn tao. Có thể mày không biết rằng lúc đó tao sắp chết, nhưng giữa việc giành chiến thắng và cứu tao, mày đã không hề lưỡng lự một giây. Còn lần này, mày sẽ không thắng đâu. Mở túi ra.

Vỏ thép của khẩu súng lóe sáng như một tia chớp.

Chậm rãi, Chris cúi xuống mấy chiếc túi nặng trĩu, kéo lê chúng trên sàn gỗ về phía mình. Khi mở chúng ra, hắn thấy bên trong toàn là gạch chì được buộc nối vào nhau, hai đầu được gắn lại bằng một cái đai.

— Đeo đai vào người đi.

Chris muốn phản đối. Để trả lời, Axel gí sát nòng súng vào trán hắn.

Chris miễn cưỡng bắt đầu thực hiện.

— Thắt chặt vào! Kỹ hơn, buộc thêm nút nữa! Để mày không thể tháo nó ra được!

Axel siết ngón tay vào cò súng.

Phía trên đầu họ, một con quạ đen kêu lên một tiếng chua chát, thảm thương.

Bất ngờ, Chris không chần chừ nữa mà nhanh chóng bắt tay vào việc. Hắn thực hiện mệnh lệnh, mạnh mẽ, dứt khoát. Axel nhìn hắn, thoáng chút ngạc nhiên, nhưng không bình luận gì.

— Xong rồi, Chris lên tiếng, mình đã bị buộc chặt rồi. Tiếp theo là gì đây?

— Ôi, vôi vàng quá nhỉ...

— Chậm lại cũng chẳng để làm gì khi mình biết kết cục sẽ thế nào. Mình nhảy xuống nước hay cậu giết mình ngay ở đây?

— Bình tĩnh. Hình như mày thích điều này?

— Mình thấy cần thiết phải thế thôi.

— Bình tĩnh, tao nhắc lại. Làm theo tốc độ của tao. Tao mới là người bày ra những trò này. Không phải mày.

— Có chứ. Cả mình nữa. Một phần nhỏ. Mình chịu trách nhiệm đối với con người mà cậu đã trở thành.

— Tởm phũ ư? Axel phì cười hỏi lại.

— Không, sát nhân. Cậu còn nhớ Paul Brown từng gọi chúng mình là gì không, anh chàng người Mỹ tổ chức các kỳ thực tập âm nhạc ấy? Hai kẻ vừa là anh em vừa là kẻ thù, Cain và Abel. Mình là đứa xấu, là Cain, còn cậu là Abel, người tốt. Mình là kẻ phải giết người em trai. Chính là việc mình đã làm.

Axel nhìn hắn, đầy căm thù.

— À, dù sao mày cũng thấy mình có tội?

— Rất có tội. Giờ đây cậu nhìn xem: giờ cậu là Cain còn mình là Abel. Thật ngớ ngẩn đúng không? Trong hai mươi năm, chúng ta đã hoán đổi vai trò cho nhau rồi. Cậu chỉ còn là một trái bom chứa đầy đau khổ, phần uất và thù hận. Mình đã biến cậu từ một con người tuyệt vời thành một con quái vật. Làm sao mình lại không xấu hổ kia chứ?

Axel chìa súng vào hắn, sẵn sàng nhả đạn.

— Im đi!

Chris vẫn hăng say nói tiếp:

— Mình đã làm hỏng cậu, Axel ạ. Mình không chỉ làm hỏng cuộc đời, mà mình còn làm hỏng cậu. Cậu đã trở thành một người hoàn toàn đối lập với con người cậu trước kia. Mình từng biết một thiên thần, và mình đã tạo ra một ác quỷ.

— Im đi! Tao chịu trách nhiệm về con người hiện nay của tao. Tao đã muốn thế, “Không bao giờ thế nữa”, đó là điều mà tao đã tự nhủ khi tỉnh dậy sau trận hôn mê, “Không bao giờ thế nữa, mình sẽ không bao giờ là nạn nhân nữa.”

— Là thật. “Không bao giờ thế nữa”, mình cũng đã tự hứa như thế khi trở về Paris: “Không bao giờ thế nữa, mình sẽ không bao giờ là kẻ giết người nữa.”

Cả hai suy nghĩ một lúc về số phận trở trêu đã biến một kẻ khốn thành một người vị tha, và một vị thánh thành một tên vô lại chỉ sau một sự kiện.

Màn sương chuyển động, sâu thẳm và nhẹ bồng, một màn sương trắng phủ kín hai người, nhẹ nhàng khâm liệm họ dưới lớp áo choàng vừa dày vừa âm thầm của mình.

Axel nói tiếp, vẻ suy tư:

— Tuần này lúc tao gặp mày ở quán cà phê, mày đã nhắc đến “sám hối” với một trong những cậu bé tuyệt vọng của mày. Từ nhiều năm nay tao đã không nghe đến từ này, cũng không nghĩ gì đến ý nghĩa của nó cả. Khi ấy mày đã run lên vì niềm tin, và tao đoán mày đang nói về bản thân. Sau khi bỏ mặc tao cùng queo như một cái móc câu dưới đáy biển, mày đã thấy sám hối trong lòng. Lúc đó tao hiểu tao đã đi theo một con đường hoàn toàn trái ngược; tao đi xuống còn mày đi lên. Thế ngược lại với sám hối là gì? Suy đồi chăng? Đày đọa chăng? Phải, chắc chắn là đày đọa... Khi tao nói ra từ đó, tao thấy đau, tao thấy mình lại là nạn nhân lần thứ hai.

— Sai rồi. Nếu cậu luôn là nạn nhân của những người khác, thì cậu hoàn toàn có thể tránh không trở thành nạn nhân của chính bản thân mình. Nó nằm trong khả năng của cậu. Chỉ phụ thuộc vào cậu mà thôi.

— Tao kiệt sức rồi, Chris ạ. Một khi đã chìm trong sự vô sỉ, mày không thoát ra được nữa, mày không còn lý tưởng, mày coi thường tất cả trừ nỗi đau. Ấy vậy mà từ khi gặp lại mày ở đây, nỗi đau luôn đeo đẳng lấy tao, nó lớn dần lên. Bởi lẽ tình thế đã thay đổi... Cách đây không lâu tao căm thù mày, giờ thì tao căm thù bản thân. Tao nhìn mình bằng đôi mắt của mày, tao nhớ lại con người trước đây của mình, tạo so sánh. Tao còn lại gì nào, Chris tao còn lại được gì?

Nêu Axel bỏ cặp kính đen xuống, chắc hẳn Chris đã thấy được đôi mắt đắm lệ của gã.

Hắn đứng lên.

— Mình có thể làm điều gì đó giúp cậu.

— Không ai giúp được gì cho tao cả.

— Có. Mình đây. Mình có thể giúp cậu trở lại thành người tốt.

— Điều đó là không thể. Trước hết, tao không muốn thế.

— Mình sẽ ép cậu.

Nói rồi Chris tóm lấy những viên gạch chì, nhìn vào màn sương mù phía bên phải và nhảy xuống.

Tất cả diễn ra nhanh đến mức Axel chỉ định thần được điều gì đã xảy ra khi cơ thể ấy chạm vào mặt nước.

Chris ngóc đầu lên đúng một giây, không hơn, phía trên những ngọn sóng, thời gian đủ để cơ bắp hắn toan cưỡng lại, đủ để đôi mắt hắn nhìn vào Axel. Sau đó, sức nặng kéo tuột hắn xuống đáy hồ.

Không có chút bọt khí nào nổi lên. Chắc hẳn Chris đã nín thở theo phản xạ.

Axel chờ người nhìn những vòng tròn đồng tâm lặng dần, mặt hồ yên ả trở lại.

Gã cứ nghĩ mình phải thấy thỏa mãn lắm. Nhưng đó là ý chí gã rủ rỉ với gã thôi, chứ bản thân gã không cảm ý thấy gì.

Bỗng nhiên, những chùm bóng khí nổi lên trên mặt nước; từ đáy hồ, âm thanh của chúng vang lên như tiếng người, như một âm thanh phát ra từ miệng, như thể chúng tỏ ra vui sướng khi được trở về đúng chỗ của mình, được thoát khỏi môi trường thù hận.

Axel không chịu nổi được cảm giác đó. Gã chợt hiểu ra người bạn đồng hành đang hấp hối.

— Chris! gã gào lên.

Tiếng thét của gã bay vào màn không khí tĩnh mịch lạnh lùng nơi những ngọn núi đang ngủ yên. Nó chìm ngấm. Không

có tiếng trả lời.

Thế là, để cứu Chris, Axel lao mình xuống nước.

*

Đã nhiều năm rồi, lão Queraz, người câu cá theo mùa, một người vùng Savoie có gương mặt sạm nâu vì sống giữa thiên nhiên, vẫn kể cho những kẻ hiếu kỳ, cho những vị khách du lịch chịu nghe lão, một câu chuyện khiến họ day dứt mãi.

Một buổi sáng, trong lúc đang ngồi trên ghẹo con cá trên mỏm đá nằm sát con đường chạy từ ngôi nhà gỗ Combaz, một khối đá nhô ra rất có ích cho những ngày không mang thuyền ra câu, lão đã được chứng kiến một cảnh tượng khó tin. Vì cứ đến tháng Mười một, nơi đây lại có những màn sương mù di chuyển tạo nên một vũ điệu mềm mại trên mặt hồ, khi thì che khuất khi lại làm lộ ra những ngọn sóng. Có lúc lão Queraz thoáng thấy một chiếc thuyền gỗ phía xa, con thuyền đã tắt máy, trên thuyền có hai người đàn ông đang bình thản nói chuyện. Sau đó màn sương lại che phủ cảnh tượng ấy. Rồi lão lại nhìn thấy con thuyền vào lúc một trong hai người đàn ông nhảy xuống cùng với mấy cái túi. Một vận động viên lặn ư? Người còn lại hét rống lên, khá hoảng sợ, rồi đến lượt mình cũng trườn xuống hồ. Cảnh tượng lại một lần nữa bị che phủ bởi một màn sương. Hai phút sau, khi cảnh vật sáng rõ trở lại, lão Queraz thấp thoáng nhìn thấy hai cái đầu nổi lên mặt nước, phải, dường như người đàn ông thứ hai đã lôi được người đàn ông thứ nhất lên, nhưng giờ cả hai đã ở khá xa con thuyền. Một cơn gió lại khiến cảnh tượng bị che khuất. Rồi mưa nặng hạt ít nhất phải đến mười phút. Cuối cùng, khi trời quang hắt, chỉ còn lại duy nhất con thuyền đơn độc giữa hồ nước. Hai người đàn ông ấy đâu rồi? Dưới lòng hồ hay đã lên bờ? Chết chìm hay đã được cứu thoát? Lão ngỡ mình vừa mơ.

Sau suốt một tuần suy nghĩ và cân nhắc, cuối cùng lão Queraz đã uống rượu để lấy can đảm đến kể câu chuyện đó cho cảnh sát.

— Nêu người ta trình báo có hai người bị mất tích, một tay cảnh sát đeo hàm hạ sỹ cười khẩy nói với lão, thì chúng tôi sẽ đến để nghe ông kể tiểu thuyết của mình. Từ giờ đến lúc ấy, ông cứ đi nốc thật nhiều vào.

Hơi thở nồng nặc khiến mấy tay viên chức không buồn nghe lão già mù chữ.

Việc đó đã khiến lão Queraz tức giận đến mức từ dạo đó lão bắt đầu hút thuốc Gauloises nâu không đầu lọc và lúc nào cũng uống rượu ngải băng, một loại rượu của người dân vùng núi Alpes.

Trí óc suy kiệt vì rượu, lão gần như quên hẳn những gì mình nhìn thấy trước đó, cho đến khi một sự kiện khiến lão nhớ lại tất cả.

Mười năm sau, trong lúc tháo nước để thau dọn hồ, người ta tìm thấy hai xác chết. Dưới lòng hồ có hai cơ thể lộn đầu đuôi quần chặt lấy nhau: giống hai người con sinh đôi ôm nhau trong bụng mẹ.

Người ta không bao giờ biết được họ là ai. Tuy nhiên, bởi hai bộ xương ấy giống nhau đến mức chúng làm tất cả các công nhân phát hiện ra đều phải kinh ngạc, nên người ta đã gọi mỏm đá đối diện với nơi họ từng đến và chết, mỏm đá mà từ đó lão Queraz đã được chứng kiến nỗ lực cuối cùng của họ để cứu nhau, là mỏm đá Cain và Abel.

MỘT MỐI TÌNH Ở ĐIỆN ÉLYSÉE

Vừa về đến nhà hòng trốn tránh phố xá khi đứng giữa bốn bức tường nhưng bà đã lại muốn bỏ đi ngay lập tức. Cảm giác khó chịu ấy mỗi ngày lại khiến bà khổ sở hơn: không có nơi nào đem lại cho bà sự thoải mái cả.

Bà nhìn xung quanh mong tìm thấy giữa những đồ gỗ, tranh vẽ và các vật dụng khác một điều gì đó có thể giúp bà cảm thấy yên lòng, khiến bà thấy tin tưởng và đưa bà trở về quá khứ. Nhưng vô ích. Nằm trên tầng áp mái của cung điện. Căn hộ được bài trí lại một cách có gu nhưng dễ khiến người ta nản lòng: tất cả, từ đường phào trang trí nhỏ nhất đến vải bọc ghế đệm đều do một trong các kiến trúc sư đương đại giỏi nhất thiết kế; chỉ cần dịch chuyển một chiếc ghế bành hay vắt một chiếc áo len màu mè lên sự kết hợp của màu be và màu gỗ vàng chanh là sự hài hòa bị phá hỏng; mỗi dấu vết của một cuộc sống khác, mang tính cá nhân và không liên quan đến nổi ám ảnh của người nghệ sĩ, đều trở thành một lời nguyên rửa, một lời tục tĩu chói tai. Trong khung cảnh bài trí được xem là dành cho riêng mình, bà luôn cảm thấy xa lạ.

Bà không bật đèn, ngồi xuống tràng kỷ như một vị khách ghé thăm.

Hôm nay là một ngày xám xịt, chỉ có bề mặt bóng loáng của những chiếc hộp làm bằng bạc là còn phát sáng. Ngoài kia, tuyết nhẹ nhàng rơi. Dưới phố, dòng xe hơi hủ lậu đi trong mớ âm thanh êm ái.

Catherine nghĩ rằng cuộc đời bà giống như một buổi chiều Chủ nhật dài dặc và u ám, đầy những hy vọng không thể nào định nghĩa, những tiếc nuối mơ hồ, khi mà nỗi cay đắng thống

trị trong lòng ngăn không cho bà tận hưởng những thứ ít ỏi đang có.

Không có việc gì để làm, bà bèn vợ lấy cuốn tạp chí mà thư ký riêng đã gửi cho bà. Một bức chân dung của bà và chồng in ngay trên trang bìa, kèm theo lời chú thích: “Một tình yêu mẫu mực”.

Bà cúi xuống tờ báo và mỉm cười. Gương mặt bà trông thanh lịch, yếu đuối, trắng muốt như một món đồ sứ không tráng men.

— Một tình yêu mẫu mực... Thật khéo tưởng tượng!

Bằng những đầu ngón tay có móng sơn màu đỏ, màu của phúc bồn tử đông lạnh, một sắc độ đậm và rõ nét như màu sơn thùng xe, Catherine lật giở tờ báo tuần nổi tiếng nhất nước Pháp, một tờ báo lá cải chẳng người nào bỏ tiền ra mua nhưng cứ như có phép màu ai ai cũng đọc được, ảnh hai vợ chồng bà xuất hiện trên nhiều trang. Chú thích lấy lại từ tit bài phóng sự “Một tình yêu mẫu mực” lặp đi lặp lại dưới mỗi bức ảnh. Bà và Henri cùng cười trước ống kính, tay trong tay, vai kề vai, nhả nhặn, sạch sẽ, chau chuốt, tạo dáng hay đúng hơn là được sắp xếp trong những căn hộ tổng thống không chê vào đâu được.

— Đẹp đôi không? Catherine tự hỏi.

Bà khó lòng trả lời được; bằng con mắt đã trở nên chuyên nghiệp nhờ kinh nghiệm chính trường sau hai mươi lăm năm, bà hiểu rõ những bức ảnh tuyệt vời ấy, nhưng họ thì sao? Hẳn nhiên, vợ chồng bà đã được trang điểm để che đi khiếm khuyết, công đoạn chỉnh sửa ảnh làm nổi bật các ưu điểm, mỗi người đều diện những bộ trang phục làm tôn lên giá trị của mình. Phải, họ đã chiến thắng trước sức tàn phá của thời gian, xuất hiện trong dáng vẻ tuyệt vời nhất, phù hợp với hình tượng của họ; ấy thế nhưng họ có đẹp đôi không?

— Nếu quen biết họ mình có thích vợ chồng này không nhỉ?

Thật khó trả lời. Ngay cả khi đã thôi nghĩ rằng bài báo đó nói về họ, thì bà vẫn tiếp tục thấy một cặp vợ chồng quyền lực, một cặp vợ chồng sống trên tất cả những người khác. Lạ thay bà không hề thấy thích như thế. Dù thăng tiến ngoài xã hội, nhưng

trong con người bà vẫn còn lưu lại một học sinh trường Mỹ thuật đã chọn con đường chống chủ nghĩa thủ cựu và sự nghiệp học hành không nhìn thấy đầu ra, một cô gái trẻ ưa thích tự do thà ăn mì trong nhiều tháng còn hơn phải chịu sống nhờ chu cấp của cha mẹ, một người phụ nữ tự do đã gặp Henri trong một quán bar gần phố Assas mà không tin rằng câu chuyện của họ sẽ còn kéo dài. Hai mươi lăm năm sau, cô sinh viên phóng khoáng bị còng tay kéo đến vinh quang, bị đóng khung trong hình ảnh một nhân vật chức trọng, là Bà Morel, Đệ nhất Phu nhân nước Pháp, Phu nhân Tổng thống Cộng hòa Pháp, với chân dung được đóng khung mạ vàng treo trong cung điện Élysée.

— Dù sao thì cũng có một điều chắc chắn là, người phụ nữ tuyệt vời trong những bức ảnh này, mình sẽ không giao du với bà ta.

Rồi bà tự lên án mình: trong bộ cánh có họa tiết đơn giản được đặt may riêng bằng loại vải đắt tiền, đôi giày cao gót dù không quá sexy, mái tóc được uốn cứng như một chiếc mũ chụp đầu, dáng vẻ đoan trang, bà đã biến mình thành một quý tộc mất rồi. Quá trình thay đổi đó cứ từ từ diễn ra dù bà không hề muốn thế. Lúc đầu, Catherine không quá để ý đến cách ăn mặc mà chủ yếu là chất lên mình những váy, áo sơ mi, jupe dài với áo gi lê kiểu thổ dân, màu mè, rẻ tiền bà vẫn hay mua ở các khu phố bình dân nơi bà thuê một căn phòng áp mái gần ga Bắc; nhiều lắm thì, để giải thích vì sao chọn chúng, bà hẳn sẽ khẳng định là mình thích chất vải cô tông thô, thích được cảm nhận thấy nó chạm nhẹ lên cơ thể mảnh mai của bà. Sau đó, khi sánh vai cùng người chồng ngày càng leo cao trên nấc thang quyền lực, cách ăn mặc cầu thả của bà đã khiến nhiều người để ý: trong khi bà không để ý đến áo quần, phong cách vô tư của bà đã trở thành tâm điểm của các lời bàn tán, gây ra nhiều cuộc tranh cãi. Từ chỗ thờ ơ với thời trang, bà sẵn sàng để ý đến nó, âu cũng là một chiến thuật truyền thông của chồng bà; mỗi khi nhắc đến Bà Morel, người ta bao giờ cũng bắt đầu hoặc kết thúc bằng việc bà mặc gì, đôi lúc là để ca ngợi, nhưng chủ yếu vẫn là chế nhạo. Cuối cùng, để chấm dứt những lời chế nhạo đó, bà đành chịu

thua tư tưởng bảo thủ, thay toàn bộ tủ quần áo mang phong cách hip pi bằng những bộ trang phục được thiết kế riêng cho phụ nữ có chức có quyền ở tuổi mình. Làm sao cho xứng đáng chứ...

— Xứng đáng! Mà thấy chưa, Catherine tội nghiệp, mà xuất hiện như một con mụ lỗ bịch tin rằng mình đang ăn mặc “một cách xứng đáng”. Những kẻ ngu ngốc đã thắng cuộc rồi: đầu óc mày giờ ngu dốt như bọn họ.

Bà nghiêng người nhìn bức ảnh chụp cảnh bà đang đón thủ tướng Đức trong gian đại sảnh lạnh lẽo của điện Élysée: bà ghét người phụ nữ mình nhìn thấy trong ảnh. Hiển nhiên trông bà hoàn hảo, duyên dáng, lịch lãm, nhưng bà tự trách mình vì đã mỉm cười, đã diễn hài vì đã quá giỏi và không dám thể hiện sự khó chịu của mình. Người ta đã gán cho bà một vai diễn mà bà không hề muốn, vợ của một chính khách; lúc đầu là vợ một nghị sĩ, rồi đến vợ của một nghị sĩ kiêm thị trưởng, rồi vợ bộ trưởng, mỗi lần bà lại đánh mất thêm một chút tự do; sau những vòng bầu cử tồi tệ, bà trở thành phu nhân người đứng đầu phe đối lập, và giai đoạn đẹp nhất đó đúng ra mới thật kỳ cục; rồi cuối cùng, thật không may, từ vài năm nay, bà bỗng dưng trở thành Phu nhân Tổng thống.

— Sẽ chẳng ai tin nếu mình nói đã làm hỏng đời mình.

Bà đang vừa lật từng trang phóng sự về “Một tình yêu mầu mực” vừa cười khẩy thì thấy một bức ảnh chụp bà trong phòng khách dát vàng chăm chú đọc một cuốn sách nghệ thuật; nhà báo chú thích là “Bà Morel muốn chia sẻ niềm đam mê nghệ thuật đương đại của mình với người chồng thực tế.” Phải rồi, tay nhà báo dốt nát này nói có lý quá đi, bà từng thử làm thế trong khoảng ba mươi giây, thậm chí là một phút, thời gian đủ để chụp một bức ảnh, không hơn; hơn nữa, bà đã nói vớ nói vẩn gì đó khi chỉ vào các bản tranh được sao chép lại: nói những điều hợp lẽ làm gì khi mà Henri không nghe, đó chỉ là một cảnh diễn, một bức tranh câm lặng trong phòng mà thôi.

— Thế còn Henri thì sao? Nếu bây giờ mới gặp ông ta lần đầu, liệu mình sẽ thấy sao nhỉ?

Ý nghĩ này khiến bà để tâm hơn những gì bà nghĩ trước đó. Bà ngẩng nhìn kỹ chồng mình trong bức ảnh bóng loáng.

— Thử chơi trò này xem sao, Catherine, hãy xóa đi mọi kỷ niệm, coi như mày không biết ông ta.

Bà rùng mình: ông gây ấn tượng với bà.

Đúng rồi, ông gây cho bà ấn tượng với đôi môi của một kẻ lưu manh, hàng lông mày đầy vẻ mỉa mai, hàm răng hoàn hảo, mái tóc đen bóng như lông quạ, chiếc cổ bự nhô ra khỏi chiếc áo màu xanh nước biển với phần cổ áo không thể chệch vào đâu được. Sao lại có thể thế chứ? Sau hai mươi lăm năm chung sống, bà lại run rẩy khi nhìn thấy đôi bàn tay rắn chắc được sinh ra để chống nạnh; bà xúc động khi thấy chiếc mũi khoằm, quyết đoán, tràn đầy năng lượng; bà xao động trước đôi mắt sáng như có lửa của ông. Vậy là, bà có thể sẽ phải lòng người đàn ông ấy nếu hôm nay mới gặp ông lần đầu?

Catherine ngẩng đầu lên và tập trung suy nghĩ, lòng xáo trộn trong lúc ngẩng nhìn quang cảnh công viên tuyết phủ trắng xóa. Trên hồ nước đóng băng của cung điện Élysée, đám chim mòng biển đang gào lên, gất gỏng, tức tối.

Bà bối rối với phát hiện của mình: không biết tin lành hay tin dữ đây?

Tin dữ rồi! Thật là tiện khi nghĩ rằng tất cả đã chết kể từ khi họ bị giam cầm trong vai diễn của mình. Tại sao lại phải đánh thức một pho tượng làm gì kia chứ? Mình đâu có biết liệu ở bảo tàng Grévin, những gương mặt bằng sáp kia có muốn được người ta làm sống lại, liệu Jeanne d'Arc có muốn bị thiêu một lần nữa, liệu vua Louis XVI có muốn bước lại lên máy chém, hay liệu nàng Juliette có sung sướng lao vào một cuộc phiêu lưu định mệnh khác với chàng Roméo gốc nghèo hay không. Không, không việc gì phải làm sống lại những con búp bê cũ kỹ ấy, cứ để chúng bị phủ bụi, mờ đi, chìm trong quên lãng và lãng lẽ rời khỏi ký ức của những người đang sống. Đó là cách mà Catherine Morel muốn sống từ nhiều năm nay. Vậy nên việc bà ham muốn người đàn ông năm mươi tuổi mà ông Morel đã trở thành không phải là một tin lành, và không chỉ có Henri, cả

chàng thanh niên với mái tóc rối bởi xưa kia mà giờ đây được ướp hương trong trang phục của một vị Tổng thống. Đó không thể là một tin lành.

Ấy thế nhưng... Giá mà đúng như vậy... Giá mà họ từ bỏ được thói quen... Giá mà họ lại bùng cháy một lần nữa... Giá mà họ thể hiện tốt hơn vai diễn của mỗi người...

Theo bản năng, bà đi về phía căn phòng của Henri, đó là nơi mà bà, giống như vợ của Yêu Râu Xanh, không được phép lui tới bao giờ. Thực tế thì bà vẫn thường vào đó bởi phòng tắm trong đó là một nơi bí hiểm suốt cả ngày, một căn phòng cho dù có mặt hay không thì ông vẫn hiện hữu ở đó, nơi tỏa mùi oải hương từ chiếc khăn tắm, kem đánh răng, những giọt nước lạnh lẻo bám trên phiến đá cẩm thạch, đám bọt mùi lô hội; một nơi bí hiểm bởi vẫn có bóng dáng của chồng bà quanh quẩn ở đó; bí hiểm bởi ông không chấp nhận việc bà bước vào đó cùng mình; bí hiểm bởi cái hành lang này từng đưa họ đến với khát khao trước cái đêm hai cơ thể quấn lấy nhau trên giường. Tiền sảnh tình yêu...

Bà thở dài. Buồn thay, đã lâu lắm rồi, nơi nguy hiểm này không còn gợi nên bất cứ một ham muốn nào... Dù vẫn ngủ chung một giường, nhưng Henri và bà không còn chạm vào nhau nữa. Giữa họ giờ là nhàm chán...

Bà trở về phòng khách, cầm tờ báo, ngắm nhìn chồng qua những bức ảnh.

— Người đàn ông này hấp dẫn mình bởi mình không biết ông ta là ai. Ví dụ như, nhìn dáng vẻ này mình tưởng ông ta là người ngay thẳng, nhìn nụ cười này mình ngỡ ông ta là kẻ bộc trực. Ấy vậy mà mình biết... đã quá muộn... mình biết ông ta là ai, ông ta có khả năng làm được những gì... mình biết rằng...

Đúng lúc đó Tổng thống Morel xuất hiện trong chiếc áo màu xanh da trời, mặt đỏ bừng, mồ hôi vã ra, nụ cười méo mó trên môi.

— Ô, em ở đây à? ông nói, bất ngờ, có phần đột ngột. Anh tưởng em đang đi mua sắm...

— Xin lỗi anh. Ngoài cửa hiệu không còn thứ gì làm em thích nên em về luôn.

Ông lại gần lo lắng hỏi:

— Em ổn chứ?

Không hiểu ông lo lắng thật hay là giả vờ?

— Em ổn. Em đang đọc phóng sự này về chúng ta.

— Rất hay phải không? Rigaud rất hài lòng.

— Nếu Rigaud hài lòng...

Bà suýt nữa thì nói “Nếu cố vấn truyền thông của Tổng thống hài lòng, thì lão Tổng thống bù nhìn cũng phải câm miệng thôi”, nhưng đã kịp nhin không nói ra suy nghĩ ấy.

— Tất cả mọi người đều thấy em tuyệt vời, ông nói trong lúc bước vào phòng tắm.

— “Tất cả mọi người” là ai? Anh đã cho người đi thăm dò ý kiến à? Hay tổ chức một cuộc trưng cầu ý dân?

— Tất cả mọi người là tất cả cánh đàn ông làm ở văn phòng anh.

— Thế còn các bà các cô thì sao?

— Cũng thế.

Đang sau cánh cửa khép hờ, ông mở tủ, pha nước tắm, mở những lọ thủy tinh nhỏ.

Trong giây lát, bà thoáng có ý muốn kiểm soát gây sự, vì nghi ngờ ông sẽ đi gặp người tình; bà không thêm quan tâm, hoàn toàn không thêm đếm xỉa đến việc bị phản bội bởi ông đã lừa dối bà từ nhiều năm nay, nhưng nhận thấy cung cách cư xử của ông thật vô lý, thô thiển và không thể chấp nhận được: cứ lúc nào chuẩn bị đi gặp người tình là ông lại tuôn ra với bà một mớ những lời xu nịnh. Suýt nữa thì bà nói: “Anh có tuôn ra những lời khen ấy với con đi của anh như đã nói với tôi trong lúc ngắm vuốt chải chuốt để đi gặp nó không? Nếu nó không hẳn là một con đi thì nó sẽ phật lòng đấy. Như tôi lúc này đây.” Thế nhưng, bà đành lòng mỉm cười hỏi thêm:

— Lại có việc gì không được ư?

— Một cuộc gặp gỡ ở trường đại học Jussieu.

Lạ gì, ông lấy cớ có việc phải đi công cán để tranh thủ ghé thăm đám nhân tình trước đã; ông lên kế hoạch hết rồi; chỉ có lái xe riêng và đảm vệ sĩ là bí mật giúp ông hoàn thành tội lỗi ấy; xe sẽ đứng chờ dưới chân một khu nhà nào đó trong lúc ông thực hiện công việc khổ sai của mình; với nhân tình, ông chỉ kịp làm cho mình sung sướng chứ không kịp làm cho cô ta sung sướng. Từ tận đáy lòng, bà không thêm ghen với đám ấy, với cái đám giẻ chùi chân của một gã lúc nào cũng bận vắt chân lên cổ...

Bà mỉm cười bật một trong số các đĩa nhạc yêu thích nhất.

Henri từ trong phòng tắm bước ra, mặc một chiếc áo sơ mi mới tinh, đang giơ tay thắt nột chiếc cà vạt.

— Tạm biệt em nhé, Catherine, hẹn em tối nay.

— Không được rồi. Em sẽ đi xem kịch. vở kịch mới nhất của Schmitt.

— Vậy à, quan trọng không?

— Với những người yêu kịch thì có, với những người khác thì nó thậm chí còn không tồn tại. Anh yên tâm: em đến đó trên danh nghĩa vợ chồng mình. Em tình nguyện hy sinh như mọi lần.

— Em cứ cần nhần nhưng em thích xem kịch đó thôi.

Ông khoan khoái bước tới, cúi xuống chìa môi ra như một kẻ bận rộn đang cố tỏ vẻ dụi dàng.

Đúng vào giây phút ấy, bà ngửi thấy mùi nước hoa của ông. Ngay lập tức bà sững người. Nước hoa này ở đâu ra? Ai tặng? Ai là người đã chọn mùi hương lạ lẫm này? Không nghi ngờ gì nữa: ông đã có người tình mới, một người đàn bà mà ông hay lui tới. Gái điếm không bao giờ tặng nước hoa, chỉ người tình mới dám liều lĩnh thế. Thường thì Catherine vẫn giấu suy nghĩ của mình, nhưng lần này bà thắc mắc ngay:

— Ai tặng anh nước hoa này thế?

— Nhưng... nhưng... em tặng mà.

— Không phải em.

— À... anh tưởng là...

— Không.

— Này em... anh không biết... Anh không để ý... Anh vẫn hay nhận được hàng đồng quà cáp... Hay là Rigaud nhỉ?

— Giờ anh lại còn dùng nước hoa do đàn ông chọn nữa cơ à?

— Sao lại không? Em không định ghen tuông chỉ vì một mùi nước hoa đấy chứ?

— Không, em đâu ngốc thế: em có nhiều lý do chính đáng hơn để ghen tuông chứ không phải vì một mùi nước hoa; tới mức một chính trị gia không thuyết phục được ai, em đang băn khoăn không biết chọn lý do gì đây.

Ông nhìn vợ như bị chạm nọc và sẵn sàng gây chiến, nhưng đâu khuất phục được bà.

Bà đẩy ông ra và nhẹ nhàng nói tiếp:

— Em không gây xì căng đan đâu. Em không hề thấy ghen chút nào.

— À... tốt thôi.

— Không một tí nào đâu. Hết sức bình tĩnh. Thậm chí thấy lạ lùng... Có lẽ người ta đã đúng khi khẳng định rằng ghen tuông là một biểu hiện của tình yêu?

Lần này thì ông run lên vì bị tổn thương. Bà thích thú khi thấy ngài Tổng thống tội nghiệp vốn quen với những lời xu nịnh và được bảo vệ hết mức giờ trở nên dễ bị tổn thương đến vậy: chỉ vì một lời nhận xét băng quơ mà ông điên tiết hết như bị thất bại trong cuộc bầu cử.

— Anh không chắc là hiểu em nói gì, ông nói khẽ.

Ông vẫn cố bởi thông thường ông đâu sợ những cuộc cãi vã kiểu này, Catherine vẫn thường kìm nén những lời đả kích trong lòng. Bà nhớ ra nét tính cách ấy, và đúng lúc đó chợt nhận ra rằng ông đã quá may mắn: vậy nên bà quyết định hành động ngược với mọi khi.

— Anh đã hiểu, Henri ạ. Tôi không còn yêu anh nữa. Không một chút nào nữa.

Vị Tổng thông bỗng như một đứa trẻ bị bắt quả tang, bị trừng phạt, đau đớn, thất vọng, một thằng bé cố chịu nỗi đau, gồng mình để cư xử như một gã đàn ông trưởng thành. Rồi để hạ đo ván ông, bà nói thêm:

— Và điều này không phải mới.

— Catherine, em đùa à?

— Anh thấy vui sao?

— Không.

— Vậy không phải tôi đùa.

Ông lắp bắp không nên lời, uất nghẹn vì tức. Hoảng sợ như một chú thỏ con bị đèn pha rọi thẳng, lo lắng tột cùng, ông lùi lại một bước, nhăn mũi, rồi toàn thân run lên. Ông không thốt ra được một lời, và đúng lúc định nói gì đó thì Catherine chặn họng:

— Henri, tôi biết rõ là anh không đau khổ. Chỉ là lòng tự ái của anh đang bị chạm nọc thôi. Cái tôi trong anh lớn thế kia mà. Lớn cỡ nào? Cứ cho là nó chiếm tám mươi, tám mươi lăm phần trăm trong con người anh? Cũng may mà chỉ vài phút nữa thôi anh sẽ được bồ nhí an ủi vỗ về, cái ả tặng anh nước hoa ấy.

Ông tái mặt, không hiểu mình bị sốc trước lời nói của Catherine hay giọng nói của bà nữa, nó xa cách, mỉa mai, gần như vô cảm.

— Đã lâu chưa?

— Lâu cái gì, Henri?

— Rằng... rằng em... rằng em không... Điều mà em vừa nói ra ấy...

— À, rằng tôi không yêu anh nữa ư?

Bà suy nghĩ.

— Rất lâu rồi. Có thể nói là từ khi anh không còn một giờ phút nào dành cho tôi nữa, nhưng không đúng, từ trước đó rồi. Có thể nói là từ khi anh dùng hình ảnh hai ta để thuyết phục người Pháp rằng anh là một người đàn ông giống họ nhưng không đúng, từ trước đó rồi. Có thể nói là từ khi anh ôm hôn tôi

trước bàn dân thiên hạ nhưng không khi nào hôn tôi khi chỉ có hai ta, nhưng không đúng, từ trước đó rồi. Có thể nói là từ khi anh có bồ, nhưng không đúng, từ trước đó rồi. Có thể nói là từ khi anh đang tâm mang đứa con gái bị điếc của anh ra để cầu xin lòng thương của thiên hạ, nhưng không đúng, từ trước đó rồi. Sự thật là từ khi có vụ mưu sát. Vụ mưu sát trên phố Fourmillon.

Ông choáng váng, môi run lên vì giận dữ. Giọng ông vang lên giữa căn phòng trăm tuổi, lạnh lùng, sắc lẹm.

— Cô muốn nói gì?

— Anh hiểu tôi mà. Tôi biết.

— Cô biết gì?

Người Pháp không ai quên vụ mưu sát trên phố Fourmillon. Theo các chuyên gia chính trị, nếu năm đó Henri giành được những lá phiếu còn thiếu trước đó thì là bởi ông đã trở thành nạn nhân của một vụ tấn công bản thủ. Trong một lần ông đang di chuyển, hai người đàn ông trùm kín mặt đã bắn vào chiếc xe chở ông. Tuy bị thương, Henri vẫn muốn lao theo bọn chúng nhưng đành bỏ cuộc để chăm sóc cho người tài xế đang mất máu. Dân chúng đã ca ngợi lòng dũng cảm của ông; ngay ngày hôm sau, ông trở thành một chính khách anh hùng; và trong vòng bốn mươi tám tiếng, những kẻ đối lập bị lên án là cực đoan, cố hữu, nguy hiểm, đến mức sẵn sàng tổ chức một vụ ám sát. Vụ việc đã làm cho phe đối lập mất uy tín, và ông đã giành thắng lợi dễ dàng trong cuộc bầu cử tổng thống năm ấy.

— Tôi biết, Henri thân mến, tôi biết điều mà một số người đã nghi ngờ nhưng không dám viết ra. Tôi biết điều mà anh sẽ kiên quyết và phần nộ phủ nhận cho đến tận lúc chết. Tôi biết anh đã làm gì: anh đã lập mưu, tổ chức và chi tiền cho vụ mưu sát ấy. Đơn thuần là một chiến dịch truyền thông mà thôi. Quá rõ rồi, vả lại, nhờ toan tính đó mà anh đã trở thành tổng thống. Thật đáng thương cho nhân viên cũ của anh, chỉ vì tham vọng của anh mà anh ta phải gắn cuộc đời mình với chiếc xe lăn, tứ chi bị liệt. Tôi đã khinh bỉ anh kể từ ngày đó.

Một bầu im lặng bao trùm đầy hai con người xa cách hơn nữa. Một mối thù hận lạnh băng xâm chiếm cả căn phòng.

— Tôi nghĩ cô bị điên rồi, ông chậm rãi nói.

Bà cầm tờ báo, chìa ra cho ông.

— Giờ thì nhìn đây! Sau khi đã biết rằng tôi rõ mọi chuyện, hãy nhìn xem! Nhìn xem anh đang sống với một diễn viên giỏi giang cỡ nào... Tôi biết hết các trò hề tiện của anh nhưng tôi vẫn mỉm cười. Tôi buồn chán nhưng vẫn cười với anh. Tôi bất hạnh nhưng vẫn cười. Tôi căm ghét anh nhưng vẫn cười. Thật đáng phục, phải không? Tôi chẳng có vẻ gì là nạn nhân, cũng chẳng giống đao phủ. Diễn quá xuất sắc, anh không vỗ tay tán thưởng sao? Anh nên tán dương bởi anh là người duy nhất có thể hiểu được thành tích này. “Một tình yêu mẫu mực”, anh chàng Rigaud của anh thật có lý khi hài lòng về bài báo này: anh đã thoát được điều tồi tệ nhất!

— Là xung đột sao? ông hỏi.

— Hoàn toàn không, là cuộc sống của hai ta.

Henri muốn nói gì đó để đáp trả, nhưng không tìm được lời nào, bèn đi ra cửa, khó chịu, cứng đờ, tức tối.

Ra đến cửa, ông quay lại nói:

— Tại sao hôm nay cô lại nói hết với tôi điều đó? Tại sao lại phải chân thành đến mức thế? Vào lúc này?

Mắt bà mở tròn y hệt mặt chiếc đồng hồ treo tường:

— Ô, cái đó thì tôi chịu. Thật đấy.

— Thật sao? ông làu bàu, hoài nghi.

— Tôi thề đấy, Henri ạ. Hơn nữa tôi thấy nhẹ cả người khi tự hỏi sao tôi lại chờ đợi lâu đến thế.

Ông nhún vai, bước qua ngưỡng cửa, đóng sầm cửa lại, âm âm lao xuống cầu thang.

Nếu không tức giận, ông đã có thể tiến lại gần khuôn mặt Catherine và nhận thấy rằng bà đang khóc, từ vài phút qua.

Những tháng tiếp theo, quan hệ giữa hai người ngày càng căng thẳng.

Từ ngoài nhìn vào thì không có gì thay đổi: vợ chồng Tổng thống tiếp tục thực hiện các trọng trách của mình – tiếp khách, thăm hỏi, công du, trong đó có trọng trách phải diễn tình yêu của họ; không một lời nói kinh khủng nào được thốt ra dù là trước công chúng hay khi chỉ có họ với nhau.

Vậy nhưng, sự im lặng đó không giúp họ thanh thản hơn; ngược lại, những câu nói hằn học xuất phát từ mỗi bất hòa giữa hai người được tiết ra từ miệng ông nhiều quá mức; còn thái độ cư xử không thể che sau bao năm được mài giũa giờ biến thành bức màn che đầy nổi thù hằn đang lớn dần.

Lòng xáo động vì bất ngờ, Henri còn khổ sở hơn cả Catherine: như bao kẻ ngạo mạn khác, ông có thể dễ dàng chịu đựng việc người ta không yêu quý mình, ngược lại, ông không thể chấp nhận nỗi việc bị người ta khinh miệt, càng không chấp nhận được khi thái độ khinh thường ấy đến từ một người thân, người hiểu ông hơn bất cứ ai khác. Ông tự đưa ra ba giải pháp: hoặc phải đồng ý rằng Catherine nói đúng, có nghĩa là thú nhận ông đã lợi dụng những người thân cận và dùng chiêu bài lừa đảo để chiến thắng; hoặc cố gắng chứng minh với vợ là mình vô tội; hoặc kiên quyết phủ nhận đến cùng. Đương nhiên ông chọn giải pháp thứ ba rồi. Tự an ủi lương tâm và cho rằng sự nổi loạn của vợ mình không hề có cơ sở, ông tự tha thứ cho bản thân và viết lại câu chuyện thế này: vấn đề không còn do Henri gây nên nữa, mà chính Catherine đã trở thành vấn đề. Ông bắt đầu cảm râm là đã phải chịu đựng một người đồng hành như vậy, một kẻ vừa điên khùng vừa tâm thần, luôn cau có và ghen tức với thành công không chỉ một lần của ông. Một nhân cách quái đản! Một kẻ giả tạo, kiệt quệ, hai mặt, bề ngoài trông thật quyến rũ nhưng thực tế lại đầy hận thù, chẳng khác nào Bác sĩ Jekyll biến thành Ngài Hyde.

Về phần mình, Catherine lấy làm thích thú trước tình thế mới. Làm cho lão chồng phải đau khổ mang lại cho bà niềm vui. Chỉ ít thì bà đã trút bỏ được vai trò làm vì, cũng như vai trò của

một người đàn bà bị phản bội và bắt lực. Giờ đây ông sợ bà. Bà buộc ông phải chấp nhận sự hiện diện của một người đàn bà khó lường, một kẻ xa lạ mà ông luôn sợ hãi, điều này được thể hiện rõ trên vầng trán thường giật giật và đôi đồng tử đen lo lắng lúc nào cũng như muốn hỏi: “Cô ta lại sắp làm gì? Cô ta sẽ nói gì nữa đây? Cô ta đang nghĩ gì?” Bà cảm thấy nhất thiết không được trả lời ông, cũng chẳng đưa ra bất cứ một chỉ dẫn nào; bà không cho ông lấy một cơ hội dù là nhỏ nhất; càng lẩn tránh ông bao nhiêu bà càng buộc ông phải ngắm nhìn mình thường xuyên bấy nhiêu, đến mức ông bị ám ảnh. Bà chỉ bước lên sân khấu đời mình vì Henri mà thôi. Khán giả ư, bà đã có hàng triệu người, từ nhiều năm nay rồi, ở ngay nước Pháp này cũng như ở nước ngoài, bởi lẽ vị thế của bà khiến cả thế giới phải dõi theo, ấy vậy mà đến tận ngày hôm nay bà mới chỉ hấp dẫn được những kẻ ngây thơ, dấn độn, những kẻ vẫn cho là bà yêu Henri đắm đuối, hạnh phúc khi là đệ nhất phu nhân. Từ hôm thú nhận với chồng, bà đã chinh phục được một khán giả tỉnh táo, kẻ ngưỡng mộ màn kịch của bà, có thể đánh giá bà thể hiện ngược lại những gì mình cảm thấy một cách tài tình ra sao; kể từ nay trở đi, Henri không những hiểu ra hết mọi điều, mà điều đó còn khiến ông kinh sợ. Thật là thú vị... Đối với Tổng thống, đường hoàng là một chính khách, ông hiểu không ai là chân thành mãi mãi, rằng người ta vẫn nói dối, ỉm mưu, hứa hẹn, quên lãng; ấy vậy mà, là một chính khách, ông cũng còn một chút tin tưởng vào những gì mình thể hiện, vào nỗi xúc động, sự bức tức, những cơn phẫn nộ, lòng quyết tâm, quyền lực, sự bắt lực. Thái độ giả dối trong tất cả chuyện của Catherine khiến ông thấy như đang đứng trước một vực thẳm, nơi chỉ có những kẻ bị đày xuống địa ngục đang cố vẫy vùng.

Henri căm thù cuộc sống vợ chồng miễn cưỡng ấy. Rồi theo hiệu ứng lan truyền, ông bắt đầu căm hận chính Catherine.

Ông ngày càng ít giấu giếm thái độ của mình. Ngay khi không có người bên cạnh, ông lập tức lột bỏ chiếc mặt nạ của một người chồng chu đáo; chỉ cần vợ chồng ông bước vào xe hơi hay trở về cung điện là bao tức tối, thù địch, thịnh nộ lập tức giày vò

gương mặt của Tổng thống Morel. Trong ông đầy rẫy thù oán, hằn học, không khi nào ngừng sục sôi vì tức giận.

Catherine sung sướng trước thái độ dữ dội đó, nó như quất mạnh vào bà, khiến bà trở nên sống động và dứt bà khỏi nỗi ưu phiền; bà thích thú với điều đó hết như mỗi độ xuân về cây cối cảm nhận được nguồn nhựa sống trào dâng. Nếu đây không phải là tình yêu của họ được làm mới, thì nó là một sự làm mới câu chuyện của họ.

Một hôm, trong lúc lang thang trước các cửa hiệu tại Saint-Germain-des-Prés dưới sự hộ tống của hai vệ sĩ và một tài xế, bà nhận thấy từ xa một người khoác áo gió màu be nhiều lần đi qua đi lại trong tầm mắt mình.

Ngay lập tức bà hiểu được điều gì đang xảy ra: chồng bà cử người theo dõi. Bà mừng quỳnh lên. Không những giả vờ không nhìn thấy tay thám tử, bà còn nhiều lần đánh lạc hướng để đám vệ sĩ không nhận ra kẻ kia.

— Henri đang tìm kiếm gì? Ông ta muốn biết điều gì?

Khoảng một tháng sau, bà đã tìm hiểu ra mục đích của việc theo dõi này: Tổng thống đang lên danh sách bạn bè của bà để mời từng người đến dự một “bữa sáng không chính thức” riêng với ông tại cung điện Élysée mà không có mặt Catherine, và trong lúc nói chuyện, ông sẽ khéo léo khiến họ tiết lộ những điều mình muốn biết. Những người đối thoại không hay biết gì hết, và người vốn từng là một luật sư nay đã trở thành người đứng đầu Nhà nước sẽ có thể đo lường được mức độ thân mật giữa họ với Catherine, biết được họ ngưỡng mộ hay căm thù mình đến đâu, mục đích chính là để tìm hiểu xem Catherine có tâm sự với ai về những bí mật động trời mà bà đang nắm giữ hay không.

Khi nghe bạn bè kể lại, bà lấy làm vui mừng. Những con người nhút nhát, được xu nịnh và bị thao túng ấy không thể đoán được lý do thực sự khiến Henri cư xử như vậy: chính là vì sự an toàn của ông.

— Nêu lão cho người theo dõi mình thì cũng chỉ vì lão, chứ không phải vì mình. Lão chỉ nghĩ đến bản thân mà thôi.

Vì vẫn tiếp tục bị theo dõi khi thì bởi gã đàn ông mặc áo gió, khi thì bởi kẻ thay thế gã, nên Catherine quyết định chơi họ một ván.

Bà đã yêu cầu một người tên Charles, một người bạn của bạn bà, một tay buôn đồ cổ ở tả ngạn sông Seine, tiếp đón bà tại căn hộ nhỏ của anh ta. Đó là một người đàn ông bảnh trai chừng bốn mươi tuổi, cao ráo, mảnh khảnh, lịch lãm, vẫn giữ nét tươi trẻ dù mái tóc sẫm màu đã điểm hoa râm, anh ta nhận lời ngay, trong lòng thấy phấn khích và vinh hạnh. Ngày nào cũng thế, từ năm đến bảy giờ, bà đến nơi anh ta ở, cố ra vẻ bí mật. Phía sau tấm ri đô đã khép, cả hai cùng nhau uống trà, chuyện trò, cười vui, nghe nhạc, và mỗi khi bước ra khỏi tòa nhà bà đều tỏ ra vô cùng mãn nguyện không chút dối lòng – tách, người ta chụp ảnh bà. Không hiểu chừng đó có đủ để nuôi dưỡng sự ngờ vực của Tổng thống Morel?

Được một tuần, nhìn vào mắt Henri, bà hiểu ông đã biết chuyện. Dựa vào đâu bà nhận ra điều đó? Qua một ánh mắt lấp lánh niềm vui: ông hy vọng cuối cùng cũng tóm được vợ làm điều sai trái.

Tuần thứ hai, bà tiếp tục những cuộc thăm hỏi đều đặn.

Mỗi nghi ngờ được củng cố, Henri khó giấu được niềm hân hoan trong lòng. Trong khi Catherine thừa hiểu điều đó.

Sang đến tuần thứ ba, bà tung ra một chiêu mới: bà cùng Charles ngang nhiên đi nhà hàng và xem kịch giữa Paris. Do chưa thấy phản ứng như mong đợi, nên bằng vài cuộc điện thoại khôn khéo bà đã xoay sở để đám paparazzi chụp trộm được đôi bạn mới.

Sáng thứ Bảy, một tờ lá cải ra hằng tuần đã đăng một bức ảnh kèm theo lời bình: “Với một sủng thần như anh chàng này, Đệ nhất Phu nhân không có cơ khiến Tổng thống phải phát ghen”. Và tay nhà báo nhấn mạnh việc anh chàng buôn đồ cổ người Paris đó là một gã pê đê rõ ràng. Thực vậy, bất cứ ai tìm hiểu về

Charles đều biết ngay anh ta không giấu chuyện mình chỉ thích đàn ông. Duy có hai kẻ mặc áo gió – bởi chúng quá ngu xuẩn – và chồng bà – bởi ông quá yêu phụ nữ – không để ý đến chi tiết này nên cứ tưởng Charles là người tình của Catherine.

Tối đó, trong bữa tiệc đón tiếp Tổng thống Nga tại điện Elysée, sau khi diện một chiếc váy dài và đi dọc hàng lang được trang hoàng lộng lẫy, bà gặp lại Henri, thấy ông có vẻ buồn rầu như thể đang trách bà đã không lừa dối ông. Bà âm thầm sung sướng, chịu đựng bữa tối thứ một nghìn của những người đứng đầu nhà nước, một bữa tối kiểu cách không khác gì tác phong của một tay quản lý nhà hàng mới vào nghề, một bữa tối không có lấy một bông hoa héo, không một tiếng nói quá to, không một cử chỉ vui nhộn, không một suy nghĩ độc đáo, một bữa tối của những con búp bê bằng sáp trong căn phòng với trần nhà cao tít và những tấm thảm hoành tráng.

Tiệc đón tiếp kết thúc, họ lại lên căn hộ, ngay khi chỉ có hai người ở cầu thang, ông đánh liều hỏi bà:

— Làm thế nào cô chịu đựng được việc tôi có bồ?

— Tôi lấy làm vui mừng khi có những người phụ nữ khác đảm nhiệm một công việc mà tôi không muốn nữa.

Ông dừng bước trừng mắt nhìn bà, bàn tay nắm chặt để cố không tát vợ.

— Cô có biết là một lời nhận xét như thế đáng bị ăn tát nếu nói với một người đàn ông khác?

Bà lắc đầu, hoài nghi.

— Có thể. Nhưng liệu tôi có nói điều tương tự với một người đàn ông khác không?

Ông tiến lại gần bà, hăm dọa:

— Tại sao cô không bỏ tôi?

— Thế thì anh lại sung sướng quá.

— Thế còn cô, như thế cô không sung sướng sao?

— Ở với anh là cách tôi trả thù.

— Nhưng cô sẽ được tự do mà?

— Cả anh nữa. Khi đó, Henri thân mến, anh sẽ biết cách tận hưởng tự do hơn là tôi. Nên tôi thà cần rằng chịu đựng còn hơn để anh được tự do. Xét về khả năng hy sinh thì lúc nào tôi cũng giỏi hơn anh đấy.

Bà nói thật lòng. Để khiêu khích, bà vẫn chung thủy như vốn thể kể từ đầu nhiệm kỳ tổng thống của ông. Một vị nữ thánh. Không thể bắt lỗi bà được. Chưa bao giờ một phụ nữ lại cố gắng đến vậy để không phản bội chồng như bà: nếu trước đây, bà làm thế để tỏ lòng tôn trọng chồng, thì giờ đây là để sỉ nhục ông.

Ông nói thêm:

— Cô là một kẻ đồi bại.

— Anh thân mến, cũng có thể vì lý do đó mà trước đây hai ta đã từng thích nhau?

Cả hai vào phòng. Henri khóa cửa. Đến tận sáng hôm sau vẫn không ai nói thêm một lời nào.

Hôm sau, nắng rực rỡ trên thảm cỏ trong khuôn viên điện Elysée tựa một lời hứa hẹn diệu kỳ.

Trái với thói quen thường khi, Henri năn nỉ được ăn sáng cùng vợ, gọi người mang hai khay đồ lên, đích thân ông mang vào phòng ăn, rồi nhẹ nhàng nói với vợ, quên sạch những căng thẳng tối hôm trước:

— Catherine, một năm rưỡi nữa là đến kỳ bầu cử mới. Tôi dự định tranh cử thêm nhiệm kỳ thứ hai này.

— Tôi cũng đoán thế.

— Cô nghĩ sao?

— Không gì đảm bảo anh sẽ tái cử.

— Tôi biết, tôi sẽ tranh đấu.

— Bằng cách nào? Giờ thì anh không thể mạo hiểm dàn xếp một vụ ám sát nữa đâu.

Nóng gáy. Ông nhăn mặt:

— Tôi không hiểu cô nói gì.

— Tất nhiên rồi.

Mỗi người đều mải miết với việc của mình cả phút trong im lặng, họ cố phết mứt lên bánh mì bơ mà không để dây ra bàn hay lên tay.

Ông tiếp lời, mặt tỉnh bơ:

— Tôi đề nghị chúng ta chia tay nhau trước khi bước sang nhiệm kỳ mới.

— Tại sao?

— Theo cô thì sao...

— Anh sẽ gặp rủi ro chính trị lớn đấy, Henri thân mến.

— Một tổng thống ly dị ư? Thời thế đã khác rồi!

— Sự bất ngờ còn nghiêm trọng hơn. Từ bao lâu nay, từ khi có báo, đài và ti vi, ai cũng tin vào tình yêu hoàn hảo của hai ta. “Một tình yêu mẫu mực” chính là câu chuyện của chúng ta. Giờ nếu được biết đó chỉ là giả tạo, là mối nhử, là hư ảo, điều đó sẽ gieo rắc nghi ngờ trong lòng cử tri của anh, những người vẫn do dự lại càng thêm ngờ vực: Tổng thống Morel đã lừa dối chúng ta? Liệu có điều gì là thật trong những gì ông ta nói? Báo cáo tổng kết của ông ta rốt cuộc liệu có tốt như thế? Những việc làm và cử chỉ của ông ta liệu có phải đều là chiến thuật truyền thông?

— Tôi không quan tâm. Tôi chán ngấy rồi.

— Chán tôi ư?

— Chán cô! Chán chúng ta!

— Hay là một cô bồ mới đang mơ đấy được tôi ra ngoài chẳng?

— Không hề.

— Vậy thì điều gì?

— Tôi sẽ không tha thứ cho cái cách mà cô nhìn tôi.

Bà phá lên cười.

— Chắc chắn rồi: tôi thấy rõ bản chất của anh. Và nó rất xấu.

Ông cau mày, nuốt nước bọt, rồi chống tay lên bàn để lấy bình tĩnh và kết luận:

— Cô có muốn cân nhắc đề nghị của tôi không?

— Cân nhắc xong cả rồi: tôi từ chối.

— Tại sao?

— Tôi đã tìm thấy con đường của mình. Làm gì khi biết rằng tôi không còn yêu anh nữa? Cầm thù anh. Với tôi thế là ổn rồi.

— Catherine, tôi không thể chịu được cảnh có cô bên cạnh nữa.

— Vậy nhưng anh phải quen thôi. Hãy để tôi tóm tắt lại tình hình nhé. Trước hết, anh sẽ chỉ tranh cử nhiệm kỳ mới nếu tôi đồng ý.

— Gì cơ?

— Tôi sẽ phải ngậm mồm, phải giữ mọi bí mật xấu xa, không được ba hoa gì về vụ mưu sát trên phố Fourmillon.

Ông thoáng có một cử chỉ, như thể cố nén để không nôn ra. Catherine biết chắc ông đã nghe mình nói nên tiếp tục:

— Hai là, trong nhiệm kỳ tiếp theo, tôi sẽ vẫn ở bên cạnh anh. “Một tình yêu mẫu mực”, anh chớ quên điều đó!

Ông nhấp một ngụm cà phê; đôi mắt ông, phía trên ly cà phê, như đã sẵn sàng giết người.

— Tại sao phải sống như trong địa ngục thế? ông hỏi.

— Để anh phải đền tội cho những gì mình gây ra. Cho những gì mà anh đã làm với tôi, với con gái chúng ta, với những nguyên tắc của anh, với cuộc sống vợ chồng, với người tài xế trước đây của anh.

— Cô điên rồi, Catherine: cô không chỉ không còn là vợ tôi, mà còn là nữ thần công lý!

— Chính xác!

Bà đứng dậy bước ra khỏi phòng.

Tuần sau đó, có một sự cố xảy ra nhưng ban đầu bà không mấy lưu tâm. Cuối tuần, trong lúc ghé thăm Viện người khiếm thính nơi con gái của họ lưu trú tại thành phố Cognin, trên dãy Alpes, mới đi được vài ki lô mét, thấy phanh không ổn, lái xe dừng lại kiểm tra. Thợ sửa xe cũng khẳng định phanh trục trặc.

Catherine khen Martin đã kịp thời phát hiện ra: nếu không, đoạn đường dốc gập ghềnh hẳn đã khiến họ mất mạng.

Ấy vậy mà mười ngày sau, trên đường trở về sau khi đến nghe vở *Đô mi nô đen*, một vở opera ngắn có từ thế kỷ thứ 19 mà ít người biết đến, tại nhà hát Compiègne, một tai nạn đã xảy ra.

Lúc ấy khoảng một giờ sáng, giữa Paris không một bóng người, chiếc limousine do Martin điều khiển đang đi vào đường hầm dọc bờ sông để lên cầu Alma, thì một chiếc xe hơi màu trắng bật đèn pha sáng chói bất ngờ xuất hiện phía sau. Điều đáng ngại là chiếc xe này bám sát đuôi xe họ một cách phi lý và buộc họ phải tăng tốc. Bất thành linh, một chiếc xe khác đi ngược chiều lạng lách lao đến buộc tài xế Martin phải bẻ vô lăng. Chỉ trong một giây, chiếc limousine của tổng thống tông vào một cây cột, bẹp rúm.

Một tiếng rắc kêu lên, vỏ xe bẹp rúm, Martin thét lên vì đau đớn, còn Catherine khi ấy ngồi ghế sau cảm thấy đầu gối như bị xé nát.

Lực lượng cứu hộ gồm lính cứu hỏa và xe cứu thương đến rất nhanh, họ dẹp hết người đi đường. Tuy bị thương nặng nhưng cả hai còn tỉnh táo.

Trên đường được chuyển đến bệnh viện, Catherine nhanh chóng biết rằng mình sẽ sống qua khỏi, cả tài xế của bà cũng vậy. Nhưng, điều đó không giúp bà thấy yên lòng bởi giờ đây bà đã nhận ra đâu là mối nguy hiểm thực sự: Henri!

Giữa tiếng còi xe cứu thương cứ xé toạc màn đêm Paris, Catherine hiểu ra tình thế khủng khiếp của mình: Henri đã ra lệnh thủ tiêu bà. Bởi ông không còn muốn có bà bên cạnh, cả trong chiến dịch tranh cử sắp tới lẫn trong nhiệm kỳ thứ hai có thể tái đắc cử, ông sẽ không ngần ngại làm bất cứ trò gì.

Vào đến phòng cấp cứu bệnh viện La Pitié-Salpêtrière, bà thở dài như trút được nỗi lo vì được đưa đến điều trị tại một bệnh viện công, chứ không phải một phòng khám tư nơi mà rất có thể bà sẽ bị bắt làm con tin và bị xử lý theo cách của ông.

Những chuyên gia hàng đầu về chân thương đèn khám cho bà, người ta tiêm, cho bà thở ôxy, lấy máu, rồi thông báo họ sẽ phẫu thuật chân cho bà ngay lập tức.

Tỉnh lại, bà nhận ra khuôn mặt Henri đang ân cần cúi xuống phía trên bà.

Ngay lúc ấy, ông mỉm cười, nắm tay và vuốt nhẹ lên thái dương bà. Khiếp sợ và choáng váng, bà để mặc ông làm vậy. Ông nói, bà trả lời bằng những tiếng làu bàu; ông bèn nhân cơ hội đó say sưa độc thoại. Bà thấy thời gian như vô tận khi ông thể hiện mình là một người chồng lý tưởng, đang bị sốc, và quyến luyến như thể sợ mất bà, như thể trong mắt ông, bà vẫn vô cùng quan trọng, như thể ông vẫn yêu bà như xưa. Ông thú nhận không một chút xấu hổ rằng khi thấy bà trong tình trạng thế này, thấy bà yếu ớt và vừa thoát khỏi cửa tử, ông mới hiểu được những tháng ngày giận hờn, cãi cọ và xa cách vừa qua mới phi lý làm sao. Và để chứng minh cho sự chân thành, nước mắt đọng thành giọt quanh hai mí mắt mang nét phương Đông của ông. Catherine cảm lạnh, náu mình sau cơn đau, bà sửng sốt: làm thế nào ông lại có thể giả dối đến mức này? Ngay chính bản thân bà chắc cũng sẽ không bao giờ làm được như thế. Tên sát nhân đã thể hiện một cách hoàn hảo vẻ mặt, suy nghĩ và tình cảm của một nạn nhân! Một nghệ sĩ quá tài ba... Bà cứ để mặc ông hoàn thành nốt tiết mục của mình, bởi bà không còn sức lực cũng như năng lượng mà phản ứng lại.

Những ngày tiếp theo, ông tiếp tục diễn xuất tuyệt vời vai người chồng đáng mến đang lo âu, có lúc chỉ trước mặt bà, có lúc lại trước mặt những nhân chứng dễ mũi lòng. Tuy vậy, ngay khi cảm thấy làm chủ được mình, bà tranh thủ lúc chỉ có hai người để hỏi Henri:

- Anh còn định làm đến đâu nữa đây?
- Em nói gì thế, em yêu?
- Vì quyền lực anh sẽ còn làm những gì?
- Em nói gì vậy?

— Đên mức phải giết cả vợ anh sao?

— Em đã gặp tai nạn.

— Hai tai nạn trong một tuần. Anh không thấy lạ sao? Lúc đầu là phanh hỏng. Tiếp theo là một cái bẫy.

— Em kết luận nhanh thế. Người ta vẫn đang điều tra, mọi việc sẽ sớm được làm sáng tỏ. Ngay khi tóm được, ta sẽ bắt tay lái xe ẩu tả đó phải ra hầu tòa.

— Người ta sẽ không tìm ra tay tài xế đó đâu.

— Tại sao?

— Bởi người ta bao giờ cũng mất dấu các nhân viên mật vụ. Hoặc hồ sơ sẽ được che đậy với cái cơ bí mật quốc gia.

— Anh không hiểu.

— Hai vụ tai nạn liên tiếp khiến vợ anh suýt mất mạng... Tôi hình dung anh sẽ cho đó là sự tình cờ hay là họa vô đơn chí phải không? Vả lại, câu hỏi duy nhất tôi tự đặt ra trong đầu liên quan đến mục đích của anh. Anh muốn tôi mất mạng ư? Nếu đúng thì các nhân viên mật vụ của anh đều là đồ bỏ đi. Hay anh chỉ muốn dọa tôi sợ? Nếu đúng thế thì họ nghe lời anh rồi đó. Đây là một vụ đe dọa thành công, hay một vụ ám sát bất thành?

— Khổ thân em, em vẫn chưa hết sốc.

— Phải rồi, vậy hãy kết liễu tôi bằng cách dùng đám bác sĩ tâm lý cho rằng tôi bị điên đi. Chân bị bó bột, phần còn lại thì nằm trong chiếc áo trói người điên, đó là những thứ tối thiểu sẽ giúp tôi qua khỏi?

— Catherine, anh cho là giai đoạn tệ hại của ngờ vực và hận thù mà chúng ta vừa trải qua đã kết thúc rồi.

— Vụ án mạng sẽ có lợi cho ai? Cho anh.

— Không có án mạng nào cả.

— Cho những người khác!

— Nghe này Catherine, anh đã mơ tưởng, hy vọng, cố gắng thật nhiều những vô ích, chúng ta không còn hòa hợp với nhau được nữa. Ngay khi em ra viện, chúng ta sẽ phải xem xét lại mọi vấn đề, phải nói chuyện và tìm ra một giải pháp.

— Ly dị ư? Không đời nào! Không đời nào, anh nghe rõ tôi nói chứ, không đời nào! Anh sẽ không thể ép được tôi ly dị.

Thấy bà gào lên, ông hoảng hốt đứng bật dậy, e ngại tay thư ký đứng ngoài hành lang đã nghe thấy bà nói từ “ly dị”. Rồi ông nhìn bà, ánh mắt sợ hãi xen lẫn thương cảm:

— Hẹn em ngày mai, Catherine, hãy thôi những ý nghĩ ngờ vực ghê gớm ấy và chóng hồi phục em nhé.

Ông đột ngột tạm biệt vợ.

Còn lại một mình, Catherine thấy hoảng sợ. Làm cách nào để thoát khỏi ông? Ở đây, trong bệnh viện này thì bà không sợ gì, nhưng chẳng mấy chốc, khi ra viện, bà sẽ lại phải đối mặt với những mối nguy hiểm mới, là mục tiêu của những tên mặt vụ theo lệnh gã chồng vô cùng quyền lực của mình.

Nhờ nỗi sợ thôi thúc, bà đã tìm được lối thoát. Ngay lập tức, trong ba ngày còn ở bệnh viện, bà yêu cầu được gặp càng nhiều bạn bè và người quen càng tốt. Các cuộc điện thoại của bà thật hiệu quả: khoảng bốn mươi người đã đến thăm bà. Mỗi lần ghé qua, Henri đều thấy quanh bà rất đông người. Ông cho là vợ mình đã thay đổi tâm tính và thấy phấn chấn vì điều đó.

Cuối cùng, trước hôm bà ra viện, vào lúc mặt trời lặn, Tổng thống tranh thủ được một phút yên tĩnh cùng bà.

Catherine nở một nụ cười tươi rói với ông.

— Henri, tôi rất vui được về nhà, đúng vậy, rất vui.

— Tốt quá, ông nói, không che giấu cảm giác nhẹ nhõm trong lòng.

— Trước đây tôi sợ phải ra viện vì tôi nghĩ mình sẽ phải đối mặt với những người muốn làm hại mình. Giờ thì tôi yên tâm rồi.

— Em đã hết hoang tưởng rồi, em làm anh vui quá. Anh đã rất lo lắng.

Bà nhận thấy ông có vẻ chân thành. Cả ông cũng là một diễn viên xuất chúng làm sao...

— Vâng, giờ trở về điện Élysée, tôi không sợ gì hết. Ngược lại, anh mới là người phải sợ.

— Em nói gì?

— Sợ tôi sẽ gặp phải chuyện gì đó.

— Lẽ đương nhiên thôi, anh sợ em gặp chuyện gì đó, anh lúc nào chẳng sợ chuyện gì đó xảy ra với em, vẫn luôn là như thế.

— Không, anh sẽ còn sợ hơn trước đây. Bởi vì mấy ngày vừa qua, tôi đã tận dụng những cuộc thăm viếng để đề phòng cho bản thân rồi. Kể từ ngày mai, nếu tôi bị thương thì một bức thư sẽ xuất hiện. Một bức thư được giữ tại nơi an toàn ở nước ngoài, cách xa đám mật thám và tay sai của anh. Một bức thư trong đó tôi sẽ kể về vụ ám sát trên phố Fourmillon – những điều mà tôi biết, có nghĩa là rất nhiều – và những tai nạn vừa xảy ra, cùng với những giả thiết nhỏ của tôi về kẻ chủ mưu. Nếu tôi chết, sau khi bức thư được công bố trên báo chí, chắc chắn lần này người ta sẽ tiến hành điều tra một cách nghiêm túc, một cuộc điều tra thật sự, một cuộc điều tra mà anh sẽ không thể nắm quyền kiểm soát.

— Em điên rồi!

— Nếu tôi gặp chuyện gì, thì anh tiêu đời.

Họ nhìn nhau căm thù. Một mối căm thù mãnh liệt như đam mê, dữ dội như tình yêu, điều đó nhắc cả hai nhớ lại rằng họ đã từng quan trọng đối với nhau ngày trước, hồi mới quen, thật khác với những tình cảm hiện tại khi người này muốn kẻ kia phải chết thay vì nghĩ đến một tương lai chung.

Đúng lúc ấy bác sĩ bước vào, dừng lại trước mặt hai con người đang căng thẳng, cứ tưởng mình vừa xen vào một màn tỏ tình say đắm nên háng giọng.

— Xin lỗi đã làm phiền, thưa ngài Tổng thống và Phu nhân.

Catherine ngay lập tức cười nhã nhặn và lịch thiệp nói:

— Mời ông vào, giáo sư Valencienne, ông vào đi.

Không muốn kém cạnh vợ, Henri cũng tỏ ra tử tế hết sức. Ông ca ngợi vị trưởng khoa, kéo ghế mời giáo sư ngồi cùng hai vợ chồng ở phía cuối giường.

Vị bác sĩ ngại ngùng, lưỡng lự, gần như ngập ngừng, bước lùi lại.

— Thừa Phu nhân, thưa Tổng thống, lúc đưa Phu nhân vào cấp cứu, chúng tôi đã tiến hành xét nghiệm. Liên quan đến cú sốc và những di chứng, tôi nghĩ chuyên khoa chúng tôi đảm bảo phục hồi được tối đa. Cuộc sống của bà sẽ trở lại bình thường như trước. Tuy nhiên, trong quá trình thăm khám, chúng tôi đã phát hiện ra một vấn đề khác.

Tổng thống ra hiệu mời bác sĩ ngồi xuống. Ông ta lại từ chối và quay sang nói với Catherine.

— Rất tiếc, chúng ta phải nói về một vấn đề sức khỏe nghiêm trọng hơn. Sau khi tiến hành phân tích mẫu máu, chúng tôi phát hiện ra một khối u.

— Một khối u ư?

— Một khối u...

— Ý ông là: một khối ung thư?

Bác sĩ gật đầu.

Catherine và Henri nhìn nhau, cảm xúc lẫn lộn.

Henri đứng dậy, hỏi một cách đầy quyền uy, yêu cầu một câu trả lời thẳng thắn ngay tức thì.

— Có nghiêm trọng không, bác sĩ?

Giáo sư Valencienne cắn môi, hết nhìn sang bức tường bên trái rồi lại sang tường bên phải, tìm kiếm một nguồn cảm hứng mà ông ta không tìm thấy, rồi trả lời, mắt nhìn xuống đôi giày trắng của mình.

— Đáng ngại. Cực kỳ đáng ngại.

Không có cách trả lời nào khác tốt hơn thế.

Tổng thống buột ra câu chửi thề quen thuộc “Chết tiệt!”; còn Catherine thì ngất lịm.

Sức khỏe Catherine sa sút nhanh chóng.

Trở lại điện Élysée, trong căn hộ tầng áp mái, đôi khi bà cũng nuôi hy vọng sẽ khỏi bệnh, cho dù các xét nghiệm chỉ ra rằng

căn bệnh, được phát hiện quá muộn, đang tiên triển với một tốc độ chóng mặt.

Một đợt hóa trị vất kiệt sức bà. Catherine không còn thấy ngon miệng. Mái tóc thưa dần. Các bác sĩ không còn miệt mài chống lại tình trạng di căn ngày càng rộng và quyết định ngừng can thiệp. Khi việc chữa trị dừng hẳn, Catherine biết chắc mình sẽ không qua khỏi; bà thấy trong lòng thanh thản lạ kỳ.

— Vậy đây, số mình thế rồi... Mình sẽ kết thúc như vậy... và vào lúc này...

Trong nỗi sợ chết, có ba nỗi sợ tách biệt: không biết khi nào sẽ chết, không biết sẽ chết ra sao, và không biết chết là thế nào. Với Catherine, hai yếu tố đã được làm rõ: bà sẽ chết sớm thôi, và chết vì ung thư đã di căn. Giờ đây nỗi sợ có thể giày vò bà lúc này chỉ còn là trạng thái của cái chết; vậy nhưng, vì là người tin vào Chúa từ khi còn bé, nên bà không sợ bí mật này; đương nhiên bà không biết gì về nó rồi – không hơn gì người khác – nhưng bà tin.

Henri năn nỉ để bà ở lại điện Élysée, gần bên ông, bạn bè có thể đến thăm bà thường xuyên.

Ai ai cũng ngạc nhiên – ngay cả chính chồng bà – khi thấy bà lúc nào cũng dịu dàng. Sự thanh thản ấy xuất phát từ việc bà đã chôn sâu căn bệnh ung thư trong lòng. Một hôm, bà hỏi một nữ y tá trẻ đến tiêm moócphin cho bà:

— Nếu tôi nói ra sớm hơn, nếu tôi thổ lộ nhanh chóng những điều mà tôi cất giữ trong lòng thì liệu tôi có tránh được căn bệnh ung thư không? Nếu tôi nói ra tất cả mọi chuyện thì có lẽ tôi đã không phải nuôi cái thứ xấu xa đó trong người phải không?

— Ung thư cũng là một tai nạn thôi, thưa bà.

— Không, nó là hậu quả. Đôi khi ung thư chính là hiện thân của những bí mật quá mức trĩu nặng trong lòng.

Tất nhiên bà không cho là mình đúng, nhưng quan điểm đó cho phép bà chấp nhận và nghĩ rằng điều đó xảy ra với bà, đúng là với bà, chỉ riêng với bà mà thôi. Rõ ràng căn bệnh ung thư ấy

không phải do một vụ mưu hại từ bên ngoài, nó là câu chuyện do cơ thể bà, tâm hồn bà, do chính bà tạo nên.

Rigaud, tay cố vấn truyền thông của Tổng thống lảng vảng quanh bà. Bà thừa hiểu hẳn căm ghét bệnh tật đến mức không chịu đặt chân vào bệnh viện nơi chính bố đẻ của hẳn đang hấp hối, bà ngờ rằng hẳn bị thúc đẩy vì một động cơ khác chứ không phải là do thương xót gì, nên bà đã mời hẳn uống trà và yêu cầu hẳn tâm sự cho nhẹ lòng.

— Tôi muốn hỏi bà một điều, hẳn nói. Đáng ra Tổng thống sẽ phải làm việc này, nhưng ông ấy đang rối bời vì nhiều sự kiện nên không dám nói. Vấn đề là: liệu chúng tôi có thể công bố tình trạng của bà và thông báo... trên báo chí về... những khó khăn của bà được không?

Bà nhìn hẳn không chút thiện cảm. Bà chỉ vừa mới thuận hóa được bệnh tật của mình thế mà hẳn lại đã khơi lên.

— Vì sao?

— Tổng thống sắp tiến hành chiến dịch tái tranh cử. Vậy mà người ta lại đang bắt đầu thắc mắc về sự vắng mặt của bà. Một số người cho rằng bà phản đối nhiệm kỳ thứ hai này; một số khác thì xì xào rằng bà và ông ấy không còn hòa hợp nữa; những kẻ khác nữa thì cho rằng bà có quan hệ với một tay buôn tranh người New York.

Bà không nhin được cười.

— Ô, tội nghiệp Charles... tay bán đồ cổ người Paris giờ biến thành tay buôn tranh người New York. Và vượt qua Đại Tây Dương, anh chàng ấy lại trở thành người đam mê tình dục khác giới! Đồn đại thật là có tác dụng...

Rigaud bối rối nói thêm:

— Vâng, thưa bà, lời đồn thì có nhiều lắm, vừa sai sự thật vừa tai hại, nhất là khi vẽ mặt nặng nề của Tổng thống khẳng định những điều đó. Vậy nên tôi đến đây để đề nghị bà vén màn sự thật. Bà phải làm điều đó vì bà, vì Tổng thống, vì cuộc hôn nhân mẫu mực của hai người. Chúng ta hãy xua đi mọi bóng tối bản thủ.

Bà suy nghĩ.

— Như thế dân chúng sẽ cảm động chứ Rigaud?

— Người dân yêu mến bà, thừa Phu nhân. Hãy tin là có rất nhiều người bày tỏ lòng cảm thông và cả buồn rầu nữa. Bà sẽ có rất nhiều người ủng hộ.

— Không, ý tôi là liệu người dân có cảm động vì Henri Morel không, thêm một lần nữa, con người dũng cảm và anh hùng Henri Morel ấy, kẻ sống sót sau khi đã chịu đựng một vụ mưu sát trước khi tranh cử tổng thống lần đầu và tiếp theo là cao thượng ở bên người vợ hấp hối trước khi tranh cử lần hai.

— Phải công nhận là những điều ngẫu nhiên ấy đều rơi vào Tổng thống Morel tội nghiệp.

— Rigaud, anh có tin vào những điều mình nói không?

Hắn nhìn bà chăm chăm, ánh mắt đầy cố chấp, khẩn thiết, mãnh liệt, và rồi chọn cách không nói dối: hắn im lặng.

Bà gật đầu đồng ý với sự im lặng đó, cho hắn hiểu rằng bà không phải kẻ ngu, và bà biết rất nhiều điều...

Một phút trôi qua, cả hai vẫn bất động.

— Đồng ý, bà trả lời.

Một giờ sau, nhận được tin từ Rigaud, Henri đã sùng sục lao vào căn hộ nồng nhiệt ca ngợi bà.

— Cảm ơn em, Catherine. Vậy là em đồng ý với nhiệm kỳ thứ hai của anh?

— Em có quyền ngăn cản anh không?

Ông thấy bối rối, tự hỏi không biết liệu có phải do các đợt điều trị và dùng thuốc mà bà quên hết những lời đe dọa trước đó. Ông nhẹ nhàng tiến lại nắm lấy bàn tay bà:

— Nói anh biết em đang nghĩ gì được không?

Không, bà không thể. Bà không biết nữa. Mọi thứ đã trở nên quá đổi mơ hồ. Mắt bà cay sè.

Henri ôm lấy và giữ bà thật lâu trong lòng, rồi khi cảm thấy người bà đuối ra và thiếp vào giấc ngủ, ông đặt bà nằm xuống.

Căn bệnh đã làm thay đổi mọi chuyện giữa hai người: giữa họ không còn căng thẳng nữa.

Chấp nhận số phận bi thảm của mình, Catherine không muốn ra đòn nữa; không chỉ bởi bà không hề có cái tính đó, mà điều ấy nhắc bà nhớ lại những tuần lễ trước khi phát hiện ra khối u trong người; bà lờ mờ cho rằng nguyên nhân khiến sức khỏe bị suy giảm là do thái độ mĩa mai, châm biếm kết hợp với những lời nói cay độc mà ra!

Catherine buộc mình im lặng, còn Henri thì áp dụng chứng quên có điều kiện: ông luôn làm ra vẻ “như thế” trong cách cư xử của mình, như thể bà chưa từng tỏ ra khinh bỉ ông, như thể bà chưa từng đe dọa tiết lộ những điều bà biết về vụ mưu sát trên phố Fourmillon, như thể bà chưa bao giờ gửi ra nước ngoài một bức chúc thư có khả năng làm tổn hại đến ông. Càng cố gạt đi những tình tiết đó, ông càng gần như tin rằng chúng chưa từng tồn tại. Ông tự buộc mình phải tuân theo thời gian biểu của một người chồng lý tưởng như một kẻ chết đuối vớ được cọc, bởi đó là cách tự giải thoát của ông, là thực tế mà muốn ông tạo ra. “Làm chủ vở kịch”, ông vẫn thầm nhủ, “thực hiện tốt vai diễn đó và tuyệt nhiên không được để lộ những lo lắng hay xáo trộn trong lòng mình.”

Ông có lý đấy chứ? Đôi khi vẻ bề ngoài lại cứu được ta. Mỗi khi có một sự rối loạn nào đó đe dọa, chỉ có vẻ ngoài là giúp ta không bị tổn thương trong khủng hoảng vẻ ngoài ấy mạnh mẽ lắm, nó đứng vững, nó giúp ta đứng vững. “Không được quy ngã”, ông vẫn tự nhắc mình, “không được suy sụp, không được nhượng bộ trước nỗi sợ, dù là nỗi sợ những điều mà cô ta đang giấu trong lòng, hay là nỗi sợ mà cô ta bắt mình phải chịu đựng.”

Cả hai không biết mình đang nghĩ gì nữa. Không biết về suy nghĩ của chính mình cũng như của người kia. Tại họa đã trải ra bàn những lá bài trong một trò chơi mà họ không biết luật chơi; tuy vậy, căn bệnh quái ác đã mang đến cho cả hai một sự khôn ngoan không ngờ tới: sống với thực tại, tự hiểu cuộc đời mình thật ngắn ngủi, và chỉ tin vào cái tạm thời. Thế là mỗi ngày họ đều đương đầu với một ngọn núi mà không hề nghĩ đến việc

ngày hôm sau phải trèo lên. Nếu giữa họ còn quá nhiều chuyện chưa được giải quyết, thì giờ cả hai chỉ quan tâm đến thời điểm hiện tại chứ không phải thời điểm trước đó.

Thông cáo về bệnh tình của Catherine bùng nổ trên các phương tiện truyền thông. Đài, báo và ti vi chỉ nói về chuyện đó suốt một tuần, bởi bà rất được lòng dân, người dân tôn trọng và yêu mến bà. Catherine tưởng như đang được đọc điệp văn của chính mình; đôi lúc, có những lời tán dương ve vuốt lòng tự ái của bà; bà thường thấy mình xinh đẹp, thậm chí rất xinh đẹp, qua những bức ảnh cũ được sao chép lại hay những bộ phim tư liệu mà các kênh truyền hình đào xới lại, càng đẹp hơn vì những tuần qua đã tàn phá nhan sắc của bà. Khi nhận thấy mình đang ca ngợi bản thân, ban đầu bà thấy xấu hổ, nhưng rồi lại tự tha thứ cho mình: sau tất cả mọi chuyện, liệu bà còn niềm vui đam mê bản thân nào khác không?

Tuy nhiên, khi thấy cánh sản ảnh túc trực ở những phố gần đó, dừng xe ở cổng Gà, phía cuối công viên, lối bà thường đi ra, thậm chí là trèo lên tường để chĩa ống kính về phía Đệ nhất Phu nhân đang đau ốm, bà liền cho gọi tay cố vấn truyền thông của Tổng thống đến.

— Rigaud thân mến, bà nói, hãy bảo đám nhà báo dừng lại ngay, nếu không đến lúc tôi chết, họ sẽ không còn mực mà viết đâu.

Rigaud nuốt vội miếng bánh và hứa sẽ chuyển hướng các bình luận sang phía Tổng thống.

Nhờ đó mà chiến dịch tái tranh cử của Morel, phẩm hạnh của ông, lòng quả cảm của ông, sức mạnh lạ thường đã giúp ông lao vào bao cuộc chiến ấy đã thu hút được dư luận. Trong khi những chính khách khác đang cười tươi hết cỡ trên ảnh, thì người ta thấy hài lòng khi chụp ảnh ông với đôi môi mím chặt, vàng trán nhiều nếp nhăn và ánh mắt buồn rầu.

Ngay khi có thể, mà những lúc ấy nhiều hơn rất nhiều so với bà nghĩ, ông đến ngay bên vợ để chia sẻ khi thì là một giây phút

yên bình, khi thì để kể cho vợ về những cuộc đôi đầu, những dự án, ý đồ của mình, hay thất bại của đối thủ bằng một màn độc thoại xuất sắc. Bà lắng nghe ông với tấm lòng bao dung.

Cuối cùng, đến ngày bác sĩ theo dõi tình trạng sức khỏe của Catherine yêu cầu đưa bà vào một nhà thương đặc biệt, phù hợp hơn với tình trạng yếu đi rất nhiều của bà. Henri toan phản đối; nhưng bà khẽ gật đầu đồng ý.

Họ vừa đi khỏi, bà đã tự hỏi ông từ chối vì lẽ gì: ông muốn giữ bà bên cạnh vì còn yêu bà hay là vì sợ không kiểm soát được bà khi bà ở xa?

Chiếc xe chở bà hướng về phía Nhà thánh Rita, một bệnh viện tư giữa thiên nhiên xanh mướt của tỉnh Loiret, một tòa nhà tuyệt đẹp nằm trong một công viên toàn cây cổ thụ, nơi cư trú của hàng ngàn hàng triệu chú ong, theo lời mô tả trong tờ quảng cáo.

Vì Tổng thống đi cùng bà trên chiếc limousine đến nơi ở mới, nên khi thấy tên bệnh viện được khắc bằng vàng ròng phía trên cổng sắt ông bức bối:

— Nhà thánh Rita! Hay họ gồm! Sao lại lấy tên Thánh Rita, thánh bảo hộ trong những tình huống tuyệt vọng, để đặt tên cho một cơ sở y tế chứ!

— Henri, em đâu có dễ bị lừa, Catherine khẽ nói. Em hiểu đây là một trung tâm chăm sóc tạm thời dành cho các bệnh nhân giai đoạn cuối.

— Nhưng...

— Em biết mình sẽ không bao giờ ra khỏi đây nữa.

— Em đừng nói thế.

— Có chứ. Thế nên Nhà thánh Rita hợp với em. Anh biết câu chuyện về thánh Rita không?

Chiếc xe tiến dần trên lối vào trong tiếng lạo xạo của con đường rải sỏi, ông ngạc nhiên nhìn vợ, tự hỏi có phải bà đang

chê nhạo mình không. Ông thận trọng trả lời, giọng không cảm xúc.

— Không, anh đâu phải chuyên gia khoa thánh truyện.

— Trước khi trở thành một chủ đề tôn giáo, Rita cũng chỉ là một người phụ nữ, một phụ nữ người Ý có thật sống Ý ở thế kỷ thứ 15, bà đã làm được một điều tưởng chừng không thể: đó là hòa giải thành công hai gia đình thù oán nhau, đó là gia đình chồng bà và gia đình kẻ đã đâm chết chồng bà. Không ai có thể làm tốt hơn bà trong việc giảm bớt lòng hận thù, thói nhỏ mọn, khơi dậy tình yêu và sự tha thứ. Dù mang bệnh – bà bị một vết thương mưng mủ trên trán –, nhưng bà đã sống rất thọ, sống một cách vô cùng nhân từ, giàu nhiệt huyết, lạc quan bằng cách làm những việc tốt cho mọi người xung quanh.

— Catherine, em khiến anh ngạc nhiên đấy.

— Người ta có thể không tin vào các vị thánh của Giáo hội Công giáo, tuy nhiên cũng phải thừa nhận rằng tên gọi được kiểm soát ấy đã không được gán cho những kẻ xấu xa nhất.

— Anh đồng ý.

— Ai mà biết được chuyện gì sẽ xảy ra trong một ngôi nhà mang tên như thế? bà nói thêm trong lúc sung sướng ngắm nhìn những lá cây đung đưa, ngửi mùi đất tươi mới dưới các gốc cây và những hàng hoa tu líp tràn đầy sức sống qua cửa kính xe lúc này đã được hạ xuống.

Tổng thống Morel cho rằng câu nói đó giống như lời mong ước được khỏi bệnh, và trong lòng thấy thương yêu vô cùng một người sắp chết mà vẫn nuôi hy vọng, nên muốn dừng cuộc tranh luận ở đây.

Nép mình trong một rừng sồi rậm rạp là một ngôi nhà cao lớn màu trắng mang phong cách pha trộn giữa kiến trúc lâu đài và kiến trúc trang viên với bậc thềm rộng rãi, cầu thang được trang trí bằng những bức phù điêu hình sư tử và những cánh cửa gỗ được gắn khiên. Giám đốc bệnh viện, một phụ nữ tóc vàng, đang chờ họ trước cửa, đội ngũ nhân viên của bà ta đứng trên các bậc thềm, trông chẳng khác nào đám gia nhân phục vụ

trong các lâu đài xưa kia đang xếp hàng đầy đủ chờ lãnh chúa trở về. Bà ta không ngừng nói “rất hân hạnh” với Tổng thống và Đệ nhất Phu nhân như thể đón tiếp tỉnh trưởng vì hành thực tế một nơi bản thổ, đến mức mà, khi thấy bà ta chuẩn bị một bữa tiệc hoành tráng với rất nhiều sản vật của vùng và tự hào vì chính bà đã sáng tạo ra một loại bánh ngọt nhỏ, Henri và Catherine nháy mắt với nhau, thiếu chút nữa thì phá lên cười, điều mà cả hai không còn làm suốt nhiều năm qua.

Người ta đưa Catherine vào một căn phòng rộng rãi có cửa sổ mở ra công viên, sau đó Tổng thống rời bệnh viện vì yêu cầu công việc. Ông hôn lên trán vợ và hứa sẽ sớm trở lại.

Suốt ba ngày liên tiếp, ông không có lúc nào đến đó được, dù trong lòng thực sự muốn. Chiến dịch tranh cử đang vào giai đoạn nước rút, ông phải tập trung toàn bộ thời gian và sức lực cho cuộc chiến mới này. Cứ hai tiếng ông lại được báo cáo tình hình của bà một lần, và ông được biết Catherine đã yêu cầu có một cuốn sổ mới và bà bắt đầu viết.

Ông hiểu chuyện gì đang xảy ra.

— Vậy là cô ta ngồi viết lời xưng tội để hại mình đây. Mình phải đến đó thật nhanh và gặp cô ta thường xuyên. Càng ít đến thì cô ta càng gán cho mình nhiều tội hơn.

Dù định ninh rằng việc ở bên cạnh sẽ hạn chế được mối hằn học của vợ, nhưng ông không tài nào kiếm được ba tiếng cần thiết trong ngày hôm đó và suốt cả ba ngày tiếp theo.

Sang đến Chủ nhật, một chiếc trực thăng chở ông đến thẳng Nhà thánh Rita.

Bà giám đốc khúm núm choáng ngợp trước phương tiện được trưng dụng này, xoắn xuýt tháp tùng Tổng thống đến tận phòng vợ ông. Lúc bà ta đẩy cửa, ông nín thở.

Catherine lúc này đang ngồi trước bàn, đầu cúi xuống cuốn sổ, bà đã thay đổi nhiều; nếu như trước đây bà vốn trên cả mức xinh đẹp với gương mặt đáng yêu thì lúc này, do bệnh tật hành hạ gương mặt đó trở nên hốc hác, mí mắt thâm quầng và làn da

trở nên vàng ệch, bà mang một chiếc mặt nạ có vẻ đẹp lộng lẫy, một vẻ đẹp chậm chạp, sang trọng, chuẩn mực, đờ đẫn, khiến người ta ấn tượng hơn là yêu thích. Khi còn gặp vợ hằng ngày, ông không nhận thấy gì, nhưng giờ Henri đã hiểu sự biến đổi khủng khiếp ở bà. Người phụ nữ này phần nào đã từ bỏ vẻ bề ngoài hấp dẫn và ra khỏi thế giới của những người sống.

— Chào em yêu.

Phải mất vài giây bà mới phản ứng được – giờ đây mọi thứ ở bà đều chậm lại –, quay người lại, thấy Henri đứng đó và mỉm cười với ông. Với Tổng thống, dường như bà đón tiếp ông một cách chân thành.

Thế nhưng, khi vừa thấy chồng tiến lại gần, bà liền đặt cả hai tay che lấy những trang giấy vừa viết xong cốt để ông không nhìn thấy, gấp sổ và kẹp nó vào giữa đùi.

Phản ứng đó khiến Henri thất vọng. Vậy là ông đã có lý: bà đang trả thù.

Trong một giờ đồng hồ, ông nói chuyện cùng bà, tự thanh minh rằng mình không thể đến thăm bà những ngày qua bằng việc liệt kê một cách hóm hỉnh những công việc bận bịu ông buộc phải làm trong tuần. Dù rất mệt nhưng bà vẫn chăm chú lắng nghe, và tuy không thể cất nổi tiếng cười, bà vẫn nhíu được mắt những lúc lẽ ra đã phá lên cười nếu là trước đây.

Ông kể thật nhiều chuyện, nhưng chỉ nghĩ đến một thứ duy nhất là cuốn sổ. Tại sao ông không có can đảm lấy nó ra khỏi tay bà? Hay nói với bà về cuốn sổ đó?

Bỗng nhiên, ông chỉ tay vào cuốn sổ.

— Em viết đây ư?

Gương mặt Catherine rạng rỡ.

— Em viết gì thế, nếu không phải là một bí mật?

Bà lưỡng lự, tìm lời giải thích, rồi hài lòng với những từ mà mình đã tìm ra.

— Đó là một bí mật.

Ông nhẹ nhàng năn nỉ, không chút thù địch:

— Bí mật này có thể chia sẻ với anh được không?

Một lần nữa bà bối rối, ngoảnh mặt đi rồi chậm chạp nói, mắt nhìn về phía công viên trong ánh hoàng hôn:

— Nếu chia sẻ nó với anh thì còn gì là bí mật?

Ông nuốt nước bọt, cổ ghì con tức giận, tiếp tục thủ thỉ:

— Thế một ngày nào đó anh có thể được đọc nó chứ?

Một tia sáng lóe lên trong ánh mắt Catherine. Bà mím môi, cay đắng.

— Được.

Im lặng bao trùm. Ngoài kia, bóng tối đã buông. Tiếng chim vàng anh hót líu lo và tiếng chùng mồi tách lên thân cây bay vào căn phòng qua cửa sổ mở toang. Người ta hít thở được cả sự bình yên, sự xa cách với vạn vật, và sự thư thái của khu vườn tự nhiên.

Henri không bật đèn, để mặc bóng tối bao trùm căn phòng. Trong sâu thẳm, buổi hoàng hôn đã tái hiện tình yêu của họ: thứ gì vốn sáng sủa nay đã trở nên đáng sợ, nhớp nhúa, bóng tối đã đè bẹp họ.

Ông hôn lên trán vợ rồi để bà ở lại.

Đúng sáu giờ sáng thứ Hai, ông vô cùng kín đáo triệu tập người đứng đầu cơ quan mật vụ, tướng Reynaud, chia sẻ cho ông ta biết nỗi lo của mình bằng cách đánh lạc hướng chút ít: ông lo sợ người vợ bệnh tật, nghiện ngập của mình sẽ viết ra những điều có thể bị hiểu sai đi, thậm chí sẽ bị đối thủ của ông khai thác. Ngay lập tức, vị tướng cử ngay một nhân viên đến bệnh viện tìm kiếm những trang viết ấy.

Đương kim Tổng thống – ứng cử viên Morel cảm thấy yên tâm và quay trở lại với công việc của mình.

Những tuần tiếp theo, bị công việc ngập đầu cuốn đi, quay cuồng hết với các cuộc họp hành lại đến các trường quay truyền hình, rồi nhận lời thực hiện các cuộc tranh luận nảy lửa với các đối thủ, ông chỉ đến thăm vợ được ba lần, dù trong lòng cảm thấy day dứt và có lỗi. Mỗi lần ghé thăm vợ, ông lại thấy bất ổn đến mức tỏ ra thô lỗ, không đủ dịu dàng; rồi nhận thấy sự suy

sụp ngày càng rõ đang khiến ông thêm quặn lòng. Dù bà không tỏ ra bức mình, nhưng ông biết mình đang làm vợ méch lòng, làm bà điên tiết, và ông đang khiến bà trả thù mạnh tay hơn trong những trang viết.

Rồi cũng đến ngày bầu cử. Tại vòng một, Henri Morel kiếm được bốn mươi tư phần trăm số phiếu bầu, không đủ để chiến thắng nhưng là một tín hiệu tốt cho vòng hai bởi các đối thủ của ông, lúc này đang bị chia rẽ, không có người đứng đầu thật sự xuất sắc, chỉ huy động được mười phần trăm số phiếu của cử tri cho mỗi người. Kết quả này cho phép người ta nghĩ đến việc nhiều cử tri sẽ chuyển sang bỏ phiếu cho ông.

Ông lao vào cuộc chiến với tất cả năng lượng vốn có, nhất là khi hành động đó giúp ông quên đi tình trạng hấp hối của Catherine và những hậu quả kéo theo.

Chủ nhật của cuộc bầu cử vòng hai, Henri Morel đã giành được vị trí tổng thống với năm mươi sáu phần trăm số phiếu bầu: một chiến thắng vang dội! Cả tổng hành dinh của ông mừng vui, đảng của ông hân hoan, dân chúng ùa ra đường ca hát, nhảy múa, cờ treo ngợp trời. Bản thân ông buộc phải đi đến đại lộ Champs-Élysées trên chiếc xe mui trần để cảm ơn đám đông đang tung hô mình.

Sau đó, được mời đến trước máy quay để bình luận về cuộc bầu cử, ông cố gắng giữ bộ mặt nghiêm trang vì không muốn trong vài ngày nữa, vào đám tang của Catherine, người ta sẽ trách móc mình vì đã tỏ ra vui mừng. Vả lại, ông ngạc nhiên nhận ra mình vẫn giữ được thái độ đúng mực và hướng nội không mấy khó khăn khi được quan tâm đến thế. Đêm đó, ông tổ chức ăn mừng chiến thắng cùng cử tri của mình.

Sáng sớm hôm sau, một mình trong căn hộ ở điện Élysée, tự ngấm mình trong gương dưới bộ dạng Adam, không chút thiện cảm, chẳng chút vui mừng, ông dành vài phút đứng phân tích những cảm xúc đang khiến ông rối bời: ông đâu muốn Catherine chết, cả vì lý do tốt lẫn lý do xấu. Lý do tốt là bởi từ tận đáy lòng mình ông thấy thương vợ, thương hơn là ông tưởng khi nhìn thấy bà bị bệnh tật hủy hoại. Lý do xấu là bởi cái chết

của Catherine sẽ đồng nghĩa với việc sự thật được phơi bày, những tiết lộ liên quan đến vụ ám sát trên phố Fourmillon và những chi tiết khác ảnh hưởng xấu đến ông, kéo theo các hệ lụy bất tận có khả năng nhấn chìm tương lai chính trị đang trong giai đoạn mỹ mãn của ông.

Đầu giờ chiều, khi ông đến Nhà thánh Rita thì cũng là lúc Catherine vừa rơi vào trạng thái hôn mê. Theo những gì cô y tá người Nga luôn túc trực bên bà kể lại thì một ngày trước đó bà vẫn nằm theo dõi qua ti vi hình ảnh của cuộc tái tranh cử, sau đó bà đã khóc, rồi ngủ thiếp đi. Sáng ra, bà không thức dậy nữa.

Một bác sĩ đến và khẳng định là bà sẽ không bao giờ tỉnh dậy nữa; và sẽ mất trong vòng bốn mươi tám giờ tới.

Theo phản xạ, Henri gật đầu khi đón nhận thông tin khủng khiếp này. Ông bị choáng đến nỗi thực tình không cảm thấy gì.

Sau khi nghe bà viện trưởng nhai đi nhai lại, bằng cái giọng khô khốc của mình và với một thái độ của kẻ quản lý rỗng tuếch, những gì mà người khác đã kể đến mức cảm thấy buồn nôn, ông tranh thủ lúc chỉ có một mình với Catherine để tìm kiếm cuốn sổ tay trong phòng.

Vô ích.

Ông hốt hoảng, hy vọng mật vụ do tướng Reynaud cử đến đã dọn dẹp căn phòng trước mình. Nhưng làm thế nào để biết chắc điều đó?

Tối đó tại Paris, ông tổ chức một cuộc gặp bí mật với tướng Reynaud, ông ta cho biết mật vụ đã lén vào đó và đứng nấp trong bếp từ một tháng nay mà không tìm được cuốn sổ. Thường thì Catherine cất nó dưới đệm, ấy vậy mà sáng nay khi người ta thông báo bà bị hôn mê, anh ta không tìm thấy cuốn sổ ở đó.

Henri tưởng như mặt đất sụp đổ dưới chân mình.

Sáng hôm sau, ông trở lại Nhà thánh Rita, viện có phải túc trực bên Catherine, và rồi vào buổi trưa, ông to tiếng với nhân viên bệnh viện: cuốn nhật ký vô cùng quan trọng của vợ ông giờ đã biến đi đâu? Cuốn sổ ấy đáng ra phải được đưa cho ông vào

lúc này! Một lính đặc công, được bà viện trưởng hèn hạ dẫn đường, đã tìm kiếm trong nhiều giờ, lục tung mọi góc ngách từ tầng hầm đến tầng áp mái của tòa nhà và thậm chí là cả ngăn để đồ của toàn bộ nhân viên, nhưng vẫn không tìm ra cuốn sổ. Tổng thống khẳng khẳng muốn người ta tiến hành thẩm vấn từng người một: ông tham gia vào tất cả các cuộc tra hỏi, nhưng vẫn không phát hiện ra bất cứ dấu vết nào. Sau khi nữ y tá cuối cùng bị tra khảo, đúng lúc ông định ra khỏi phòng thì một bác sĩ xuất hiện thông báo vợ ông đã chết.

Catherine Morel đã từ biệt cõi đời.

Chính vào giây phút đó, Henri bước vào một hành lang lạnh lẽo và ở lì trong đó nhiều tuần lễ: ông tuyệt vọng.

Tại điện Élysée, ông lợi dụng cái mà người ta gọi là “cú sốc” để khỏi phải tham gia vào ban tổ chức lễ tang. Rigaud vốn quá quen với những sự kiện kiểu này nên đã tổ chức một nghi lễ hoành tráng tại nhà thờ Đức bà Paris, được truyền hình trực tiếp trên màn hình lớn đặt trước nhà thờ và cả trên ti vi để người dân Pháp có thể theo dõi tại nhà.

Quan tài được đặt trên một chiếc xe tang trang hoàng bằng hoa hồng trắng đi giữa đội vệ binh quốc gia đội mũ cát chói sáng và cưỡi trên những con ngựa nòi trong trạng thái kích thích tiến về cổng chính nhà thờ; sau đó quan tài được đưa đến gian giữa và được các nghệ sĩ tạo hình trổ khênh lên. Hồng y Steinmetz với đức tin tuyệt đối và giọng nói vang như tiếng chuông cử hành nghi lễ, xen vào đó là các bài đồng ca, một tiết mục đơn ca của nữ ca sĩ nổi tiếng nhất và những khúc nhạc giao hưởng. Tổng thống Henri được mời tiến lại gần ban thờ, với cặp kính kín đáo trên mũi, ông đọc một bài diễn văn được cho là tự mình viết nhưng kỳ thực lại do một thạc sĩ văn chương xuất sắc làm việc cho điện Élysée soạn thảo vô cùng công phu, đây cũng là lần duy nhất không ai có thể chê giọng văn trữ tình và những lời nói chứa chan tình cảm của cô ta. Khi đọc đến những đoạn cuối cùng, bản thân ông cũng xúc động trước tấm lòng thương cảm của nữ tác giả, để mặc cho dòng cảm xúc đang bao trùm xâm

chiêm, trước hàng ngàn quan khách, Henri không giấu nổi những giọt nước mắt mà ông đã cố kìm nén để giữ tác phong đúng mực. Đến lượt đưa con gái cầm điếu của họ đến viếng mẹ với một bài phát biểu chỉ bằng toàn ký hiệu, nét mặt và cử chỉ, và dù không ai hiểu nhưng mọi người đều vô cùng xúc động trước sự biểu cảm sâu sắc của cô bé; đó chính là giây phút cảm động nhất của buổi tang lễ, đứa trẻ cầm đang nói trong câm lặng với một quan tài câm lặng. Lác đác vài người vỗ tay. Thoáng chút xấu hổ, Henri cúi đầu nghĩ rằng Catherine hẳn sẽ rất ghét tiết mục phô trương này.

Vài tiếng sau, khi thi hài vợ được vùi trong đất, Henri bắt đầu nghĩ tới những phiền muộn đang chờ đợi mình: những trò gian xảo của ông sẽ bị tiết lộ, danh dự của ông sẽ tiêu tan, ông sẽ bị truy tố và truất quyền tổng thống.

Dù ông đã ra lệnh cho cơ quan mật vụ truy tìm dấu vết cuốn nhật ký nhưng vẫn không có kết quả gì. Đám mật vụ đã mất công lực tung nơi ở của bạn bè bà, trong đó có cả Charles, tay buôn đồ cổ, hay thậm chí nơi ở của đứa con gái cầm điếu, nhưng cuốn nhật ký vẫn biệt tăm.

Henri không hề thú nhận với Rigaud cũng như tướng Reynaud rằng ông sợ nội dung mang tính phá hoại của cuốn sổ viết tay ấy. Ông giấu họ cả những bất hòa với vợ, giấu những tháng ngày đầu trí trước và trong thời điểm cận kề cái chết của vợ. Bản thân hai người đó, giống như hàng triệu người khác, vẫn tin ở “tình yêu mẫu mực”.

Một hôm, tướng Reynaud xin được gặp người đứng đầu Nhà nước.

Henri yêu cầu tất cả các cố vấn ra khỏi phòng để tiếp ông ta trong trạng thái bần chồn.

— Thế nào, tướng quân, ông lấy được nó chưa? Cuối cùng ông cũng tìm ra nó chứ?

— Không, thưa Tổng thống, nhưng chúng tôi đã xác định được vị trí của nó: nó ở Canada.

— Nó làm gì ở Canada?

— Nó sắp được một nhà xuất bản cho in.

— Cái gì?

— Tôi đã nhờ hai chuyên gia luật tư vấn rồi: không hề vướng mắc gì, tất cả đều hoàn toàn hợp pháp. Cuốn sổ đã được giao cho nữ y tá từng chăm sóc phu nhân, kèm theo là một bức thư ký tên cổ Phu nhân Tổng thống có sự làm chứng của một công chứng viên, người này đã hướng dẫn và làm thủ tục cho bước tiếp theo. Xuất bản cuốn sách này chính là thực hiện những nguyện vọng cuối cùng của phu nhân.

— Phải phản đối, khẳng định cuốn sổ đó là giả.

— Không thể được. Mọi tài liệu đều được phu nhân viết tay. Và các nhân viên bệnh viện đều đã nhìn thấy bà ấy viết chúng liên tục trong nhiều tuần lễ.

Henri ôm chặt lấy đầu.

— Khốn nạn, mụ ta đã tính toán hết rồi!

Reynaud cho là mình bị hoang tưởng: Ngài Tổng thống đáng kính không thể nói như thế về người vợ thương yêu của mình. Người lính già họ hắng, đỏ mặt, cựa quậy trên ghế, xấu hổ vì đã hiểu sai.

— Cảm ơn Reynaud, cảm ơn ông. Hãy đề nghị Rigaud hợp thức hóa phân tích của ông. Có nghĩa là chúng ta không thể can thiệp được nữa rồi...

— Vâng, thưa Tổng thống, tôi sẽ làm theo cách đó.

Ông ta đứng dậy chào Tổng thống. Ra đến cửa, ông ta dừng lại vì Tổng thống gọi:

— Reynaud! Cuốn sách đó tên là gì?

— Người đàn ông mà tôi từng yêu.

— Người đàn ông mà tôi từng yêu?

— Vâng. Một nhan đề rất hay phải không thưa Tổng thống?

Henri gật đầu đồng ý để đuổi vị tướng đi khỏi.

Ngu thật! Người đàn ông mà tôi từng yêu, một cái tên hay ư? Không, đó là một chứng cứ buộc tội thì có. Sao không đặt là Người đàn ông mà tôi từng yêu và giờ anh ta không còn nữa hay

Người đàn ông tôi từng yêu và tôi đã nhầm khi yêu anh ta. Tên sách này là axit sulfuric đậm đặc, một thứ chất độc, là ngày tận thế, nó truyền tới người dân Pháp một thông điệp rõ ràng: “Người đàn ông mà các người từng yêu đã sai lầm, người đàn ông mà các người tưởng là xứng đáng, trung thực và hào hiệp ấy chỉ là một tên khốn”, phải rồi, đúng nghĩa của nó là Người đàn ông đã lừa dối các vị!

— Rigaud!

Ông gào lên trong điện thoại. Chỉ vài giây sau, Rigaud thở hổn hển bước vào phòng.

— Rigaud, hãy đi Canada. Hãy xoay xở cách nào tùy anh đánh cắp nó, mua nó, phô tô lại, nhưng hãy mang ngay về cho tôi một bản của cuốn sách đó. Ngay lập tức!

Ba mươi sáu tiếng sau, Rigaud hạ cánh tại sân bay Roissy, leo lên một chiếc xe ôm để rút ngắn hành trình qua Paris và lao vào văn phòng tổng thống.

— Nó đây thưa ông, một cuốn Người đàn ông mà tôi từng yêu.

— Thế nào?

— Sao ạ?

— Anh đã đọc nó rồi.

— Tôi đâu có quyền, tôi không được lệnh, ông không muốn...

— Rigaud, tôi biết anh mà! Anh đã đọc nó! Phải không?

— Vâng, thưa Tổng thống.

— Vậy thế nào? Henri gầm lên.

Rigaud đỏ bừng mặt, mũi hết nhăn bên phải rồi bên trái, rồi anh ta ngoảnh nhìn sang chỗ khác và nói:

— Tuyệt hay, thưa ông... Vô cùng cảm động! Một bằng chứng đẹp nhất về tình yêu mà tôi chưa bao giờ được đọc.

Rồi anh ta rút từ túi áo ra một chiếc khăn mùi xoa gấp gọn gàng và còn ẩm.

— Xin lỗi ông, nhưng mới nghĩ đến nó là tôi lại khóc.

Anh ta đỏ mặt tía tai, bước ra khỏi phòng, vừa đi vừa hỉ mũi.

Đờ dẩn, tò mò, lo lắng, Henri vô lầy cuộn sách và mở ra.

“Căn phòng này là nơi tôi đến chờ đợi những ngày cuối cùng của cuộc đời, ấy thế mà tôi lại cảm thấy sung sướng. Trái tim tôi tràn ngập xúc cảm, tâm hồn tôi cảm thấy biết ơn: tôi đã được gặp anh. Chắc chắn tôi sẽ chết nhưng nếu như tôi đã sống, nếu tôi đã sống một chút, nếu tôi đã sống được nhiều, chính là nhờ có anh, Henri của tôi. Chỉ nhờ có anh mà thôi.

Tôi vẫn thường run lên mỗi khi nghĩ đến việc không thể ghé qua quán rượu ở Paris đó, nơi tôi thường đến mua thuốc lá, và tránh chiếc bàn phoóc mi ca nơi anh – ngay từ hồi đó – tạo dựng lại thế giới với đám bạn sinh viên của mình. Ngay khi tôi nhìn thấy anh.”

Henri đọc một mạch đến từ cuối cùng. Gấp cuốn sách lại, ông không chỉ khóc nức nở giống như bất cứ ai sẽ đọc cuốn tự truyện này, mà ông đã hoàn toàn thay đổi: ông đã tìm lại được Catherine, lại yêu bà say đắm.

Catherine trong lúc sắp lìa đời đã viết nên một bản tình ca tuyệt vời, phi thường, ca ngợi người đàn ông duy nhất của mình, người đã đem lại cho bà niềm vui, niềm phấn khởi, hết bất ngờ này đến bất ngờ khác, người đàn ông dũng cảm, thông minh và quyết đoán mà bà ngưỡng mộ.

Cuộc sống của chúng ta được tạo nên như thế, nó khủng khiếp hay tuyệt vời là do cách ta nhìn vào đó. Cùng những sự kiện giống nhau nhưng có thể được nhìn nhận là thành công hoặc thảm họa. Nếu như trong những lúc bất hòa Catherine từng cho rằng cuộc sống vợ chồng của bà giống một câu chuyện dối trá, thì vào những tháng cuối đời, bà đã nhìn nhận lại và phủ lên nó một tình yêu bao la.

Có những số phận giống như những cuốn sách thiêng liêng: khi đọc nó người ta mang lại cho nó một ý nghĩa. Khi cuốn sách đóng lại mãi mãi câm lặng; nó chỉ lên tiếng khi được mở ra; và ngôn ngữ mà nó sử dụng sẽ là ngôn ngữ của người đọc nó, mang

sắc màu của những mong chờ, ham muốn, khát khao, ám ảnh, bạo lực và sợ hãi của người đó. Các sự kiện cũng giống như những câu văn trong cuốn sách, bản thân chúng không có ý nghĩa gì, chúng chỉ mang ý nghĩa mà người ta gán cho chúng. Catherine đã yêu Henri chân thành, lúc ghét Henri cũng chân thành; và mỗi lần ấy, bà đã sắp đặt quá khứ theo những gì mà bà cảm nhận ở hiện tại. Lúc cận kề cái chết, tình yêu một lần nữa ngự trị trong bà; bởi vậy sợi chỉ vàng bí mật dệt nên các sự kiện trong cuộc đời họ, sợi chỉ đã giúp bà viết nên câu chuyện, chính là sợi chỉ của tình yêu.

Một tháng sau khi cuốn sách được xuất bản và nhận được thành công vang dội, nữ y tá mà Catherine đã gửi gắm tâm sự được mời đến gặp riêng Tổng thống tại điện Élysée. Dù ông cố tỏ ra độ lượng, hoặc có thể vì ông tỏ ra quá độ lượng, cô vẫn xin lỗi ông: nếu cô mới đây đã lừa dối ông vì không trao cuốn sổ lúc ông yêu cầu ở Nhà thánh Rita thì là vì cô đã tuân theo mong ước của bà Morel.

— Giá mà ông biết được bà ấy thần tượng ông đến nhường nào! Ngày ngày bà ấy đợi ông từ sáng đến tối. Bà ấy sống chỉ vì ông thôi. Khi biết mình sắp ra đi, bà ấy đề ra hai mục đích: viết nên cuốn sách này và không làm ảnh hưởng đến việc tái tranh cử của ông. Chính vì ông mà bà ấy gượng sống. Khi được chứng kiến thành công của ông qua ti vi vào ngày Chủ nhật, bà ấy đã khóc và nói: “Tốt rồi, anh ấy đã chiến thắng, giờ tôi ra đi được rồi”. Vài giờ sau, bà ấy chìm vào hôn mê. Chỉ có một tình yêu siêu phàm mới giúp bà ấy trụ được lâu đến thế.

Nhiệm kỳ cuối cùng của Henri Morel, nếu các nhà phân tích chính trị vẫn còn tranh cãi – làm sao mà khác được? – đã lại mang đến cho tất cả mọi người, ngay cả các đối thủ bảo thủ nhất, cơ hội được ngưỡng mộ con người đó.

Người ta không những không còn thấy ông có người tình, mà còn thấy ông tôn thờ người vợ quá cố của mình, một lòng tôn thờ chân thành nhất mà ông không hề giấu giếm. Chân dung

Catherine dưới dạng ảnh chụp, tranh vẽ được trưng bày khắp nơi trong không gian riêng của Tổng thống, thậm chí cả trong phòng tắm. Bằng tiền riêng và sự giúp đỡ của các Mạnh Thường Quân, ông lập nên một quỹ, quỹ Catherine-Morel, dành riêng cho nghệ thuật đương đại, niềm đam mê của người quá cố, nhằm động viên các nghệ sĩ trẻ bằng các đơn đặt hàng, những chuyến đi đây đi đó, và các khoản trợ cấp. Cũng trong thời gian ấy, Tổng thống như tìm lại được thời gian đã mất và cuối cùng cũng đọc những cuốn sách mà trước đây bà từng khuyên ông đọc. Tối tối, ông lánh mình trong phòng khách cũ, bật bản nhạc mà bà từng yêu thích, xịt loại nước hoa xịt phòng mà bà từng chọn, rồi đắm chìm vào những cuốn sách. Giữa các trang sách, vượt qua cuộc ra đi của bà, ông được gặp lại bà và muốn tiếp tục – hoặc là nối lại? – cuộc trò chuyện cùng bà.

Sự sùng bái thanh khiết đó làm xúc động biết bao tâm hồn trong sáng ở phía bên kia biên giới.

Tình cảm nào không mang trong nó một mặt trái, giống như miếng vải lót bên trong một chiếc áo? Tình yêu nào không chứa trong nó sự hận thù? Một bàn tay đang vuốt ve trong chốc lát có thể vồ lấy một con dao. Niềm đam mê cháy bỏng nào không biết đến cơn thịnh nộ? Chẳng phải ta có thể giết chóc bởi xung năng kết hợp, cái xung năng giúp ta truyền sự sống? Tình cảm của chúng ta không đổi thay, nhưng nó mơ hồ, đen hay trắng tùy vào mức độ tác động, nó căng ra giữa những bất hòa, nó gợn sóng, ngoằn ngoèo, có khả năng khiến người ta làm những điều tồi tệ nhất cũng như những điều tốt đẹp nhất.

Tình yêu lạc lối giữa những hành lang thời gian. Ông và Catherine ban đầu đã yêu nhau, rồi đánh mất nhau, sau đó không còn coi trọng nhau, người này bùng bùng lửa trong lúc kẻ kia lại cảm ghét, vậy mà cái chết đã xóa đi thực tế và những mặt yếu kém của nó. Kỷ niệm giúp sửa chữa những sai sót, loại bỏ những lầm lẫn, và tái thiết. Kể từ nay, với Henri cũng thế, ông để mình bị cuốn theo tình yêu. Một cách chân thành.

Sau khi từ chối tranh cử nhiệm kỳ thứ ba, Tổng thống Morel về hưu, gắn cuộc đời mình với quá khứ. Đơn độc, thanh thản,

cởi mở, con người vĩ đại ấy dành toàn bộ những năm tháng còn lại để viết hồi ký. Lần đầu tiên, những lời tâm sự của một người đứng đầu Nhà nước, nếu chúng thuật lại một cách chi tiết tham vọng và sự nghiệp chính trị của ông, lại chỉ mang một tiêu đề đơn giản, để tưởng nhớ người mà ông nhớ nhung và yêu thương hơn hết thấy mọi điều trên đời, Một tình yêu mẫu mực.

Do có thói quen đưa thêm phần nhật ký viết lách vào bản sách tái bản lần thứ hai, tôi phát hiện ra rằng độ giả rất hoàn hảo nội dung của nó. Đây là lần đầu tiên tôi đưa các trang viết này ngay vào lần xuất bản đầu. Đó là những đoạn trích từ cuốn nhật ký của tôi liên quan đến cuốn sách bạn đang cầm trên tay.

Sáng hôm qua, một ý tưởng lóe lên trong tâm trí tôi, mạnh mẽ, căm dỗ, quyết liệt đến mức, chỉ trong bốn mươi tám giờ đồng hồ, nó đã hoàn toàn xâm chiếm tôi, làm thay đổi mọi kế hoạch, mọi sự chuẩn bị, mọi câu hỏi của tôi và chiếm lĩnh cả tương lai tôi. Nó coi tôi như một đối tác vâng lời nó. Điều tệ hại nhất ư? Nó kéo theo cả gia đình tôi.

Trong khi tôi đã vui lòng mở cửa, thì giờ đây tôi khó mà thoát khỏi nó, không còn sự lựa chọn nào: tôi buộc phải viết.

Cái ý tưởng ấy là gì vậy? Một người đàn ông hồi còn trẻ đã phớt lờ việc cứu sống một người đàn ông khác. Vì hành động ấy, kẻ phạm tội đã phát hiện ra con quái vật trong mình, tự dần vật và thay đổi bản thân triệt để. Hai mươi năm sau, khi anh ta đã trở nên vị tha và hào hiệp, thì nạn nhân tìm ra anh ta: nỗi đau khổ đã biến người này thành một kẻ thù hận, tức tối và tàn ác... Hành trình của hai người đàn ông ấy đã hoán đổi vị trí của họ: nạn nhân đã biến thành tên đao phủ, còn gã giết người cư xử như một người tử tế. Một cuộc sám hối hội ngộ một sự đọa đày... Chuyện gì sẽ xảy ra đây?

Ngay khi tôi ghi lại ý tưởng này, thì những chi em của nó cũng xuất hiện. Chủ đề sự biến chuyển ở con người tùy theo những lựa chọn hoặc những tổn thương tinh thần của họ đã mang đến cho tôi những câu chuyện khác.

Tối hôm nay, tôi đã có đến tám hay chín câu chuyện rồi. Niềm vui khiến tôi chẳng cảm thấy mệt mỏi gì.

Có một điều chắc chắn rằng: vậy là một cuốn sách đang đòi hỏi được ra đời.

Trái với những gì người ta thường nghĩ, một tập truyện ngắn thực sự là một cuốn sách, theo một chủ đề và một hình thức. Nếu các truyện ngắn mang tính độc lập cho phép người ta đọc chúng một cách riêng lẻ, thì với tôi, chúng cùng nằm trong một chủ đề chung, một chủ đề có phần mở đầu, đoạn giữa và kết thúc.

Ý tưởng về cuốn sách có trước các truyện ngắn, nó triệu đến và tạo ra các truyện ngắn trong trí tưởng tượng của tôi.

Cũng theo cách đó tôi đã viết nên *Một ngày mưa đẹp trời* và *Cô nàng mơ mộng* thành Ostend.

Tôi không tạo ra một bó hoa bằng cách tập hợp những bông hoa riêng lẻ mà tôi tìm kiếm những bông hoa phù hợp với từng bó.

*

Đôi khi, tôi có viết truyện ngắn vì một sự kiện, một nguyên cớ, một lễ tưởng niệm. Những truyện ngắn ấy là những trang giấy tháo rời được. Nếu có ngày gom chúng lại, tôi sẽ đặt tên cho chúng là *Những truyện ngắn được gom lại*, để phân biệt với tuyển tập truyện ngắn được viết ra như một tác phẩm hoàn chỉnh. Chúng sẽ nằm trong một tập truyện, nhưng chúng không tạo nên một tập truyện.

*

“Mụ đầu độc”...

Như mọi bận, nhân vật tôi viết ra đã xâm chiếm tôi. Tôi đã biến thành một mụ già – chuyện này tôi quen rồi – một mụ giết người hàng loạt ở tỉnh lẻ – chuyện này tôi chưa quen lắm... Bằng cách nào mà các tác giả tiểu thuyết đen có thể sống một cuộc đời bình thường được nhỉ? Tôi lo sợ cho những người thân của mình... Từ mấy hôm rồi, tôi trở nên đều căng giống như mụ sát

nhân của tôi, tôi không bộc lộ một chút từ tâm nào nữa, tôi giết người bằng những suy tính của mình, tôi sung sướng vì điều đó. Trong bếp, thay vì dầu và dấm, tôi nhìn thấy những lọ thuốc độc, tôi mơ tới những điều khủng khiếp khi nếm nếm các món xốt. Tôi hôm qua thôi, tôi gần như thất vọng khi dọn ra món thịt hầm nấm chẳng chứa lấy chút gì nguy hiểm trong đó cả.

Ngay cả khi tôi không viết, nhân vật cũng không tha cho tôi. Nó ám ảnh tôi và đôi khi lên tiếng thay tôi. Không phải chỉ có nhân vật ấy quẩn lầy da thịt tôi – việc này không nghiêm trọng – mà nó còn quẩn cả vào tâm trí tôi nữa. Nó huy động trong tôi tất cả những gì giống với nó. Nếu nhân vật của tôi xấu xa, nó làm trội dậy sự xấu xa trong tôi.

Khi viết cuốn *Nửa kia của Hitler*, tôi đã run sợ rồi...

Đêm nay, tôi bối rối đến mức, để cứu bản thân, tôi nghĩ đến việc bắt tay vào viết tiểu sử của thánh Francesco thành Assisi...

Hay của Casanova đây?

*

Những câu chuyện này vừa đi qua những chặng đường đời vừa tự hỏi xem liệu đó là những đường mòn dẫn đến tự do hay những con lộ đưa tới quyết định luận.

Chúng ta có tự do không?

Câu hỏi này tồn tại lâu hơn các câu trả lời, và sẽ tiếp tục tồn tại sau tất cả các câu trả lời. Bởi tôi cảm thấy sẽ là hoặc gian dối, hoặc sỗ sàng, hoặc ngu xuẩn khi khẳng định như đinh đóng cột bất cứ điều gì.

Chúng ta có cảm giác tự do khi chúng ta cân nhắc, lưỡng lự, chọn lựa. Nhưng liệu cảm giác ấy có phải là một ảo tưởng? Quyết định đưa ra chẳng phải kiểu gì cũng sẽ được đưa ra hay sao? Nếu trí não ta đưa ra một sự chọn lựa, chẳng phải nó đã được điều khiển để đưa ra đúng lựa chọn đó? Và nếu như đó là một sự cần thiết mang tính quyết định nằm trong vỏ bọc của tự do lý trí...

Các nhà triết học, chọn đứng về phía Descartes – tự do có tồn tại – hoặc phía Spinoza- tự do không tồn tại – luôn đối đầu nhau trong một cuộc chiến bất phân thắng bại. Tại sao? Bởi họ tranh cãi bằng lập luận chứ không phải bằng dẫn chứng. Lý thuyết chọi lý thuyết. Kết quả: chỉ có vấn đề đặt ra là vẫn còn nguyên xi.

Tôi công nhận rằng tôi cảm động hơn trước những người ủng hộ tự do, như Kant và Sartre, bởi tôi có cảm giác được trải nghiệm tự do trong cuộc sống của mình. Thêm vào đó, tôi cần tin vào tự do vì những lý do tinh thần: không có đạo đức lẫn công lý nào được tạo nên nếu con người không được tự do, con người là tác giả hành động của mình nên phải có trách nhiệm; vô thưởng vô phạt. Người ta có nợ trách một hòn đá khi rơi? Người ta có trừng phạt nó không? Không.

Tuy nhiên, việc cần tự do là vì những lý do tinh thần, chứ không phải vì biết rằng tự do tồn tại. Cầu xin tự do không phải là chứng minh tự do có tồn tại.

Câu hỏi vẫn còn đó.

Đó là đời sống nội tâm cốt yếu của thân phận con người: sống với nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời.

*

Vào tháng Mười, tôi có chuyến đi sang Mỹ và Canada, khu vực nói tiếng Anh, để giới thiệu bản dịch tiếng Anh của tập truyện ngắn đầu tiên, *Một ngày mưa đẹp trời*, nhờ vào sự diệu kỳ của việc chuyển ngữ nó đã trở thành *Cuốn sách hay nhất thế giới* (*The Most Beautiful Book in the World*, dựa theo truyện cuối cùng của tập truyện), đây chắc chắn cũng là nhan đề khiêm nhường nhất thế giới.

Cuốn sách được nồng nhiệt đón chào. Mà này! Điều ấy có nghĩa là vào lúc này nước Pháp có tiếng tốt, bởi lẽ sự tiếp nhận dành cho một số rất ít sách tiếng Pháp được xuất bản ở đây phản ánh tình hình các mối quan hệ quốc tế. Tôi vui mừng được biết chỉ có người Pháp mới kết hợp giai thoại với triết học, mới bàn

luận về các vấn đề nghiêm trọng một cách vừa nhẹ nhàng vừa sâu sắc. Hôm nay người ta vỗ tay tán dương. Vào những thời điểm khác, họ đã từng trách móc tôi...

Ở những dịp liên hoan văn học này, vào những buổi đọc sách trước công chúng mà tôi buộc phải sử dụng bản dịch sang tiếng Anh Mỹ, phản ứng của thánh giả và độc giả làm tôi phấn khởi. Sau đó, họ lao đến hiệu sách kế bên, đôi khi ở đó không có đủ sách, và tự nhủ mình lỗi viết chi tiết của tôi lôi cuốn. Tuy nhiên, có rất ít chi tiết trong các cuốn sách của tôi... Nhưng tôi kể tất cả mọi sự thông qua chính các yếu tố này. Người Pháp từ xa xưa đã có truyền thống nói “lưỡi ‘gươm’” thay cho “thanh gươm” hay “cánh buồm” thay cho “con tàu”. Người ta gọi đó là biện pháp đề dụ – lấy bộ phận để chỉ tổng thể – và đi xa hơn lỗi viết, tôi phát triển phép đề dụ sang nghệ thuật viết kịch, sang quá trình kể.

Thực ra, việc nhiễm thói quen sử dụng phép đề dụ được sử dụng lan tỏa như thế này là điều đáng ngạc nhiên trong thế giới Anh ngữ, nơi người ta làm ra những cuốn sách to, to một cách hệ thống, chứa đầy những chi tiết và những đoạn mô tả, là kết quả của một công trình nghiên cứu và tra cứu khổng lồ, những cuốn sách này chứa các thông tin dàn trải trên hàng trăm trang.

Tôi cho rằng nghệ thuật của nhà văn, giống như nghệ thuật của họa sĩ, nằm ở việc lựa chọn: đặt ra một khung cảnh hợp lý, xác định thời điểm có lợi nhất để kể, và diễn đạt hàm súc.

*

Vẫn là châu Mỹ... Tôi cảm nhận được một niềm hạnh phúc thực sự khi lần đầu biết đến các cuốn sách và tác giả mà trước đó tôi chưa hề biết; tôi cùng họ trải qua nhiều bữa tối bên nhau, quanh ly rượu chúng tôi tái tạo thế giới và suy ngẫm lại về văn chương như thể chúng tôi vẫn còn đôi mươi... Sự lịch thiệp khiêm nhường và cách họ tôn trọng người khác khiến tôi cảm động và truyền cảm hứng cho tôi.

Chiều nay, nhiều nhà văn lần lượt lên đọc trong một hội trường đông nghịt người. Các đoạn văn đều hay, đều do các tác giả người Mỹ hoặc Canada đọc, ấy vậy mà tôi lại có cảm giác về một món ăn ít ỏi, không đủ no.

Hẳn nhiên, khi rút lại còn vài trang thì không một trích đoạn tiểu thuyết nào tự nó lại đủ đầy được bởi nó vốn thuộc về tổng thể một cuốn sách kia mà.

Vậy nên tôi dễ dàng bước lên bục với một truyện ngắn hoàn chỉnh và dễ dàng khiến cả khán phòng thích thú.

Điều tuyệt vời ở người Mỹ là họ chơi đẹp. Các nhà văn đồng nghiệp không những không ghen tị mà còn ca ngợi tôi hết lời.

Cả ở khoản này, tôi đã tự nhủ rằng mình còn nhiều điều phải học...

*

Ở Toronto, tôi đã chuyện phiếm với một nhà phê bình văn học. Quanh chúng tôi, hàng chồng sách đủ thể loại lẫn lộn vào nhau, từ tiểu thuyết thị trường do một chiến dịch marketing điên rồ lăng xê, đến các tác phẩm văn học, tiểu thuyết của các ngôi sao thể thao hay điện ảnh không phải nổi tiếng vì đã viết sách mà viết sách vì họ nổi tiếng, vân vân. Tôi không giấu anh ta một cảm giác buồn nôn đang dâng lên trong mình:

— Làm cách nào mà anh chọn lọc và phân loại được mớ sách này?

— Tôi đếm người chết.

— Gì cơ?

— Tôi đếm người chết. Hơn hai người chết, đó là một cuốn sách thị trường. Một hoặc hai người chết, là sách văn học. Không có người chết, đó là truyện thiếu nhi.

*

“Trở về”.

Tôi viết truyện này khi ở xa nhà, giống như tay thủy thủ trong câu chuyện của tôi vậy. Lang thang từ phòng khách sạn này sang phòng khách sạn khác, tôi bị tra tấn bởi nỗi nhớ người thân. Trong lúc nóng lòng muốn gặp lại họ, tôi viết truyện này dành tặng họ, để rồi, có thể khi tôi về đến nơi, họ đoán được tôi đã nhớ họ nhường nào, tôi yêu họ biết bao nhiêu, và nhất là tôi muốn được yêu họ hơn nữa biết mấy.

Công việc nặng nhọc làm tiêu hao thời gian, thước đo thời gian chính là những câu viết, mà chúng thì không bao giờ có cùng độ dài.

Giả như tôi có thể biến cuộc sống của mình thành một truyện ngắn, thì có lẽ tôi sẽ trở thành một người đàn ông tuyệt vời...

*

Tôi vẫn luôn không chắc Vancouver có tồn tại thật hay không.

Nằm ở phía Tây của cực Tây, tận chân mây cuối trời của một châu Mỹ mà bản thân nó cũng nằm ở tít phía bên kia đại dương, thành phố này là một chốn trừu tượng, mơ hồ tựa như vô cực trong toán học. Với tôi dường như Vancouver là một chân trời, giống như bất cứ chân trời nào khác, cứ lùi lại mỗi khi ta tiến lên, là phương Tây tận cùng, là phương Tây xa xôi.

Phương Tây xa xôi còn xa hơn cả phương Đông bởi lẽ chính giấc mơ và lòng quyết tâm của những gã đàn ông đã thúc đẩy họ phiêu lưu đến tận nơi đó. Vậy nên tôi khó lòng mà hình dung ra được ở đây có những con phố thực thụ, những con người thực thụ, những cửa hàng, những nhà hát, những tờ báo địa phương.

Tôi đang đứng đây trên bán đảo Grandville, một khu có các nền văn hóa đan xen, phía trước những tòa nhà bằng kính nơi những đám mây bay qua thật nhanh.

Tôi yêu chốn này ngay tức thì. Và tôi yêu những độc giả với những gương mặt đa dạng đến thế, bản thân những gương mặt

ây cũng là những cuốn sách bởi lẽ tất cả đều là hiện thân của một cuốn tiểu thuyết, câu chuyện về việc họ đến nơi này, câu chuyện về ngoại hình của họ – người da đỏ, người châu Á, người Bắc Âu, người Đức, người Anh – câu chuyện về cuộc đời được tái thiết của họ.

Vancouver khiến tôi thích đến mức nó tự bước vào truyện ngắn của tôi. Đó sẽ là quê hương của “Trở về”.

*

Trở về châu Âu, tôi chau chuốt lại hai truyện đầu.

Hôm trước, khi nhìn thấy một người nhìn mặt với đề tài truyện ngắn, kiểu như những truyện ngắn này bộc lộ sự lười nhác hoặc mệt mỏi của tác giả, tôi đã tự thắc mắc về việc ít người coi trọng nghệ thuật này ở Pháp, dù đã có Maupassant, Daudet, Flaubert, Colette hay Marcel Aymé^[4].

Luôn thích tiểu thuyết hơn truyện ngắn liệu có phải là một thái độ tiểu tư sản? Thái độ đã khiến ông bà Fromage mua một bức tranh sơn dầu cho phòng khách thay vì một bức hình họa? “Hình họa thì bé hơn, không nhìn thấy được từ xa, và người ta sẽ không bao giờ biết nó đã được hoàn thành chưa.”

Tôi tự hỏi lẽ nào chẳng phải gu thẩm mỹ kém của giới giàu có đang được thể hiện đó sao. Họ muốn tác phẩm dài, nhiều chương hồi với nhiều đoạn mô tả, hội thoại lê thê như chuyện phiếm; họ đòi phải có các thông tin lịch sử nếu đó là cuốn tiểu thuyết về quá khứ, hoặc những hồ sơ báo chí nếu nó diễn ra vào ngày hôm nay. Tóm lại, họ thích công việc cực nhọc, đổ mồ hôi, năng lực được khẳng định, công sức được nhận ra: họ muốn giới thiệu cuốn sách với bạn bè, chứng tỏ rằng đã không để cho người nghệ sĩ hoặc người bán hàng qua mặt.

“Với một tiểu thuyết tám trăm trang, ông Fromage thốt lên, chắc chắn tác giả đã mất công mất sức.”

Cũng có thể không, thật đấy...

Rút ngắn một câu chuyện xuống chỉ còn ý chính, tránh những diễn biến vô ích, chuyển một đoạn mô tả thành một gợi ý, cắt gọt câu từ, dẹp mọi thứ làm thỏa mãn tác giả sang một bên, việc này tốn thời gian, việc này đòi hỏi nhiều giờ phân tích và phê bình.

Về cơ bản, nếu ông bà Fromage cho rằng tiểu thuyết “nghệ thuật hơn truyện ngắn” thì là bởi đó là lỗi nghệ thuật khoa trương.

*

Trong lúc đọc lướt qua đoạn trước, tôi nhận ra rằng mình đã rơi vào cái bẫy bút chiến: suy nghĩ hai mặt.

Tôi suy nghĩ giống như những người tôi trách móc là suy nghĩ kém cỏi: tôi đối đầu, tôi phân thân làm hai, tôi nâng bên này lên trong khi dìm bên kia xuống. Thật ngu xuẩn! Suy nghĩ, ấy là chấp nhận tính phức tạp, thế mà bút chiến lại không suy nghĩ bởi nó chỉ cái phức tạp ra làm đôi.

Tóm lại, tôi thích tiểu thuyết cũng nhiều như thích truyện ngắn, nhưng vì những lý do khác nhau với mỗi thể loại.

Tôi nhận được một giải thưởng ở Ý cho cuốn *Cô nàng mơ mộng* thành Ostend, tập truyện ngắn thứ hai của tôi. Ở đây, tôi có cảm giác các nhà phê bình đã hoàn toàn thấu hiểu điều tôi cố làm bởi vì họ thuộc nằm lòng *Những bài học Mỹ* của Italo Calvino^[5], một trong những cuốn sách gối đầu giường của tôi. Việc một người trí thức tìm kiếm sự nhẹ nhàng, đơn giản không khiến họ bị sốc; ngược lại, họ tán dương bởi họ biết công việc ấy khó khăn ra sao. Bằng sự tinh tế mang chất La tinh, họ không nhầm lẫn giữa tính đơn giản và thói đơn giản hóa quá mức.

Đơn giản hóa quá mức: không hiểu biết về những thứ phức tạp.

Đơn giản: các khó khăn đã được giải quyết.

*

Ở Verona, tôi được biết đến một câu chuyện đẹp.

Vào nửa đầu thế kỷ 20, có một người làm vườn phụ trách chăm sóc khu nghĩa trang nơi có phần mộ của nàng Juliette. Nhiều du khách đến ngắm mộ nàng, nhiều đôi uyên ương đến đây ôm hôn nhau, và những kẻ bất hạnh đến đây để khóc. Cảm động trước cảnh tượng được chứng kiến hằng ngày, người làm vườn đã huấn luyện các chú chim để mỗi khi anh ta ra lệnh chúng bèn đến đậu lên vai của những tâm hồn đau khổ, rồi trao tặng họ một nụ hôn trộm. Hiện tượng này khiến mọi người sung sướng, tò mò, rồi dần dà, những lá thư từ khắp nơi trên thế giới được gửi đến hỏi xin Juliette những lời khuyên về tình yêu.

Người làm vườn có thói quen trả lời các bức thư ấy bằng cây bút lông đẹp đẽ của mình và ký tên Juliette.

Đến khi anh ta qua đời, vào khoảng những năm năm mươi, những bì thư tiếp tục chất thành đống với một dòng địa chỉ duy nhất: “Juliette, Verona, Italia”. Một số người Verona quyết định duy trì thói quen này và lập ra Câu lạc bộ các nàng Juliette, một nhóm gồm bảy phụ nữ chuyên viết thư trả lời những người bất hạnh hoặc những người cô đơn đã giải bày vấn đề của mình.

Tối hôm qua, tôi đã gặp bảy nàng Juliette của ngày nay, những phụ nữ trí thức, những nhà tâm lý học, nhà xã hội học, luật sư viết thư cho những kẻ bị kết án tử ở Texas hay một người gác hải đăng ở tận Trung Hoa...

Verona lạ kỳ mà người Ý đã dựng nên và được một người Anh, Shakespeare, khiến nó trở nên nổi như cồn...

*

Như thường lệ, bản thân tôi không sống nữa. Việc viết lách đã hoàn toàn xâm chiếm tôi và gạt mọi thứ không liên quan đến nó sang bên. Bị giam hãm, tôi chỉ còn làm mỗi một công việc là

cạo giấy, bắt tay vào thực hiện một điều cấp bách: các nhân vật muốn sống, và câu chuyện muốn tìm ra ngôn từ của nó.

Tôi trải qua dịp lễ vào tháng Mười hai này hết một bóng ma. Sự ám ảnh dành ra cho tôi vài giờ nghỉ ngơi để nói chuyện chân thành với bố mẹ, em gái và chồng con bé, mấy đứa cháu, thế rồi ngay khi tôi vừa rời khỏi phòng, tác phẩm đang viết dở lại chiếm lĩnh tôi.

Đôi lúc tôi tự nhủ nghiệp viết lách chẳng yêu quý gia đình và bạn bè tôi gì cả. Hết một người tình cố chấp, nàng cô lập tôi, chia tách tôi khỏi họ.

Có thể vì lý do đó mà tôi đưa họ, những người thân của mình, vào quá trình viết. Tôi nghĩ đến họ, đến lúc họ sẽ đọc sau này, tôi cố gắng tạo bất ngờ cho họ, khiến họ vui vẻ, tôi đánh cược điều mà mỗi người sẽ thích hoặc không thích trong một trang sách. Tôi dẫn dụ họ như những độc giả tiềm năng của câu chuyện mà tôi viết.

Nhưng ngay khi đối diện với họ, tôi lại không còn ở đó nữa. Tôi giả bộ tôi là tôi và tôi nhớ ra họ là họ.

*

Truyện ngắn là một bức vẽ của tiểu thuyết, một tiểu thuyết rút gọn lại ở ý chính.

Thể loại luôn đòi hỏi cao này không tha thứ cho sự phản bội.

Nếu như người ta có thể sử dụng tiểu thuyết để làm kho chứa đồ thì với truyện ngắn điều này là không thể. Phải đo đạc không gian phù hợp cho việc tả cảnh, hội thoại và phân đoạn. Bất cứ lỗi cấu trúc nào dù là nhỏ nhất cũng sẽ lộ ra. Cả sự thỏa mãn cũng thế.

Thỉnh thoảng tôi nghĩ rằng truyện ngắn sẽ giúp tôi thành công bởi trước hết tôi là một người của sân khấu.

Chúng ta biết rằng, từ thời Tchekhov^[6], Pirandello^[7] hay Tennessee Williams^[8], truyện ngắn thích hợp với những nhà

viết kịch. Vì sao ư? Người viết truyện ngắn có cảm giác đang điều khiển độc giả: anh ta tóm lấy độc giả ở câu đầu tiên và kéo độc giả đi theo tới câu cuối cùng, không ngừng nghỉ, và cũng như cách anh ta quen làm thế trong kịch nói.

Các nhà viết kịch thích truyện ngắn bởi họ có cảm giác rằng truyện ngắn tước đi tự do của độc giả, rằng truyện ngắn biến độc giả thành khán giả không tài nào ra khỏi khán phòng nữa, trừ phi anh ta rời hẳn chỗ của mình. Truyện ngắn trao lại cho nhà văn cái quyền ấy, quyền quản lý thời gian, quyền tạo ra một màn kịch, những trông đợi, những bất ngờ, quyền thức tỉnh xúc cảm và trí thông minh, sau đó là quyền đột ngột hạ màn.

Thực vậy, tính súc tích đặt truyện ngắn ngang hàng với âm nhạc hay kịch nói: một nghệ thuật của thời gian. Thời gian để đọc nó – giống như thời gian nghe nhạc hoặc xem kịch – được điều khiển bởi người tạo ra nó.

Tính súc tích khiến cho việc đọc trở nên lôi cuốn.

*

Tôi nhạy cảm với một thứ mà tôi ít khi nghe nói đến: kích cỡ chuẩn của một cuốn sách.

Với tư cách độc giả, tôi cho rằng phần lớn các cuốn sách mà tôi đọc qua không có kích thước chuẩn với nó: cuốn này dày ba trăm trang trong khi chủ đề chỉ cần một trăm, cuốn kia chỉ ngắn một trăm hai mươi trang trong khi nó yêu cầu phải có đến năm trăm. Vì lẽ nào phê bình văn học vẫn tiếp tục né tránh tiêu chí này nhỉ? Nhìn chung, phê bình văn học bằng lòng với việc nhấn mạnh về độ dài, nhưng chỉ là khi nào sách dài dằng dặc mà thôi.

Sự thiếu sót này còn gây ngạc nhiên hơn ở chỗ, trong các bộ môn nghệ thuật khác, người ta đo được tính tương thích giữa nội dung và hình thức. Trong điêu khắc, người ta sẽ ngạc nhiên khi một nghệ sĩ tạc được cả một công trình khổng lồ trong một viên đá nhỏ hay chỉ đeo một bông hoa bồ công anh trong một tảng đá cao tận sáu mét; trong hội họa, người ta hiểu được mỗi

liên quan giữa khung tranh, kích thước tranh và chủ đề; trong âm nhạc, đôi khi người ta nhận xét được rằng chất liệu âm nhạc thể này hay thể kia là không đủ cho độ dài của một bản nhạc này hay bản nhạc kia. Còn trong văn học thì không bao giờ.

Tôi có một niềm tin rằng mỗi câu chuyện lại mang trong nó một độ dày đặc riêng đòi hỏi phải có một hình thức viết phù hợp.

Rất nhiều tiểu thuyết chỉ là một sự mất cân xứng giữa nội dung và hình thức, nói một cách khác là có nhiều thứ để lấp chỗ trống hơn là những yếu tố cơ bản. Nhiều khi, người ta viết dài ngoằng ra, những đoạn tả cảnh lê thê quay ngoắt sang biên bản của mô tả, những đoạn hội thoại nhai đi nhai lại về cuộc sống và phá tan lối viết, những lý thuyết được nê nếm lại một cách tùy tiện, những diễn biến dày đặc như một khối ung thư.

Khi một nhà xuất bản ở New York phát hành cuốn *Ông Ibrahim và những đóa hoa kinh Coran* của tôi tại Mỹ, một biên tập viên có hỏi xem liệu tôi có thể viết lại cuốn sách tám mươi trang này thành một cuốn dày ít nhất ba trăm năm mươi trang bằng cách phát triển thêm số phận của bà Ibrahim, của cha mẹ Momo, của ông bà và các bạn học của cậu...

*

“Concerto tưởng nhớ một thiên thần”.

Tôi viết truyện này trên nền nhạc của Alban Berg, âm nhạc ấy mê hoặc tôi và đưa tôi đến những giác cảm lạ lùng, những suy nghĩ mới mẻ.

Tôi chưa bao giờ để ý rằng tuổi tác giúp chúng ta tự do đến mức nào. Khi hai mươi, chúng ta là sản phẩm của nền giáo dục nhưng đến bốn mươi rốt cuộc đó lại là kết quả những lựa chọn của chúng ta – nếu chúng ta đã lựa chọn.

Chàng trai trẻ trở thành người đàn ông mà anh ta mong muốn thuở ấu thơ. Trong khi đó người đàn ông lại trở thành đứa trẻ mà chàng trai trẻ từng là.

*

Chúng ta có thể thay đổi được không? Và nhất là chúng ta có tự nguyện thay đổi không?

Lại là tôi giữa tâm điểm của những câu chuyện này, đối mặt với vấn đề tự do...

Với những người ủng hộ quyết định luận, rõ ràng là con người không thay đổi bởi anh ta không có chút quyền tự chủ lẫn tự do lý trí nào. Ý chí, cái mỗi nhử ấy, chỉ là tên gọi được đặt cho cái vỏ bọc cuối cùng người ta nhận thấy. Nếu một người trở nên khác đi, thì đó là do tác động của những quyền lực mới bắt buộc phải tuân theo – những quy tắc xã hội – hoặc của một sang chấn tinh thần. Trừ trường hợp hao mòn từ bên trong như máy móc, còn lại đều xuất phát từ ngoại cảnh...

Đối với những ai tin vào tự do, việc này trở nên phức tạp. Ý chí liệu có đủ mạnh để làm thay đổi tính khí con người?

Đủ với một số người tham vọng mà tôi gọi là *những người ủng hộ sự thánh thiện*. Dù họ theo đạo Do Thái, đạo Phật hay Công giáo, dù họ là những kẻ vô thần như Sartre, tác giả đã xây dựng nên người hùng Goetz trong *Con Quỷ và Đức Chúa Trời*^[9], người đã thay đổi hoàn toàn từ kẻ xấu thành người tốt, thì họ đều tin vào khả năng thay đổi triệt để.

Không đủ với những người khác, như tôi đây, những kẻ thận trọng mà tôi gọi là *những kẻ biết sửa chữa*. Con người không thay đổi: họ chỉ chỉnh sửa bản thân. Họ sử dụng tính khí của mình một cách khác, họ đổi hướng nó, dùng nó để phục vụ các giá trị khác. Chẳng hạn như Chris, nhân vật chính của “Concerto tưởng nhớ một thiên thần”, đã tôn thờ cạnh tranh, tôn thờ mơ ước đạt đến sự xuất chúng, dưới ảnh hưởng từ một người mẹ bất hạnh và thất vọng. Choáng váng sau việc mình gần như đã giết người, anh ta vẫn giữ nguyên tính cách – mạnh mẽ, hiếu chiến, khát khao thành công –, nhưng anh ta dùng nó để phục vụ việc tốt. Anh ta vẫn vậy dù thể hiện mình khác đi: một người vị tha đã thế chỗ cho một kẻ vị kỉ.

*

Sức mạnh của ý chí.

Không có nó, có lẽ tất cả chúng ta đều đã nhượng bộ trước những xung năng bạo lực. Khi bỗng nhiên bị xâm chiếm bởi một cơn tức giận, sợ hãi, phẫn nộ, trong giây lát ai chẳng muốn đánh đập, thậm chí giết chết kẻ khác?

Tôi thường xuyên nghĩ rằng chúng ta đều là những kẻ sát nhân. Phần lớn loài người, những kẻ biết kiểm soát bản thân, được hình thành từ những kẻ sát nhân tưởng tượng; số ít là những kẻ sát nhân thực sự.

*

Marguerite Yourcenar^[10] từng nói: con người ta không thay đổi, con người ta trở nên sâu sắc hơn. Tương tự như vậy, André Gide^[11] từng đưa ra lời khuyên phải đi theo con dốc, miễn là theo chiều đi lên.

Khi ý chí và trí tuệ gặp nhau, con người trở thành một động vật có thể giao du được.

*

Bruno và Yann phát hiện ra “Concerto tưởng nhớ một thiên thần”. Họ đến bên tôi, cảm động nói rằng tôi đã viết nên một chuyện tình đẹp.

Thật ngạc nhiên. Tôi không hề nhận ra điều đó.

*

“Một môi tình ở điện Élysée”.

Trong khi phát triển truyện ngụ ngôn về tình yêu lỗi nhịp này, tôi cảm thấy mình gần như đang ở trên sân khấu kịch nói. Henri và Catherine là hai nhân vật mạnh mẽ, gây ấn tượng ngay tức thì. Với vẻ ngoài tuyệt vời, họ khoác lên mình nhiều mặt nạ khác nhau, họ có sự sang trọng theo kiểu của những người kiểm soát lẫn nhau, và đau khổ theo kiểu của những người biết câm lặng.

Cùng lúc đó, địa điểm xảy ra câu chuyện giăng ra nhiều cái bẫy: cung điện Élysée về cơ bản phải là một mái nhà, quyền lực phải là một cái khung chứng minh rằng những người sống trong đó sợ hãi dư luận.

Tôi đã buộc phải viết đi viết lại phần mở đầu vài lần để tìm ra góc nhìn chuẩn xác, góc nhìn ấy rất đơn giản cho phép ta có thiện cảm với một người phụ nữ cô đơn đang cảm thấy mình bị bỏ rơi.

*

Truyện ngắn “Một mối tình ở điện Élysée” khép lại cuốn sách là bởi vì nó mang đến những chiếc chìa khóa: giống như Henri và Catherine, con người bị lạc nhau trong các hành lang thời gian, hầu như không bao giờ đồng thời có chung cảm xúc, mà phải chịu đựng sự lệch pha đau đớn.

Cũng như vậy, mụ đầu độc và vị linh mục đã bỏ lỡ nhau...

Cũng như vậy, gã thủy thủ Greg quên mất rằng mình là một người cha khi những đứa con gái của gã còn nhỏ.

Cũng như vậy, Chris và Axel quá khác nhau để biết ngưỡng mộ nhau; và khi họ thay đổi, thì hẳn nhiên điều đó đã tạo ra khoảng cách...

Nếu một ngày, những lời giải thích giúp ta hiểu ra rằng chúng ta đã bỏ lỡ nhau, thì chúng cũng không giúp sửa chữa được điều này.

Sám hối có được từ nhận thức thường đến quá muộn. Cái ác đã diễn ra... Tự cải thiện không xóa đi được những gì đã mắc

phải. Những đứa con gái của Greg, gã thợ máy trên con tàu chở hàng, sẽ vẫn đau khổ vì mình đã không được yêu thương và ít được quan tâm...

Đáng ra tôi có thể đặt tên cho cuốn sách này là *Những lỗi nhịp yêu thương*...

*

Rita, Đức Mẹ của những nỗi niềm tuyệt vọng, nữ thánh bất khả, xuất hiện tựa một viên kim cương đa diện trong những câu chuyện này. Sự việc có lúc châm biếm, có lúc gợi mở, có lúc phát động, có lúc mang đến hy vọng. Sự trở lại của Đức Mẹ mang tính hai mặt của cái thiện: những điều tưởng như tốt đẹp đối với người này lại gây ra nỗi bất hạnh cho người kia, điều đánh mất Paul sẽ cứu được Pierre.

Thánh Rita là một chủ đề không kể cho ta điều gì mà thông qua đó người ta kể về mình.

Chủ đề xuyên suốt này không phải là lời giải thích mà tôi, một nhà văn, đưa ra, đúng ra nó là một sự châm chọc, một sự khơi gợi, một hạt nhân kỳ bí hẳn có nhiệm vụ buộc người đọc phải suy ngẫm.

Sáng nay, tôi nhận được thư của các em học sinh cấp hai ở Đức đã học Ông Ibrahim và những đóa hoa kinh Coran. Giữa những lời khen ngợi, một trong số các em tuy thế vẫn phàn nàn rằng: “Tại sao chú không giải thích lý do vì sao ông Ibrahim luôn nhắc đi nhắc lại: Tôi biết có gì trong Kinh Coran của tôi?”

Tôi đã trả lời em học sinh đó bằng một câu:

“Bởi vì chú muốn các cháu tự tìm ra lý do ấy...”

*

Khi một cuốn sách được viết xong, cuộc sống của nó bắt đầu.

Kể từ tôi nay, tôi không còn là tác giả của nó nữa. Các tác giả của cuốn sách từ nay sẽ chính là độc giả...

Voltaire^[12] từng nói rằng những cuốn sách hay nhất là những cuốn sách được viết phân nửa bằng trí tưởng tượng của độc giả.

Tôi đồng ý với ý tưởng của ông, nhưng, từ tận đáy lòng, tôi vẫn luôn muốn nói thêm rằng: miễn sao độc giả phải có tài năng...

*

Nói rõ hơn: việc độc giả có thể có tài năng hơn tôi không hề làm tôi thấy phiền lòng. Ngược lại là đằng khác...

[1] Valeria Messalina (kh. 17/20 - 48) là người vợ thứ ba của Hoàng đế La Mã Claudius. Bà đã có một cuộc sống nhiều bê bối và những cuộc ăn chơi trác táng. Bà bị nghi ngờ âm mưu giết Hoàng đế và bị xử tử năm 48.

[2] Trong Kinh Thánh, Chúa kể rằng một hôm ông chủ một ruộng nho thuê công nhân làm vườn cho mình. Đến cuối ngày, ông ra cổng và bắt gặp một số người vẫn ngồi đó suốt từ sáng. Ông ta bèn hỏi họ xem vì sao họ không làm việc gì suốt cả ngày. Họ trả lời rằng không ai thuê họ làm việc cả. Ông chủ bèn mời họ vào làm một tiếng còn lại trong ngày, và trả công họ như đã trả công cho những người bắt đầu từ sáng sớm. Những công nhân làm việc từ sáng sớm thắc mắc sao những người làm muộn lại nhận được đồng lương như họ. Ông chủ trả lời rằng họ đáng được nhận đồng lương ấy vì sự kiên trì nhẫn nại của họ.

[3] Bản concerto dành cho violon được nhà soạn nhạc người Áo Alban Berg (1885-1935) sáng tác năm 1935.

[4] Các nhà văn nổi tiếng người Pháp, tác giả của nhiều truyện ngắn.

[5] Italo Calvino (1923-1985) là nhà văn hậu hiện đại người Ý.

[6] Anton Pavlovitch Tchekhov (1860-1904): nhà viết kịch, nhà văn người Nga nổi tiếng và có ảnh hưởng lớn trên thế giới với thể loại truyện ngắn.

[7] Luigi Pirandello (1867-1936): nhà văn, nhà viết kịch người Ý đoạt giải Nobel Văn học năm 1934.

[8] Tennessee Williams (1911-1983): nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng người Mỹ.

[9] *Le Diable et le Bon Dieu*, một vở kịch của nhà văn người Pháp Jean-Paul Sartre (1905-1980).

[10] Nữ nhà văn người Bỉ (1903-1987), sau này nhập quốc tịch Mỹ, là tác giả của nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn nổi tiếng.

[11] Nhà văn người Pháp (1869-1951) từng đoạt giải Nobel Văn học năm 1947.

[12] François-Marie Arouet (1694-1778), nổi tiếng qua bút hiệu Voltaire, là một đại văn hào, nhà thơ, bình luận gia, nhà thần luận và triết gia người Pháp.

MỤ ĐÀU ĐỘC
TRỞ VỀ
CONCERTO TƯỞNG NHỚ MỘT THIÊN THẦN
MỘT MỐI TÌNH Ở ĐIỆN ÉLYSÉE
